

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 Số 168 - Năm thứ 16, tháng 03-2003

Chống chiến tranh hay chống Mỹ ?

Sự kiện nổi bật trong tháng 2 đã là những cuộc biểu tình rầm rộ tại khắp các thủ đô Châu Âu phản đối ý định của Hoa Kỳ tấn công lật đổ chế độ Saddam Hussein tại Iraq. Không những đường phố mà ngay cả một số chính phủ Tây Âu, nhất là Pháp và Đức cũng bày tỏ sự chống đối với dự định của Hoa Kỳ.

Những lý do được đưa ra để phản đối Hoa Kỳ có vẻ thiếu tính thuyết phục. Trước hết luận điệu cho rằng Hoa Kỳ muốn đánh Iraq để chiếm các mỏ dầu không nghiêm chỉnh. Giả thử Hoa Kỳ và các đồng minh có lật đổ được chế độ Saddam Hussein và thay thế bằng một chế độ dân chủ như họ muốn đi nữa thì các mỏ dầu đó vẫn là của Iraq và dầu của Iraq có thể bán cho mọi nước, không riêng gì Mỹ. Cùng lắm, với sự ổn định tại đây, giá dầu có thể giảm xuống vài đô la mỗi thùng. Nhưng như thế cả thế giới được lợi chứ không riêng gì Mỹ. Phải nghĩ rằng chính phủ Mỹ đây lòng từ thiện đối với thế giới mới có thể tưởng tượng họ bỏ ra hàng trăm tỷ USD, và có lẽ hàng trăm sinh mạng thanh niên để chỉ đem lại cho thế giới lợi ích khiêm tốn này.

Lập luận chống lại một cuộc chiến tranh ngăn ngừa có trọng lượng hơn nhiều. Nhưng lập luận này không đúng vững khi nó được đưa ra tại Châu Âu, nơi mà hầu như mọi người và mọi quốc gia đều đã tiếc trong hơn một nửa thế kỷ qua là đánh gục chế độ Đức quốc xã trước khi nó gây ra những tội ác kinh khủng.

Sau đó là lập luận dựa trên đạo lý quốc tế. Muốn tấn công Iraq phải có đồng thuận quốc tế qua biểu quyết của Liên Hiệp Quốc, chứ một nước dù hùng mạnh và có lý do chính đáng đến đâu cũng không thể đơn phương quyết định. Đạo lý hay lý do để duy trì quan hệ thương mại với chế độ Saddam Hussein đang rất có lợi cho Pháp, Đức và một số nước Tây Âu khác ?

Một lập luận khác là tuy chế độ Saddam Hussein bạo ngược và đáng ghét thực, nhưng thế giới không thiếu những chế độ độc tài bạo ngược khác, làm sao đánh hết

được ? Lập luận này chỉ đúng nếu được dùng để bào chữa cho thái độ thực dụng, nó không thể được dùng để chống lại việc tấn công chế độ Iraq. Dầu sao ít nhất thế giới cũng bớt đi một bạo chúa.

Còn có lập luận tôn trọng chủ quyền quốc gia của Iraq. Lập luận này cũng rất giả tạo khi nó được đưa ra tại Tây Âu, nơi đã khai sinh ra một chủ thuyết mới, chủ thuyết "bổn phận can thiệp" đã được sử dụng cách đây không lâu để tấn công chế độ của Milosevic tại Nam Tư cũ.

Một nhà ngoại giao trứ danh của Tây Âu, Talleyrand đã từng nói một câu để đời : "các diễn văn có mục đích là để giấu giếm những lý do thực sự". Câu nói này rất đúng vào lúc này. Sự thực Châu Âu chống Mỹ chứ không phải chống chiến tranh và lý do căn bản của sự chống đối này là sự ghen tức đối với sức mạnh áp đảo của Hoa Kỳ.

Nhưng Tây Âu cần xét lại chính mình. Trước đây một thế kỷ nước Mỹ không mong muốn gì hơn là được sống cô lập để xây dựng sự phồn vinh của riêng mình dựa trên phúc lợi của tự do, dân chủ mà họ lấy làm nền tảng dựng nước. Chính Tây Âu đã phát minh ra các chủ nghĩa cộng sản, nazi và phát xít, đã gây ra hai cuộc thế chiến để rồi phải nhờ Hoa Kỳ giải quyết. Cũng chính Châu Âu đã tạo ra ra vấn đề Do Thái-Palestine và vấn đề Nam Tư, và cũng buộc Hoa Kỳ phải giải quyết cho mình. Thế giới nên mừng rằng sức mạnh áp đảo của Hoa Kỳ không nằm trong tay một nước như Trung Quốc, Nga, hay ngay cả Pháp và Đức. Hậu quả sẽ rất bi thảm.

Thái độ chống Mỹ trong mọi trường hợp có thể đưa đến hậu quả tai hại là Hoa Kỳ có thể lùi về chủ nghĩa cô lập hoặc ngược lại bất chấp mọi phê phán mà cho là đáng nào cũng không công bình.

Nói như thế không phải là Hoa Kỳ luôn luôn có lý. Họ đã làm nhiều sai lầm. Trong hiện tại họ chưa chứng minh được rằng một cuộc tấn công Iraq là thực sự cần thiết và cấp bách.

Điều may mắn nhất cho thế giới là tên bạo chúa Saddam Hussein biết sợ và tự ý rút lui. Hắn đã gây ra quá nhiều tội ác và hắn cũng quả nhiên là một đe dọa cho an ninh thế giới. Nhưng nếu được như vậy thì cũng là do áp lực của Hoa Kỳ chứ không phải do thái độ dùng dằng của Tây Âu.

Thông Luận

Lý do của sự vô lý

Nguyễn Gia Kiểng

Những tiếng kêu bất lực nhiều khi lại có sức mạnh tố giác mạnh nhất. Ngày 20-12-2002, sau khi "tòa án nhân dân" Hà Nội tuyên án anh 12 năm tù về tội gián điệp, Nguyễn Khắc Toàn la lên "Phi lý ! Phi lý !". Một toán công an lập tức xông tới khóa tay anh kéo ra khỏi phòng xử. Hành động này chỉ làm cho những tiếng la và sự vùng vẫy của Nguyễn Khắc Toàn thêm trọng lượng.

Quả là phi lý, quá sức phi lý. Nguyễn Khắc Toàn chẳng làm gì để có thể bị buộc vào tội gián điệp. Anh cũng không có đặc tính nào của một gián điệp được cả. Anh còn là sự trái ngược của một gián điệp. Nguyễn Khắc Toàn là một con người vô tư, chất phác, bộc trực, vui nhộn, xông xáo, nông nổi, suy nghĩ nhanh và hành động theo trực giác, không cân nhắc. Một mẫu mực của một tiểu thương gia, và cũng là mẫu người mà Phùng Quán mô tả: "yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo rằng ghét". Một người dân chủ đứng tuổi trong nước nói về Toàn một cách vừa chê trách vừa thương mến: "Nó ầu quá, thế nào cũng bị bắt". Và Toàn đã là người bị bắt đầu tiên trong đợt đàn áp dân chủ mới, vào ngày 8-1-2002, khi đang gửi một điện thư tại một quán cà phê internet.

Toàn đang học dở dang Đại Học Sư Phạm ban Toán thì bị động viên gửi vào chiến trường miền Nam. Sau chiến tranh anh xin giải ngũ trở về học tiếp Đại Học Sư Phạm. Tốt nghiệp xong, Toàn thấy nghề dạy học quá nghèo, anh chuyển sang kinh doanh, mở tổ hợp xây dựng Quyết Thắng, lúc đó "quyết thắng" là một từ kép rất hợp thời. Dần dần trong một chế độ tham nhũng móc ngoặc, làm ăn lương thiện ngày càng khó, tổ hợp không sống được, Nguyễn Khắc Toàn quay sang một dịch vụ mới, anh mở một văn phòng trung gian hôn nhân đặt tên là "Câu Lạc Bộ Từ Ánh Mắt Tới Trái Tim". Từ đầu năm 2000, Nguyễn Khắc Toàn quan tâm đến những đồng bào nghèo từ thôn quê về Hà Nội khiếu kiện. Anh hỏi thăm, an ủi và giúp họ viết đơn cho rõ ràng, mạch lạc. Hành động từ thiện này đã giúp anh ý thức rằng những hà hiếp bóc lột mà đồng bào phải chịu đựng là do đất nước không có dân chủ. Vì thế anh đã tìm đến với những người dân chủ như Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang để bày tỏ cảm tình. Chỉ bày tỏ cảm tình thôi, chứ Nguyễn Khắc Toàn không tham gia một hoạt động nào. Hoạt động cho dân chủ tại Việt Nam hiện nay chủ yếu là bằng ngòi bút và bằng lý luận, đó không phải là sở trường của Nguyễn Khắc Toàn, vả lại anh rất bận rộn với công việc.

Nguyễn Khắc Toàn bị kết tội gián điệp, với bốn "chứng cứ" :

1. Hay lui tới những nơi đồng bào tụ tập để khiếu kiện và thông tin về những khiếu kiện của họ trên mạng Internet.

2. Đã sao chụp một số bài viết của những người dân chủ trong nước như Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương,

Hoàng Minh Chính. Nhưng các vị này không hề bị truy tố về những bài viết này.

3. Đã mở một tài khoản tại ngân hàng, dù tòa nhìn nhận tài khoản này chưa hề nhận một khoản tiền nào.

4. Đã trao đổi 24 điện thư với một phụ nữ tại Pháp. Tòa đánh giá những thư này chỉ là thư tình.

Chỉ có thế nhưng tòa đã dựa vào điều 80 của bộ luật hình sự tố tụng để buộc anh vào tội gián điệp, bởi vì theo điều này "bị coi là phạm tội gián điệp những người thu thập và phổ biến những tin tức và tài liệu để nước ngoài sử dụng chống nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam".

Ở đây, một phụ nữ sinh sống tại Pháp được coi là "nước ngoài" và thư tình được coi là tài liệu chống nhà nước.

Tuy vậy Nguyễn Khắc Toàn đã bị xử 12 năm tù. Những tiếng hô ngắn gọn, uất ức và phẫn nộ "Phi lý ! Phi lý !" của Nguyễn Khắc Toàn có sức nặng ngàn cân.

Trước đó, năm 2001, linh mục Nguyễn Văn Lý cũng đã bị xử một bản án cực kỳ vô lý 15 năm tù. Nguyễn Văn Lý, 55 tuổi lúc bị kết án, đã từng bị tù 5 năm chỉ vì "tội" là thư ký riêng của giám mục Nguyễn Kim Điền. Được trả tự do, ông về cai quản một giáo xứ rất nhỏ và rất nghèo, giáo xứ Nguyệt Biều, với khoảng một trăm giáo dân. Nếu không có biến cố gì thì Nguyễn Văn Lý đã sống nghèo khổ trọn đời mình trong cái không gian nhỏ hẹp không ai biết tới đó. Nhưng đã có biến cố. Và biến cố này là nhà nước cộng sản đã lấn chiếm mảnh đất 5.000 mét vuông, tài sản duy nhất của giáo xứ. Nguyễn Văn Lý phản đối và vận động giáo dân phản đối. Vì biết dùng máy vi tính, Nguyễn Văn Lý đã sử dụng mạng Internet để tố giác với đồng bào trong và ngoài nước hành động chiếm đoạt thô bạo này. Vấn đề có thể giải quyết rất dễ dàng bằng cách trả lại đất đai cho họ đạo của Nguyễn Văn Lý. Thế nhưng chính quyền cộng sản đã hù dọa và trấn áp ông.

Tự thấy mình hoàn toàn có lý, Nguyễn Văn Lý đã chống cự mãnh liệt, bằng cách liên tiếp ra những thông tư phản đối. Những thông tư này, thường chỉ có vài dòng và được soạn thảo một cách vội vã chứng tỏ tác giả của nó không có một chủ trương chính trị nào và cũng không có ý định hoạt động chính trị. Những người dân chủ đã chỉ lên tiếng bênh vực Nguyễn Văn Lý như một nạn nhân của một biện pháp thô bạo và tùy tiện. Liên hệ của Nguyễn Văn Lý với các tổ chức dân chủ chỉ là ngẫu nhiên và gián tiếp. Giáo hội công giáo Việt Nam cũng đã rất nhịn nhục và chuyển Nguyễn Văn Lý ra một họ đạo khác. Nhưng Nguyễn Văn Lý vẫn bị tuyên bố quản chế hai năm. Uất ức quá, ông không chấp nhận quyết định thô bạo này nên bị giải tòa và bị kết án 15 năm tù, sau một vụ án chớp nhoáng.

Cũng chưa hết, sau đó ba người cháu của Nguyễn Văn Lý, vì bệnh chú, cũng bị bắt và truy tố về tội gián điệp. Theo điều 80, họ sẽ bị xử không dưới 12 năm tù như Nguyễn Khắc Toàn. Chứng cứ buộc tội là đã liên lạc với bà Ngô Thị Hiền, chủ tịch Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo của người Việt tại Mỹ và bà Đoàn Trang, thuộc đài phát thanh Quê Hương, một đài phát thanh tư nhân của người Việt Nam tại Mỹ. Một lần nữa hai phụ nữ Việt Nam sinh sống

ở nước ngoài được coi như là những quốc gia.

Những vụ án vô lý và ngớ ngẩn, nhưng rất ác độc này, chứng tỏ rằng chế độ cộng sản coi thường chính pháp luật của họ, khi họ giải thích luật pháp, điều 80 bộ luật hình sự, một cách tùy tiện đến độ lỗ mãng. Chính họ bôi nhọ luật pháp và hiến pháp, nghĩa là chính chế độ.

Nhưng tại sao có sự vô lý cùng cực này ?

Quan sát kỹ, người ta có thể thấy những nạn nhân bị đối xử tàn tệ bởi chính sách khủng bố bằng tòa án này đều là những người không làm chính trị. Họ bị xử nặng hơn nhiều lần so với những người công khai tranh đấu cho dân chủ.

Họ bị đàn áp thẳng tay do một phân tích chính trị của nhà cầm quyền cộng sản, theo đó những người dám hoạt động chính trị đối lập với đảng cộng sản không nhiều, mối nguy cho đảng là họ có thể được quần chúng hưởng ứng, và phải chặt đứt những nhịp cầu nối họ với quần chúng. Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Lý và các cháu ông là những nhịp cầu này. Họ không hoạt động chính trị nhưng họ, hoặc vì vô tình hoặc vì cảm tình, đã đến với những người dân chủ và nối liền quần chúng với cuộc vận động dân chủ.

Chính quyền cộng sản sợ họ bởi họ là dấu hiệu của sự chuyển động của khối quần chúng thâm lặng. Những cáo buộc tùy tiện và những bản án thô bạo, và thô bỉ này, rõ ràng nhắm mục đích gây kinh hoàng cho những người tuy không làm chính trị nhưng ngày càng bị thôi thúc bởi khát vọng dân chủ, nghĩa là quần chúng Việt Nam, với hy vọng cô lập hẳn một thiểu số dám đứng dậy đấu tranh đòi dân chủ.

Nhưng đây chỉ là một sai lầm khác và lớn hơn của chế độ. Sự chuyển mình của quần chúng là một chuyển động mãnh liệt và toàn bộ của một xã hội đã đến lúc phải thay đổi. Quyền lực chính trị phải thích nghi chứ không thể chống lại nó. Càng ngớ ngẩn khi muốn ngăn chặn nó bằng cách đàn áp những người chỉ là nhân chứng của một thực tại mới. Không khác gì đập vỡ nhiệt kế để hy vọng trị được cơn sốt.

Quần chúng cũng không kém những người đấu tranh chính trị về sự dũng cảm, họ chỉ chậm nhận thức hơn mà thôi. Nhưng khi những con người bình thường và giản dị đã thấy cần phải chọn lựa, họ có thể hành động một cách mạnh bạo hơn cả những người hoạt động hình trị có kế hoạch và tính toán.

Trong nhất thời ban lãnh đạo cộng sản có thể quyết định bắt thêm nhiều người nữa và xử những bản án còn nặng nề và vô lý hơn nữa. Họ sẽ chỉ chứng tỏ sự điên dại của kẻ bố rối và chỉ làm tăng nhiệt độ của một nồi nước đã sắp sôi sục. Mỗi bản án hung bạo là một nhát xéng đào hố chôn chế độ.

Nguyễn Gia Kiểng

Lê Chí Quang đã bị chuyển trại về nhà tù Ba Sao, tỉnh Hà Nam Ninh, từ ngày 20-12-2002. Mọi thư từ thăm hỏi và ủy lạo, xin gửi về : **Bà Nguyễn Thị Kim Chung**, 22 Phố Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Thơ

Phải thả ngay

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Đơn đòi trả tự do cho những người bị bắt
Bởi đấu tranh chống tham nhũng, cường quyền
Chống độc tài đòi dân chủ đa nguyên
Cho một nước Việt Nam có tự do hạnh phúc
Vào dịp cuối năm qua trong nước

Chúng tôi ở hải ngoại viết đơn này
Đòi chính quyền độc tài phải giải quyết ngay
Cùng thông báo cho toàn dân cả nước
Cũng như cả thế giới loài người được biết



Những người dân chủ của chúng tôi
Ông Phạm Quế Dương, ông Trần Khuê
Bị bắt giam bởi chế độ nhà tù, mũi súng, lưới lê
Được "nạm ngọc" bởi mỹ từ Tự do Hạnh phúc

Phải thả ngay và phải thả ngay lập tức
Những người con ưu tú quê hương
Những trái tim quả cảm can trường
Không khuất phục trước bạo quyền u tối

Và phải thả ngay những công dân vô tội
Bị kết án tù đầy
Chỉ vì ăn ngay nói ngay
Nhìn sự thật dám nói lên sự thật



Những thầy tu, những linh mục
Những người không một tấc sắt trong tay
Chỉ có niềm tin thấp sáng giữa đêm dài
Sao nhốt họ vào nhà giam tăm tối

Phải thả ngay

Những tuổi trẻ hôm nay dám ăn dám nói
Những điều mà họ nghĩ không sai
Những bất công tham nhũng độc tài
Chính là những huyết chôn tự do hạnh phúc



Hãy dừng lại những bàn tay bạo lực
Phải thả ngay những tuổi trẻ hiên ngang
Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang
Tuổi trẻ Việt Nam tiếp nối nhau làm nên lịch sử

Một Lê Chí Quang bị bắt
Sẽ có hàng hàng Lê Chí Quang khác
Một Phạm Hồng Sơn bị giam
Sẽ có lớp lớp Phạm Hồng Sơn

Chúng tôi báo trước điều này đến các ông
Cùng tất cả loài người trên thế giới.

Sông Là (Laatzten, Đức)

Phạm Quế Dương, một anh hùng và một cấp lãnh đạo xuất chúng

Sinh ngày 11-3-1931 tại Hà Nội.

Địa chỉ : 37 Lý Nam Đe, Hà Nội.

Vợ là Đỗ Thị Cư, ba con gái đều là nhạc sĩ, hai người lớn đã có gia đình.

Phạm Quế Dương gia nhập bộ đội ngay Cách Mạng Tháng 8-1945, khi mới 14 tuổi và đang học trung học, và trở thành đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1948.

Qua nhiều chiến trận ông được lên cấp đại úy năm 1954, chỉ huy một đại đội tại Điện Biên Phủ và được gắn huân chương tại chiến trường. Sau đó được chuyển qua binh chủng Phòng Không - Không Quân. Mặc dù vào bộ đội và được kết nạp vào đảng cộng sản rất sớm, có trình độ văn hóa cao so với đa số tướng lĩnh cộng sản (ngoài văn hóa căn bản ông còn là một người tư học siêng năng) và cũng có mặt trên khắp các chiến trường quan trọng, tính tình cương trực của ông đã khiến Phạm Quế Dương không được thăng thưởng nhanh. Năm 1985 ông mới được phong quân hàm đại tá. Tuy vậy ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng.

Năm 1965, làm tổng biên tập *Tạp Chí Phòng Không - Không Quân*.

Từ 1970 đến 1973, chỉ huy một trung đoàn phòng không tại chiến trường miền Nam .

Sau đó ông được gọi về Hà Nội để phục vụ trong Tổng Cục Chính Trị Quân Đội.

Đầu năm 1979, khi cuộc chiến biên giới Việt-Trung nổ ra, ông làm chủ nhiệm chính trị quân đoàn 3. Năm 1980 làm chính ủy sư đoàn 411, thuộc quân đoàn 3.

Năm 1982, làm tổng biên tập *Tạp Chí Lịch Sử Quân Sự*. Chức vụ này rất hợp với Phạm Quế Dương vì ông rất say mê nghiên cứu lịch sử, nhất là lịch sử quân sự. Nhiều mâu thuẫn quan trọng giữa Phạm Quế Dương và ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam bắt đầu từ lúc này. Phạm Quế Dương viết và cho đăng nhiều bài với nội dung không phù hợp với lập trường chính thức. Ông cũng từ chối chấp hành lệnh của đảng theo đó không được kể lại chiến công của các sĩ quan đã bị thất sủng. Năm 1986 Phạm Quế Dương được bầu vào đoàn đại biểu bộ quốc phòng về dự đại hội 6 của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng bị bãi bỏ tư cách đại biểu và bị cất chức tổng biên tập *Tạp Chí Lịch Sử Quân Sự*.

Năm 1989 bị cho về hưu. Năm 1990 bị điều tra vì bị buộc tội liên kết với Trần Xuân Bách chủ trương đa nguyên đa đảng.

Năm 1999, Phạm Quế Dương trả thẻ đảng để phản đối việc khai trừ tướng Trần Độ. Từ đó ông trở thành



Phạm Quế Dương

một khuôn mặt nổi của phong trào dân chủ trong nước. Tư cách, trình độ văn hóa và sức thu hút của ông đã khiến Phạm Quế Dương nhanh chóng trở thành người lãnh đạo thực sự của phong trào.

Lập trường của Phạm Quế Dương là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng phương thức bất bạo động. Ông cũng quả quyết chọn lựa hoạt động trong khuôn khổ luật pháp.

Tháng 9-2001, Phạm Quế Dương làm đơn xin thành lập Hội Nhân Dân Chống Tham Nhũng mà ông là phát ngôn viên cùng với nhà xã hội học Trần Khuê. Đơn xin thành

lập hội vừa nộp ngày 3-9 thì hai ngày sau hơn 20 người đứng tên xin lập hội, trong đó có Phạm Quế Dương và Trần Khuê, bị bắt. Tất cả đều được phóng thích ngày hôm sau, nhưng từ đó không ngừng bị sách nhiễu : cắt điện thoại, thẩm vấn liên tục v.v. Riêng Trần Khuê bị giải về Sai Gòn và bị quản chế.

Không nao núng, Phạm Quế Dương tiếp tục hoạt động và qui tụ ngày càng đông những người dân chủ. Ông đã tích cực vận động lên án việc nhà cầm quyền công sản ký hiệp ước biên giới nhượng đất cho Trung Quốc, tố giác hành động thiếu văn hóa của chính quyền công sản trong đám tang tướng Trần Độ và bên vực các trí thức trẻ bị bắt giam Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn. Để phản ứng lại, nhà cầm quyền tìm đủ mọi cách để buộc tội và bôi nhọ ông. Họ vu cáo ông là đã chửi đảng cộng sản là "đồ chó má" trong một buổi họp của dân làng Tía, là đã bán Tử Dương Vọng Đình lấy một triệu USD v.v. Tất cả đều chỉ là những bịa đặt trắng trợn mà sau cùng chính quyền cũng bỏ qua.

Ngày 2-8-2002, giữa lúc các biện pháp sách nhiễu và hăm dọa đạt tới cao điểm, Phạm Quế Dương qui tụ 21 người tuyên bố thành lập Nhóm Dân Chủ, cũng do ông và Trần Khuê làm phát ngôn viên. Từ đó ông chính thức trở lãnh linh hồn và người lãnh đạo của phong trào dân chủ trong nước.

Ngày 28-12-2002, ông bị bắt cùng với vợ và người bạn là Hồ Thu tại nhà ga đường sắt Sài Gòn vào lúc họ lên xe để trở về Hà Nội sau một tuần lễ thăm viếng Sài Gòn. Ngày hôm sau đến lượt Trần Khuê cũng bị bắt. Phạm Quế Dương bị giam tại Sài Gòn gần hai tuần rồi được giải về Hà Nội, giam giữ tại nhà tù Thanh Liệt.

Cuộc thẩm vấn đang rất gay go. Chính quyền công sản buộc tội Phạm Quế Dương đã cấu kết với một tổ

Trần Khuê, một trí thức khiêm tốn và nhiệt tình, một chiến sĩ dân chủ đầy bản lĩnh

Tên thật Trần Văn Khuê, sinh năm 1936 tại Nam Định.

Địa chỉ : 296 Nguyễn Trãi, Quận 5, Sài Gòn.

Tình trạng hiện nay: bị quản chế từ tháng 9-2001, bị bắt giam chờ ra tòa từ ngày 29-12-2002.

Trần Khuê tốt nghiệp khoa văn đại học Hà Nội năm 1965, dạy trung học, chuyển qua nghiên cứu Hán Nôm và được phong làm giáo sư đại học từ 1981, giảng dạy tại trường Đại Học Sư Phạm Thành Phố Hồ Chí Minh. Năm 1990, ông được chuyển sang Viện Khoa Học Xã Hội Thành Phố Hồ Chí Minh để nghiên cứu về Hán Nôm.

Năm 1995, Trần Khuê được học bổng nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam tại Aix en Provence (Pháp) trong một năm. Sau khi về nước, năm 1996, ông xin về hưu và thành lập Trung Tâm Văn Hóa Đông Nam Á, một tổ chức ngoài chính quyền và hoạt động cho trung tâm này cho đến ngày bị bắt.

Trần Khuê viết rất nhiều cho *Tap Chí Văn Học, Tap Chí Sử Học, Tap Chí Ngôn Ngữ*. Ông cũng là một nhà thơ, đã xuất bản tập thơ *Gửi Những Nhà Thơ Quên Sử Mệnh* năm 1988.

Cho tới năm 1999, Trần Khuê chỉ được biết đến như một nhà nghiên cứu. Ông bắt đầu dẫn thân đấu tranh cho dân chủ từ 1999 và lập tức trở thành một khuôn mặt lớn của phong trào dân chủ Việt Nam với tác phẩm *Đối Thoại 1999* gây thảo luận sôi nổi. Hai năm kế tiếp, cùng với bà Nguyễn Thị Thanh Xuân, ông viết tiếp *Đối Thoại 2000* và *Đối Thoại 2001*. Tuy đến với cuộc vận động dân chủ sau nhiều người khác nhưng Trần Khuê nổi bật về sự hăng say và dũng cảm cũng như về trình độ kiến thức và lý luận. Là một nhà nghiên cứu lịch sử và xã hội, ông Trần Khuê hiểu rõ sức mạnh của tổ chức. Ông tuyên bố : "*chế độ này là một liên minh ma*

quỷ, để chống lại nó phải có một liên minh thần thánh, các cá nhân rời rạc không lay chuyển được nó".

Cũng như Phạm Quế Dương, Trần Khuê chủ trương tranh đấu trong khuôn khổ luật pháp để thiết lập cho Việt Nam một thể chế dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động, vì thế hai người hợp tác chặt chẽ với nhau và là hai đầu tàu của phong trào dân chủ trong nước.

Tháng 9-2001, Trần Khuê ra Hà Nội cùng với Phạm Quế Dương thành lập Hội Nhân Dân Chống Tham Nhũng mà hai ông là phát ngôn viên. Ngày 5-9-2001 ông bị bắt và giải về Sài Gòn rồi bị quản chế. Trần Khuê đồng ý tuyên bố không chấp nhận và không chấp hành biện pháp vô lý và trái luật pháp này.

Tháng 8-2002, mặc dù còn trong tình trạng bị quản chế, Trần Khuê lại cùng Phạm Quế Dương thành lập Nhóm Dân Chủ, cũng do hai ông làm phát ngôn viên.

Ngay từ khi tham gia cuộc vận động dân chủ Trần Khuê đã nổi bật như một người nhiều cá tính và đầy sức thu hút nhưng từ ba năm gần đây, vào lúc khí thế tranh đấu chính trị tại miền Nam có phần giảm sút so với đấu tranh tôn giáo, ít nhất là bề ngoài, Trần Khuê trở thành linh hồn của cuộc vận động dân chủ miền Nam.

Ngày 29-12-2002, Trần Khuê bị bắt tại nhà và bị truy tố về tội danh "tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa". Hiện đang bị giam giữ tại sở công an Sài Gòn chờ giải tòa.

Trần Khuê là một trí thức khiêm tốn nhưng quả quyết, một mẫu mực của trí tuệ và sự dũng cảm, phối hợp nhiệt tình, quyết tâm, kiến thức và phương pháp.



Trần Khuê

chức phản động nước ngoài, nhờ thế con gái và cháu ngoại "đã được bọn phản động" đem ra nước ngoài nuôi dưỡng. Cáo buộc này cực kỳ thô bỉ vì cả con gái và cháu ngoại Phạm Quế Dương đều đã được chính nhà cầm quyền cộng sản cấp giấy thông hành cho đi du học hợp lệ. Cả hai tự kiếm tiền sống bằng những công việc bình thường của các sinh viên không có lợi tức : giữ trẻ em, người già, giúp việc cho các tiệm ăn...

Phạm Quế Dương là nhân vật cao cấp nhất và có uy tín nhất của chế độ đã bị bắt giam vì vận động dân chủ hóa. Việc bắt giam ông là hành động cực kỳ thô bạo và rất tùy tiện, vì Phạm Quế Dương rất ôn hòa, bao

dung và tôn trọng luật pháp, ông không làm điều gì có thể tạo lý cơ để chính quyền bắt ông. Đây cũng là một hành động đại dột.

Phạm Quế Dương là một nhân vật rất có uy tín, không ai có thể biết ông mà không mến phục ông vì kiến thức, tác phong nhân hậu và tính cương trực của ông. Những người mến mộ ông rất đông, ngay cả trong bộ máy đảng và nhà nước cộng sản.

Phạm Quế Dương là một anh hùng dân tộc đích thực trong chiến tranh cũng như trong cuộc vận động dân chủ, dù ông không bao giờ nghĩ mình là một anh hùng mà chỉ muốn phục vụ đất nước trong mọi hoàn cảnh.

Trần Dũng Tiến, một quyết tử quân của dân chủ

Sinh năm 1929 tại Hà Nội.

Địa chỉ : Làng Cự Lộc, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tình trạng hiện nay : bị bắt giam từ ngày 20-1-2003.

Trần Dũng Tiến sinh trưởng trong một gia đình chuyên nghề đóng giày.

Gia nhập bộ đội quyết tử ngay Cách Mạng Tháng 8-1945, ở tuổi 16 khi vừa học xong tiểu học và được kết nạp ngay vào Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tham dự nhiều trận đánh quyết liệt, được nhiều huân chương và bị nhiều thương tích nhưng chỉ lên cấp bậc đại úy quyết tử quân năm 1960 khi ông giải ngũ để trở về với nghề thợ giày vì tính tình cương trực. Đó là mẫu người liêu thân vì nước khi nguy biến rồi sau đó trở về với đời sống thường dân mà không đòi hỏi một đền đáp nào. Đó cũng là mẫu người không bao giờ vắng mặt khi đất nước cần.

Nếu tình hình đất nước diễn tiến tốt đẹp, hoặc ít ra bình thường thì chắc chắn không ai biết đến anh thợ giày cựu bộ đội Trần Dũng Tiến cả. Nhưng trong khi chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ và cả thế giới chuyển hóa về dân chủ thì Việt Nam vẫn quần quai trong ách độc tài của một đảng cộng sản ngoan cố và cực kỳ tham nhũng thì Trần Dũng Tiến lại thấy phải dấn thân. Và ông dấn thân với tấm lòng đơn sơ nhưng hùng tráng của một quyết tử quân.

Là một người khiêm tốn và lương thiện, Trần Dũng Tiến không muốn mắc vào những sai lầm của sự chủ quan và tự mãn. Ông tìm đến trước hết với những trí thức dân chủ để học hỏi nơi họ. Ông trở thành bạn thân của Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến và nhất là Phạm Quế Dương mà mặc dù ít tuổi hơn ông, ông coi là người lãnh đạo.

Từ năm 1996, sau đại hội 8 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Trần Dũng Tiến bắt đầu viết. Người quyết tử quân cầm súng năm xưa nay trở thành chiến sĩ dân chủ bằng ngòi bút. Những bài viết của Trần Dũng Tiến rất có chất lượng, bộc trực và nhất là bốc lửa.

Năm 1998, Trần Dũng Tiến vào Nam tiếp xúc với các trí thức dân chủ tại Sài Gòn và Đà Lạt và bị bắt giam một thời gian ngắn. Nếu chính quyền cộng sản muốn dùng biện pháp thô bạo này để hù dọa ông thì quả là họ đã sai lầm một cách lộ bịch. Hành động này chỉ làm Trần Dũng Tiến sục sôi hơn trong quyết tâm

đấu tranh cho dân chủ. Từ đó Trần Dũng Tiến viết ào ạt và liên tục, viết nhiều hơn cả những người cầm bút chuyên nghiệp với những bài viết ngày càng sắc bén. Không những viết mà Trần Dũng Tiến còn làm : ông tích cực động viên và phối hợp những người dân chủ cùng với Phạm Quế Dương.

Từ 1998 Trần Dũng Tiến đã viết trên 100 bài mà ông gộp thành những loạt bài theo chủ đề :

- Hai loạt bài nổi tiếng của ông là *Hoan hô Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu* và *Chào Mừng Thời Kỳ Đổi Mới Nông Dân Mạnh*. Hai loạt bài này, dưới những tựa đề chung nhả nhận một cách châm biếm là những bản cáo trạng gay gắt và những thách đố nghiêm trọng đối với chế độ cộng sản.

- Hai bài nổi tiếng khác của Trần Dũng Tiến là bài *Chất Vấn Đồng Chí Đỗ Mười*, trong đó ông tố giác đích danh Đỗ Mười nhận hối lộ của một công ty Đại Hàn và bài *Vụng Vê và Hồn Xược* trong đó ông lên án cách đối xử của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với Nguyễn Thanh Giang và Trần Độ.

Trần Dũng Tiến trả thẻ đảng năm 1999.

Ngày 5-9-2001, Trần Dũng Tiến bị bắt vì gia nhập Hội Chống Tham Nhũng, nhưng được trả tự do ngay hôm sau.

Tháng 7-2002, ông lại bị bắt một lần nữa khi vào Sài Gòn gặp Trần Khuê, nhưng cũng được trả tự do sau vài ngày giam giữ.

Ngày 8-11-2002, trước hơn 100 người tụ tập trước tòa án đang xử Lê Chí Quang, Trần Dũng Tiến lớn tiếng thóa mạ pháp lý đạo tặc của nhà nước cộng sản và bị bắt, nhưng được trả tự do vào buổi tối.

Sau khi Phạm Quế Dương và Trần Khuê bị bắt tại Sài Gòn cuối tháng 12-2002, Trần Dũng Tiến không hề nao núng vẫn tiếp tục động viên anh em trong Nhóm Dân Chủ mà ông là một sáng lập viên.

Ngày 20-1-2003 ông bị bắt giữa lúc đang làm phóng ảnh một bài viết mới của mình. Ông đang bị giam giữ tại Hà Nội, gia đình chưa được tiếp xúc và cũng chưa biết ông bị buộc tội gì.

Trần Dũng Tiến là một chiến sĩ quyết tử dũng cảm của cuộc vận động dân chủ và một tấm lòng son sắt đối với đất nước. Bạo lực không bao giờ khuất phục được ông. Bắt giam một người đã 74 tuổi và đã trọn đời hy sinh cho đất nước như Trần Dũng Tiến là một hành động không những thô bạo và ngu xuẩn mà còn đại dột.

Gián điệp ?

Bản cáo trạng đối với ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý (bà Nguyễn Thị Hoa, ông Nguyễn Vũ Việt và ông Nguyễn Trực Cường) mà chúng tôi đăng nguyên văn sau đây có lẽ không cần một lời giải thích nào. Đối với mọi người đọc, nó thực ra là bản cáo trạng đối với nền pháp lý đạo tặc. Không ai có thể tưởng tượng rằng trong một xã hội văn minh những hành động được kể lại trong bản cáo trạng này lại có thể bị xem là phạm pháp được. Tuy vậy các đương sự sẽ bị xét xử ít nhất 12 năm tù.

Chúng tôi xin lưu ý độc giả một số điểm cần được làm sáng tỏ :

1. Bản cáo trạng này không hề buộc tội các đương sự xuyên tạc điều gì cả. Như vậy những thông tin mà các đương sự có thể đã chuyển ra nước ngoài đều hoàn toàn đúng sự thực. Và lại, theo chính bản cáo trạng này thì các đương sự đều không (hoặc chưa) thông tin gì cả.

2. Hòa thượng Thích Huyền Quang, mà bản cáo trạng gọi một cách xác xược là Lê Đình Nhân, trên nguyên tắc đã hết lệnh quản chế từ hơn 10 năm nay. Ông không hề bị truy tố về một tội danh nào cả, như vậy việc ông Nguyễn Trực Cường tới thăm ông là việc rất bình thường và hợp pháp.

3. Ngoài việc ông Nguyễn Trực Cường tới thăm hòa thượng Thích Huyền Quang, bản cáo trạng không hề nêu ra một hành động bất hợp pháp nào của các đương sự cả.

4. Với điều 80 Bộ luật hình sự, như được trích lại trong cáo trạng này, thì bất cứ ai người Việt Nam nào cũng có thể bị kết tội gián điệp. Như vậy chính luật pháp của chính quyền cộng sản phải bị vất bỏ. Nó chỉ là một dụng cụ thô bạo để một chính quyền đạo tặc sử dụng hãm hại người lương thiện.

5. Tuy vậy, theo chính điều 80 này, thì các đương sự không thể bị kết tội gián điệp. Các bà Ngô Thị Hiền và Đoàn Trang là những cá nhân không phải là những quốc gia.

Thông Luận chia sẻ sự phần nộ đối với gia đình các đương sự và với mọi người có lương tri.

Viện Kiểm Soát Nhân Dân Tối Cao

Số : 16/KSĐT-AN

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2002

CÁO TRẠNG

- Căn cứ Điều 141, 142 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 118-QĐ-KTVA ngày 21-6-2001 và các Quyết định khởi tố bị can số 120/QĐ-KTBC ngày 21-6-2001, số 121/QĐ-KTBC ngày 21-6-2001, số 124/CQANĐT ngày 27-6-2001 của cơ quan an ninh điều tra - Bộ công an đối với Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường và Nguyễn Thị Hoa về tội "Gián điệp".

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Tháng 11-2000, Nguyễn Vũ Việt (nhân viên Văn phòng liên lạc chương trình hợp tác đào tạo du học giữa Đại học Văn Hiến Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Broward Hoa Kỳ) từ thành phố Hồ Chí Minh đi Nguyễn Biều - Huế gặp Nguyễn Văn Lý (linh mục xứ An Truyền và là chú ruột của Việt) để học vi tính. Trong thời gian này Việt có gặp Ngô Thị Hiền và Ngô Minh Thu là Việt kiều quốc tịch Mỹ (Ngô Thị Hiền là chủ tịch của tổ chức Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam, một tổ chức phản động của người Việt Nam tại Mỹ) đang có mặt tại Huế thăm Nguyễn Văn Lý. Được Lý giới thiệu là cháu ruột nên Thu gợi ý giúp đỡ Việt tu học ở nước ngoài. Để liên lạc với Thu, Lý cho Việt địa chỉ Email của Thu. Sau khi về Mỹ, khoảng tháng 5 năm 2001, Thu gửi Email cho Việt qua mạng Internet yêu cầu gửi bằng tốt nghiệp, bằng điểm, lý lịch trích ngang và mẫu đơn bằng tiếng Anh để Thu xin học

bổng tu học cho Việt tại Mỹ. Việt đã gửi cho Thu các loại giấy tờ theo các yêu cầu trên (Bút lục số 39, 40, 70-73 tập II).

Cũng nhân chuyến về Việt Nam lần này, Ngô Thị Hiền đã mời Nguyễn Văn Lý làm cố vấn cho tổ chức Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam. Sau khi Nguyễn Văn Lý bị bắt, Việt mở ba hộp thư điện tử trên mạng Internet để nhận nhiều tài liệu có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ; ca ngợi Nguyễn Văn Lý của các tổ chức phản động như : Phòng thông tin Giáo hội Phật giáo Quốc tế tại Paris và của Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam tại Mỹ có hộp thư điện tử là : CRFVubtdtg4vn@aol.com, hoặc tudotgvn@aol.com (BL số 13 đến 16, số 50, 60 tập II ; số 12 đến 16, số 22 đến 25, số 125 đến 128, số 255, 256 tập VI).

Sau ngày 18-5-2001, trong lúc Nguyễn Văn Lý đang bị bắt giữ thì Ngô Thị Hiền đã đề nghị Việt gửi cho Hiền một số thông tin về Lý (sau khi Lý bị bắt), ảnh của Lý thời niên thiếu, trả lời 30 câu hỏi về Lý... và một số hình ảnh về đám tang của bà Kính (mẹ Lý). Các yêu cầu của Hiền được Việt thực hiện. Trong bức thư trả lời 30 câu hỏi của Ngô Thị Hiền về Nguyễn Văn Lý, Việt đã kể về việc Lý lừa VC (tức Việt cộng) để bầu Hội đồng giáo xứ ; Việt cũng đã bộc bạch "tâm tình và suy nghĩ" của Việt về Lý với Ngô Thị Hiền. Việt còn nhận định : "Với ba cái vô ấy (vô thủ, vô ngã, vô cầu mà Lý học được) xem như là hành trang để chiến đấu với VC" (tức Việt cộng). Ở cuối bức thư này, Việt còn tâm sự với Ngô Thị Hiền và xác định : "... có lẽ cũng như chú Lý của em, em không thể im lặng trước bất công, một sự im lặng nhút nhát và thậm chí đồng lõa. Một cách vô tình, em đã nhập cuộc vì chân lý, sự thật, và chắc

chấn hậu quả sẽ đến với em...". Việt đã thực hiện xong các yêu cầu và được Hiền cho 2.900.000 đồng tiền Việt Nam (BL 70 đến 78 tập II ; số 256 tập VI).

Khoảng tháng 5 năm 2001, Nguyễn Thị Hoa (chị gái của Cường và Việt) nhận được điện thoại của một người tự xưng là Hiền (Đoan Trang) làm ở đài Quê Hương (một tổ chức phản động đặt tại Mỹ, phát tiếng Việt). Qua nhiều lần nói chuyện qua điện thoại, Đoan Trang đề nghị Hoa động viên các em (Dũng, Cường, Việt) cộng tác với Trang trong việc nắm tình hình tôn giáo ở Việt Nam, trước hết là việc Thích Huyền Quang từ Quảng Ngãi vào thành phố Hồ Chí Minh. Hoa đã động viên Nguyễn Trục Cường giúp Đoan Trang. Nhân có một lần Cường sang nhà Hoa, thấy chuông điện thoại đổ nên đã nhắc ống nghe thấy giọng một người đàn bà giới thiệu là Hiền (Đoan Trang) và hỏi lại Cường là ai ? Cường giới thiệu là em chị Hoa, cháu cha Lý. Đoan Trang đặt vấn đề với Cường để Cường cộng tác trong việc nắm và cung cấp tình hình trong nước, tình hình tôn giáo... cho Đoan Trang.

Mặc dù biết đài Quê Hương là một tổ chức phản động chống lại Nhà nước Việt Nam nhưng Cường vẫn nhận lời cộng tác với Đoan Trang và cho Đoan Trang số điện thoại của mình là 091.829.863, đồng thời ghi lại số điện thoại của Đoan Trang là 001.4082233130 để liên lạc. Đoan Trang đặt bí danh cho Cường là "Phạm Việt". Nhiệm vụ trước tiên mà Đoan Trang giao cho Cường là đến Thanh Minh Thiền Viện ở 90 Trần Huy Liệu, thành phố Hồ Chí Minh nắm tình hình tăng ni phật tử chuẩn bị đón Thích Huyền Quang. Ngày 1-6-2001 Cường đã nhận được 500 USD do Đoan Trang chuyển về thông qua Hoa để mua điện thoại di động và chi phí đi lại. Đoan Trang còn hứa sẽ gửi cho Cường 20 triệu đồng để trả nợ. Cường đã cùng Việt mua một máy điện thoại di động (Simen C35) ; khi mua, Việt nhắc Cường nên mua hai sim cạc (mạng 091 và 090) để tiện liên lạc, sợ bị lộ. Mua xong Cường đưa cho Việt một sim cạc. Việt đã điện thoại cho Đoan Trang để thông báo số điện thoại mới này (BL số 24 đến 27 ; số 48 tập III ; số 79 đến 85 tập II).

Khoảng 6 giờ sáng ngày 7-6-2001 Cường đến thành phố Hồ Chí Minh và điện cho Việt ra uống cà phê. Cường kể cho Việt về công việc mà Đoan Trang giao cho. Việt dặn Cường phải cẩn thận... Sau đó Cường đi đến Thanh Minh Thiền Viện, thấy mọi việc bình thường, Cường đã điện cho Trang thông báo "tình hình bình thường". Ngay sau đó Đoan Trang lại yêu cầu Cường đến chùa Dạ Lan ở đường Trương Công Định thành phố Hồ Chí Minh để nắm tình hình tăng ni phật tử đón Thích Huyền Quang. Cường đã nhận lời nhưng không thực hiện nhiệm vụ này ; khi Đoan Trang hỏi, Cường trả lời là "bình thường, không có gì".

Sau đó Đoan Trang lại giao cho Cường đi Quảng Ngãi để nắm tình hình của Lê Đình Nhân (tức Huyền Quang), chụp ảnh, ghi âm cuộc nói chuyện với Nhân về nguyện vọng của Nhân, nhắn gửi với tăng ni phật tử trong và ngoài nước... Ngày 9-6-2001 Cường đến Quảng Ngãi, trên đường đi Cường mua một máy cassette có ghi âm. Vào đến chùa Phước Quang gặp Lê Đình Nhân, Cường đã nói chuyện với

Nhân, chụp hai kiểu ảnh của Nhân, bật máy ghi âm nhưng thấy nguy hiểm nên lại tắt đi, khi quay ra thì bị bắt giữ (BL số 49 đến 52 tập III).

Thông qua Cường và Hoa, Việt biết Hiền (Đoan Trang) làm ở đài Quê Hương. Đoan Trang đã nhiều lần liên lạc với Việt qua điện thoại. Việt cũng đã nhiều lần điện thoại cho Hiền (Đoan Trang) thông báo về tình hình Nguyễn Văn Lý (sau khi bị bắt), nhất là từ ngày 12-6-2001 đến 17-6-2001 Việt đã liên tục sáu lần điện thoại cho Đoan Trang, trong đó có cước phí điện thoại hết 168.670 đ (BL số 67 tập I), nhưng nội dung các cuộc điện thoại này Việt khai báo không thành khẩn. Việt còn cho địa chỉ của bạn mình là Nguyễn Văn Thiên Vũ ở đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh để bạn Hiền (Đoan Trang) gửi tiền về. Khi nhận được 650 USD Việt đã đưa lại cho anh trai là Dũng 500 USD để chăm sóc mẹ, còn Việt giữ lại 150 USD. Sau khi Cường bị bắt, Việt đã điện thoại cho Đoan Trang hỏi thăm địa chỉ của Lê Đình Nhân để đi tìm Cường. Ngay sau đó có một người đàn ông điện thoại cho Việt nói là đừng đi Quảng Ngãi vì rất nguy hiểm (BL số 67 tập I ; số 85, 86 tập II ; số 54, 55 tập IV).

Từ khi quan hệ với Đoan Trang, Hoa đã nhận được 2.300 USD do Đoan Trang gửi về qua hai người đàn ông không biết tên mang đến. Theo chỉ đạo của Đoan Trang, Hoa đã chuyển cho bà Hiếu (chị của Lý) 500 USD để thăm nuôi Lý, bà Quy (chị bà Hiếu) 1.000 USD xây mộ cho bà Kính, Cường 500 USD, còn Hoa được Đoan Trang cho 300 USD (BL số 27, 28, 48, 49 tập IV).

Ngoài ra, Nguyễn Vũ Việt còn mở ba hộp thư điện tử và mượn hộp thư của Nguyễn Văn Thiên Vũ để nhận các tài liệu phản động do Nguyễn Văn Lý và các nơi khác chuyển về như : Lời chứng thứ hai, Tuyên ngôn về thực trạng giáo hội công giáo tại giáo phận Huế, Phụ lục Tuyên ngôn nhân quyền Liên Hợp Quốc, Hiến chương năm 2000 toàn văn, Sự thật được phơi bày, Thông cáo báo chí tại Paris ngày 13-6-2001... Các tài liệu trên Việt còn lưu trong các đĩa mềm hoặc trong ổ cứng (đã xóa hoặc còn lưu) trong máy vi tính, trong đó có một số tài liệu Việt đã in ra mang về nhà cho mẹ và các anh, chị trong gia đình ở Đồng Nai (BL số 47 đến 67 tập II).

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở.

Kết luận

Từ tháng 11-2000 đến tháng 6-2001, mặc dù biết Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam và đài Quê Hương là những tổ chức phản động nhưng Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trục Cường, Nguyễn Thị Hoa vẫn thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu cho Ngô Thị Hiền (làm ở Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam) và Đoan Trang (làm ở đài Quê Hương) nhằm chống lại Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cụ thể là :

- **Nguyễn Vũ Việt** đã trực tiếp thu thập và cung cấp cho Ngô Thị Hiền nhiều thông tin về Nguyễn Văn Lý nhằm chống lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đã được Hiền cho 2.900.000 đVN. Biết Nguyễn Trục Cường cộng tác với Hiền (Đoan Trang) làm ở đài Quê Hương, Việt đã giúp Cường trong việc mua máy điện thoại di động để làm

phương tiện liên lạc ; nhắc nhở Cường mua hai loại sim cạc kéo bị lộ ; nhận của bọn Hiền (Trang) 650 USD, trong đó giữ lại 150 USD để sử dụng. Ngoài ra, Việt còn tàng trữ nhiều tài liệu phản động, trong đó đã mang một số tài liệu về nhà cho mẹ và các anh (Dũng và Hoàng) ở Đồng Nai.

Hành vi của Nguyễn Vũ Việt đã phạm tội "Gián điệp" quy định tại điểm C, khoản 1, điều 80 Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đối với **Nguyễn Trực Cường**, thông qua sự giới thiệu của Nguyễn Thị Hoa (chị gái của Nguyễn Trực Cường), Cường đã trực tiếp quan hệ với Hiền (Đoan Trang) làm ở đài Quê Hương tại Mỹ. Biết đài Quê Hương là phương tiện hoạt động của các đối tượng thù nghịch nhằm chống chính quyền nhân dân nhưng Nguyễn Trực Cường đã nhận từ Đoan Trang 500 USD để mua máy điện thoại di động, máy chụp ảnh và máy ghi âm để làm phương tiện hoạt động ; thực hiện các yêu cầu của Đoan Trang, Nguyễn Trực Cường đi Thanh Minh Thiên Viện để nắm tình hình chuẩn bị đón Lê Đình Nhân từ Quảng Ngãi vào thành phố Hồ Chí Minh ; đi Quảng Ngãi nắm tình hình về Lê Đình Nhân nhằm chuyển ra nước ngoài cho Đoan Trang.

Hành vi của Nguyễn Trực Cường đã phạm vào tội "Gián điệp" được quy định tại điểm c, khoản 1, điều 80 BLHS Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- **Nguyễn Thị Hoa** là người trực tiếp liên hệ với Đoan Trang và đồng viên Việt và Cường thực hiện những yêu cầu của Đoan Trang về thu thập, cung cấp các tài liệu để Đoan Trang sử dụng các tài liệu này chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hoa đã nhận từ Đoan Trang 2.300 USD để chuyển cho các địa chỉ theo chỉ định của Đoan Trang, trong đó chuyển cho Cường 500 USD để thực hiện các yêu cầu của Đoan Trang ; chuyển cho bà Hiếu (chị Lý) 500 USD, chuyển cho bà Quy (chị bà Hiếu) 1.000 USD để xây mộ cho mẹ Nguyễn Văn Lý, bản thân Hoa được hưởng 300 USD.

Nguyễn Thị Hoa còn tàng trữ một tập tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước do Nguyễn Vũ Việt mang về.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Hoa đã phạm vào tội "Gián điệp" được quy định tại điểm C, khoản 1, điều 80 BLHS Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Lý Lịch Các Bị Can

1. Nguyễn Vũ Việt

Sinh ngày 24 tháng 2 năm 1975 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký NKTT : Số nhà 77, tổ 2, Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương.

Chỗ ở : 179 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp : Nhân viên Văn phòng liên lạc chương trình hợp tác đào tạo giữa Đại học dân lập Văn Hiến thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Broward Hoa Kỳ.

Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh.

Bố : Nguyễn San (đã chết)

Mẹ : Nguyễn Thị Mùi - sinh năm 1934.

Hiện ở : 41-111 khu B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Vợ, con : Chưa có.

Quá trình hoạt động của bản thân :

Từ năm 1975-1992 : Sống cùng với cha mẹ, học tại Thống Nhất, Đồng Nai. Tháng 10-1995 : ở tại 179 Hoàng Văn Thụ, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, học Đại học mở (dự bị). Từ tháng 12-2000 đến nay : là nhân viên phụ trách chương trình đào tạo liên kết giữa Đại học Văn Hiến và Đại học Broward Community - Hoa Kỳ.

Tiền án, tiền sự : Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18-6-2001 cho đến nay.

Hiện đang bị tạm giam tại trại giam B 34 - Bộ công an.

2. Nguyễn Trực Cường

Sinh ngày 01-11-1967 tại Quảng Trị.

Nơi đăng ký NKTT : 41-111 khu 2B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Chỗ ở : Như trên.

Nghề nghiệp : Thợ trang trí nội thất.

Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh.

Bố : Nguyễn San (đã chết)

Mẹ : Nguyễn Thị Mùi - sinh năm 1934.

Hiện ở : 41-111 khu B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Vợ : Nguyễn Thụy Uyên - sinh năm 1974.

Hiện ở : 41-111 khu B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Có một con trai 6 tuổi.

Quá trình hoạt động của bản thân :

Từ năm 1967 đến 1984 : Còn nhỏ ở với cha mẹ tại Quảng Trị. Đến năm 1972 cùng gia đình chuyển về ở và đi học tại Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai. Từ năm 1984 đến 1990 : làm thợ sửa xe tại đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (gần cầu Thị Nghè). Từ 1990 đến 1995 dạy học tại trường khuyết tật Hàng Xanh - thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 1995 đến nay : làm thợ trang trí nội thất tại Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Tiền án, tiền sự : Chưa...

Bị tạm giam từ 13-6-2001 đến nay.

Hiện đang bị giam tại trại giam B 34 - Bộ công an.

3. Nguyễn Thị Hoa

Sinh năm 1959 tại Quảng Trị.

Nơi đăng ký NKTT : 40-110 khu 2B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Chỗ ở : Như trên.

Nghề nghiệp : Buôn bán.

Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh.

Bố : Nguyễn San (đã chết)

Mẹ : Nguyễn Thị Mùi - sinh năm 1934.

Hiện ở : 41-111 khu B, Quảng Biên, Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Chồng : Trần Hoàng - sinh năm 1958 (đã chết năm 1998)

Có 4 con : lớn nhất 18 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi.

Quá trình hoạt động của bản thân :

Từ năm 1959 đến 1972 : Còn nhỏ, đi học, ở với cha mẹ tại xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Từ năm 1972 : Theo cha mẹ vào Suối Nghệ, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Chồng tôi đang ở đâu, bị bắt về tội gì ?

Kính gửi : Cơ quan An ninh Điều tra - Sở Công an Hà Nội, đồng kính gửi Bộ Công an, các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước

Tôi tên là Dương Kim Hợp, hiện ở số nhà 12, ngõ 95 phố Cự Lộc, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, xin trình bày với các ông một việc như sau :

Chồng tôi tên là Trần Dũng Tiến, bị bắt lúc 10 giờ rưỡi sáng ngày 22 tháng 1 năm 2003, tức là 20 Tết Nhâm Ngọ, tại một cửa hàng photocopì. Chiều hôm ấy công an về khám nhà và đem đi hai thùng tài liệu. Lúc công an đến đọc lệnh khám nhà tôi sợ quá nên không nghe rõ và không biết chồng tôi mắc tội gì ? Cho đến hôm nay cả nhà tôi vẫn không được rõ ông ấy bị bắt vì tội gì vì không thấy ai đến giao cho một giấy tờ gì cả.

Ông ấy bị bắt ngay trước Tết nên cả nhà chúng tôi năm nay mất Tết. Mẹ con chúng tôi đã đến nhà tù Hỏa Lò mới ở Cầu Diễn để hỏi, nhưng các cán bộ ở đấy nói không có ông Trần Dũng Tiến trong danh sách trại giam này. Mẹ con chúng tôi lại đến Trại giam B14 ở Kim Giang để hỏi, nhưng ở đấy cũng bảo rằng không có ai là Trần Dũng Tiến. Tính đến ngày hôm nay đã 28 ngày mà gia đình chúng tôi vẫn không hề biết tin tức ông ấy ra sao ! Tôi là phụ nữ đã già gần 70 tuổi, đi lại rất vất vả nhưng tôi không ngại mà chỉ thấy lo ngại và rất thương cho ông ấy. Ông ấy tuổi Bính Dần đã gần 80 tuổi, đi làm cách mạng từ khi còn trẻ, nghèo khổ vất vả suốt đời nay lại bị giam cầm thế này thì đau đớn quá ! Mẹ con chúng tôi không biết chính trị nên đã can ngăn ông ấy rất nhiều là đừng có làm chính trị nhưng ông ấy bảo ông ấy không làm gì mà chỉ góp ý với Đảng chống tham nhũng, chống bất công, giả dối... Mẹ con chúng tôi không hề được đọc các bài viết của ông ấy nhưng gần đây mới nghe nói rằng

ông ấy hay phê bình chỉ trích lãnh đạo quá nặng lời nên nhất định phải bị trừng trị nặng. Có người còn nói ông ấy sẽ bị đưa ra tòa xử tội và sẽ bị chung thân hay tử hình. Mẹ con chúng tôi thắc mắc rằng vì sao lại nỡ bỏ tù ông ấy và dự định xử án nặng nề đến như thế. Ông ấy vốn là người trực tính, hay nói thẳng nói thật mà không có ý đồ xấu. Ông ấy không bao giờ có ý tuyên truyền chống Đảng, chống Nhà nước hay làm phản động.

Có người nói rằng từ hôm bị bắt ông ấy đã tuyệt thực không ăn uống gì và hình như ông ấy đã chết. Cả nhà chúng tôi con cái cháu chắt ông ấy đều thương xót ông ấy vô cùng. Hai con trai chúng tôi đang ở Đức nhưng chúng tôi vẫn chưa muốn cho các cháu biết tin này.

Tôi viết đơn này vô cùng tha thiết cầu xin các ông cho mẹ con chúng tôi được biết ông Trần Dũng Tiến bị tội gì, bị giam ở đâu ? và xin các ông cho chúng tôi được gặp để thăm nom ông ấy, gửi quà, gửi tiền và gửi thêm chăn màn quần áo cho ông ấy. Hôm bị bắt ông ấy đi tay không, vì trong túi có 550.000 đồng ông ấy đều trút ra gửi hết về nhà.

Ông ấy đã già lại không có trình độ chính trị cao mà chỉ là người ưa nói thẳng nói thật một cách gay gắt đốp chát chứ không thể làm gì nguy hiểm cho Đảng, cho Nhân dân. Cho nên mẹ con chúng tôi kính xin các ông xem xét bằng tình nhân ái để cho ông ấy được về nhà sống với con cháu ít năm cuối đời. Những ngày bị giam vừa qua chắc đã cho ông ấy bài học chua xót và rồi đây khi vợ con góp ý ông ấy sẽ nghe để sống được yên ổn .

Được vậy thì mẹ con chúng tôi xin vô cùng biết ơn Sở Công an Hà Nội, Bộ Công an và các vị lãnh đạo Đảng, Chính phủ

Hà Nội, ngày 16 tháng 2 năm 2003

Dương Kim Hợp và con cháu

Tàu. Khoảng vài tháng sau chuyển đến Quảng Biên, Đồng Nai, ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 1982 : Lập gia đình, và ở nhà buôn bán, làm rẫy.

Tiền án, tiền sự : Chưa.

Bị tạm giam từ 19-6-2001 đến 25-10-2001.

Hiện đang được tại ngoại ở tại xã Quảng Tiến, Thống Nhất, Đồng Nai.

Điều 80 Bộ luật Hình sự quy định :

"1- Người nào có một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình :

a...

b...

c. Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài ; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam".

Xét thấy hành vi phạm tội của Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường, Nguyễn Thị Hoa rất nghiêm trọng,

cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Vì các lẽ trên :

Quyết Định

1. Truy tố các bị can Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường, Nguyễn Thị Hoa có lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội "Gián điệp" theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 80 Bộ luật Hình sự như đã viện dẫn ở trên.

2. Đề nghị Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng điều 92 Bộ luật Hình sự để xử phạt hình phạt bổ sung đối với các bị can.

3. Ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố đối với vụ án này.

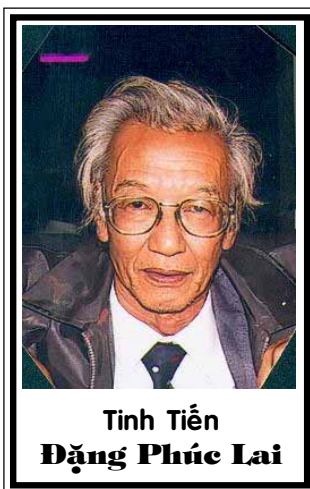
Kèm theo Cáo trạng là hồ sơ vụ án gồm... tờ được đánh số từ 01 đến...

TUQ. Viện Trưởng
Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao
Kiểm soát viên
Nguyễn Mạnh Hiền

Tiền đưa Đặng Phúc Lai

Ông Đặng Phúc Lai, một nhà nghiên cứu toán học và triết học đã từ trần tại Paris ngày 2-2-2003, hưởng thọ 70 tuổi. Ông Lai là một khuôn mặt quen biết trong giới tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam, bạn thân của các ông Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang và cố trung tướng Trần Độ. Là một nhà nghiên cứu, ông không giữ một vai trò nào nhưng đóng một vai trò quan trọng trong việc chọn lựa một chiến lược đấu tranh cho dân chủ và xây dựng một cơ sở lý luận cho phong trào dân chủ trong nước. Mặc dầu chỉ là một nhà nghiên cứu và không hề tìm kiếm một dụng độ nào đối với chế độ, ông Đặng Phúc Lai đã bị giam giữ trong gần 13 năm, từ 1980 đến 1992, do thái độ trí thức độc lập của ông.

Ông tới Paris từ tháng 7-2002 để thăm người chị và đồng thời để chữa bệnh ung thư. Sáng ngày 1-2-2003, cũng là ngày Tết Nguyên Đán Quý Mùi, ông đến thăm và chúc Tết ông Bùi Tín, ra khỏi nhà ông ngất xỉu, được đưa vào bệnh viện cấp cứu nhưng



đã từ trần ngay hôm sau.

Tang lễ ông được cử hành ngày thứ năm 6-2-2003, với sự hiện diện của khoảng 40 thân hữu. Ông Bùi Tín và một số thân hữu đã ngỏ lời bày tỏ sự thương tiếc.

Trong dịp này, ông Nguyễn Gia Kiểng, thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và cũng là người bạn tâm giao của ông đã đọc bài diếu văn mà chúng tôi đăng sau đây. Bài này tóm lược thân thế của ông Đặng Phúc Lai.

Chúng tôi cũng đăng phần đầu và phần cuối của bài đóng góp dài 80 trang khổ lớn của ông về cuốn *Tổ Quốc Ấn Nấn*. Trong những số sau, chúng tôi sẽ đăng một số bài khác của ông Lai. Phần lớn là bản dịch vì ông Lai thường viết bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh. Trong số *Thông Luận*

164, tháng 11-2002, ông Lai cũng đã viết một bài đóng góp cho *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên – Thành Công Thế Kỷ 21* dưới bút hiệu *Thế Duy*. Ông hay viết dưới bút hiệu *Tinh Tiên*.

Thưa chị Kim Trinh và các thân hữu,

Anh Lai đã ra đi rồi.


Anh và tôi gặp nhau trong tư tưởng. Anh đọc cuốn sách của tôi rồi viết một đóng góp đủ dài để in thành một cuốn sách. Bản đóng góp này được anh em trí thức Hà Nội đánh giá là đặc sắc nhất, và tôi cũng đồng ý như vậy. Thế là chúng tôi thân nhau dù ở xa nhau và chưa hề gặp. Hôm nay tôi mất một người bạn tri kỷ.

Khi anh đến Paris, tháng 7 năm ngoái, tôi là người đầu tiên mà anh gọi điện thoại và cũng là người đầu tiên mà anh gặp, dĩ nhiên ngoài chị Kim Trinh, người chị quý mến đã luôn luôn cứu giúp anh trong suốt cuộc đời hoạn nạn và cuối cùng đã đem anh sang Pháp để anh được tự do và thoải mái ít nhất trong một vài tháng cuối đời.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng như đã quen từ hàng thế kỷ. Anh trao cho tôi một số bài đã viết. Tôi ngạc nhiên và thán phục, vừa thích thú với lý luận sâu sắc vừa không hiểu tại sao trong một xã hội bưng bít lại có người thông thái đến thế, và tại sao một người chưa từng ra khỏi Việt Nam lại có thể viết tiếng Pháp và tiếng Anh một cách tài tình đến thế. Những bài của anh thường có những câu bông lửng, chỉ có hai chữ "thế mà...", "vậy mà...", như cuộc đời dang dở của chính anh.

Năm 1954, anh Đặng Phúc Lai 21 tuổi và đang là một sinh viên xuất sắc về toán tại Đại Học Khoa Học Hà Nội. Đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi. Nhưng anh đã chọn ở lại Hà Nội với Bác và Đảng thay vì vào Nam. Anh nói: "Đến lúc nhận ra chúng nó chỉ là một bọn lưu manh đểu cáng thì

quá muộn, Hải Phòng đã đóng cửa rồi". Thế là anh kẹt lại miền Bắc và chỉ còn một cách sống là dồn tất cả thời giờ và tâm trí cho hai môn học ưa thích của anh là toán và triết. Anh học một mình, sống một mình, trong một thế giới riêng của anh, với những cuốn sách. Nhờ sự tiếp tế tận tình của chị Kim Trinh, anh không đến nỗi thiếu thốn về vật chất. Nhưng con người tài hoa tuy chỉ muốn có thể thôi mà cũng không được. Đảng hỏi anh sao không lấy vợ, anh trả lời là vì không muốn, Đảng cho câu trả lời là không có sức thuyết phục. Đảng bảo rằng anh không lấy vợ là bất mãn, mà bất mãn là một tội, cũng có thể anh không chịu lấy vợ vì đang âm mưu một cái gì đó, tội này lại càng nặng hơn. Trong một chế độ toàn trị, bất cứ ai dù làm gì, hay không làm gì, cũng có thể bị coi là có tội. Những cuộc thẩm vấn và sách nhiễu kéo dài nhiều năm và sau cùng đi đến một kết quả: anh bị đưa đi tập trung cải tạo gần 13 năm. Đến lúc ra khỏi nhà tù thì tuổi đã cao và cơ thể đã suy nhược rồi. Từ đó anh sống cô đơn ngoài lề xã hội, lại bầu bạn với toán và triết, hai người bạn đã theo sát cánh và giúp anh giữ nguyên được trí tuệ và tư cách trong tù. Số phận của một con người cao thượng và xuất chúng trong một chế độ nhỏ mọn và tồi tàn không thể khác hơn là sự cô đơn.

Chỉ vài năm gần đây, khi trí tuệ Việt Nam đã bắt đầu được khai thông, anh mới có những người bạn: những Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Hoàng Minh Chính, Trần Độ... Nhưng cũng chính vì giao du với những con người có vận động này mà anh mắc nạn một lần nữa. Đầu năm 2002, anh bị phát hiện mắc bệnh ung thư họng. Anh xin đi Pháp trị bệnh 

NHÌN LẠI và TÌM KIẾM

CÙNG "TỔ QUỐC ĂN NĂN"

(Trích đoạn đầu và đoạn cuối)

Không hay ho gì, thậm chí đại đột nữa, lại đi thú nhận tôi thường không dành nhiều thì giờ cho các trước tác của người Việt ta, trong và ngoài nước. Một tình cờ, "Tổ Quốc Ăn Năn" đến với tôi, và, một bất ngờ, tôi đã đọc nó gần như một mạch với nhiều bàng hoàng, hứng thú, kính phục, yêu thích, phấn khích... Rồi tôi không ngớt giới thiệu trong chỗ quen biết một quyển sách viết về đất nước ta và con người chúng ta trong số rất ít những quyển sách thuộc loại này hay nhất từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc.

Con người thuần lý, năng động và thực tiễn ấy của xã hội công nghiệp hiện đại, thoát thân từ cảnh quan của đồng quê sông Hồng Hà và, phần nào có thể xem thuộc lớp "những người Mohican cuối cùng" của nền văn hóa "giáo khoa thư", của các bậc tôn túc Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc..., Nguyễn Gia Kiểng ấy, dù không nhiều thời gian, không sẵn điều kiện, vẫn đầu tư công sức còn lại cho một cái nhìn thật bao quát, thật xuyên suốt, thật tập trung vào nhiều vận động chủ yếu của Đất Nước và Con Người Việt ta, và nêu lên, và đề nghị những đường hướng khả thi mà, theo anh, là tối ưu.

Tiểu luận này, cất lên từ một "tật nguyên tập thể", một thứ oblomovism... lười biếng và bạc nhược, sẽ dần trải trên hai Phần.

[...]

Thú thực từ lâu tôi có cảm giác như mình phần nào đó thuộc lớp người "thiếu quê hương", hoặc "kẻ cô đơn

trong các cuộc cách mạng" (le solitaire des révolutions) đã quên và muốn quên "vũ trụ giai phận sự". Thế rồi, cứ gọi là gặp đi, gặp một Nguyễn Gia Kiểng trời ơi đất hỡi ở bên Tây, thế rồi chẳng biết số kiếp sắp đặt thế nào lại gặp một "anh ta" cũng rất vu vơ ở ngay nước ta. Đầu đuôi câu chuyện thế này : một hôm tôi ngồi trong một quán bia với một bạn trẻ và trao đổi về vụ khủng bố ngày thứ Ba đen tối ấy. Tôi để ý một người ngồi gần tôi, cũng còn trẻ thôi, dăm dăm nhìn tôi như một "cá chìm", rồi bỗng nhiên anh ta hỏi tôi về khả năng tấn công Afghanistan của Mỹ, về thân phận người dân Afghanistan dưới chế độ Taliban, về bản thân đất nước ta và dân tộc ta, về các vụ tự thiêu ở Thiên An Môn, ... Tôi né tránh bày tỏ thái độ "quá" rõ ràng. Cuối cùng anh ta đứng dậy, bắt tay tôi rất chặt và nói trước khi đi thẳng : "Ông đã ăn đủ uống đủ của Trời Đất rồi, sao còn che chắn kỹ thế?".

Thực tình tôi cũng không cảm thấy xấu hổ lắm như đáng ra tôi phải thế.

Nhưng quả thật nơi tôi cũng có "vấn đề" đấy. Hôm nay cầm bút "lời quê chép nhật đồng dài" là để giải tỏa phần nào cái "có vấn đề" ấy.

Điều tôi viết, dù dở dù không, dù bạn đọc thấy dở thấy không, tôi vẫn xin thành thực qua đây gửi lời cảm ơn đến các bạn và đến hai con người "gặp gỡ nhất thời duyên vạn kiếp" ấy.

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2001

Tinh Tiến

nhưng không được cấp thông hành kịp thời vì chính quyền sợ anh ra nước ngoài sẽ là một nhân chứng của sự chà đạp con người. Cuối cùng, khi anh được ra đi thì bệnh ung thư không còn chữa được nữa, cái chết chỉ còn là vấn đề của một vài tháng. Điều này chỉ có chị Kim Trinh và tôi được biết. Chúng tôi đã giấu anh.

Cuộc sống đầy đọa và, một cách gián tiếp, cái chết của anh là một tội ác của chế độ cộng sản Việt Nam đối với một người vô tội. Đó cũng là một tội ác đối với trí tuệ, đối với sự thông minh.

Ngày Mồng Một Tết, tôi được tin anh đã nhập bệnh viện. Tôi đến nhà thương nhìn anh hôn mê trong cơn hấp hối mà uất hận.

Tại sao một người hồn nhiên và vô tư như anh lại có thể gian truân đến thế ?

Tại sao một cuộc đời tài hoa như anh lại bị phí ổng như vậy ?

Bây giờ anh đã rời khỏi cõi đời này thì không còn gì là quan trọng nữa. Có tiếc là tiếc cho đất nước đã không được sự đóng góp của một con người cực kỳ lỗi lạc. Và lại anh

không phải là người đau khổ nhất, anh đã được thú vui là thưởng thức hai môn tuyệt vời nhất của trí tuệ là Toán và Triết. Những người đã hành hạ anh không hưởng được những thú vui đó. Họ quá thấp kém và do đó cũng chỉ có được những thú vui thấp kém : làm hại và làm khổ người khác.

Nhưng anh đã chiến thắng. Mọi gian truân và khổ ải đã không giết chết được sự hồn nhiên và yêu đời của anh. Anh đã vui tươi, và hơn nữa còn tếu, đến giờ chót.

Hôm nay, thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, anh em chúng tôi tới đây để tiễn đưa anh.

Xin khát anh một vòng hoa.

Vòng hoa trang trọng ấy, xin hẹn anh một ngày khác, ngày đất nước có tự do, dân chủ, con người được tôn trọng, để những người tài hoa như anh được đóng góp làm đẹp một quê hương mà mặc dù tất cả bất công anh vẫn yêu tha thiết.

Anh Lai thân mến, anh cứ yên chí ra đi. Ngày đó chắc chắn sẽ đến. Và không xa.

Nguyễn Gia Kiểng

Sau khi đọc *From Enemy to Friend* (*)

Cái Thật và cái Có-về-Thật

Tinh Tiến

Tôi ngẫu nhiên có hân hạnh được làm độc giả đầu tiên của "Từ thù thành bạn" (*From Enemy to Friend*), và tôi đã hứa với tác giả sẽ đọc kỹ. Tôi đã hứa không chỉ vì anh Bùi Tín muốn tác phẩm của mình sẽ gây nên càng nhiều càng tốt những tranh cãi, bổ sung, phản biện, mà còn vì tôi nghĩ...

Cũng như Trần Độ, Bùi Tín đã từ bỏ ngôi thứ, quyền uy, danh vị, đặc lợi..., thậm chí có thể nói, đã từ bỏ, đã gặt như phủ định một phần nào đó chính bản thân cuộc đời đã qua để dẫn thân vào một cuộc sống, dù nói gì thì nói, vẫn có cái tù mù của một cuộc phiêu lưu mới, nhất là vào tuổi anh. Tôi bình sinh vẫn kính phục, ngưỡng mộ những mẫu người như vậy.

Nhưng trong thâm tâm tôi băn khoăn tự hỏi : Bùi Tín hay Trần Độ, hay ai ai khác đi nữa, chắc gì nơi tiềm thức đã tiêu tan hết những gì mà một lối sống, một môi sinh văn hóa, một cuộc đời thành đạt đã kết tủa nên.

Vì vậy, để phần nào góp phần làm sáng tỏ những éo le, những khúc rối đầy tính bi kịch của một giai đoạn lịch sử còn đang tiếp diễn, tôi cố đọc kỹ ngay từ...

Tôi không rõ James R. Rechner đã gặp, đã trò chuyện bao nhiêu lần với Bùi Tín để hạ bút viết điều mà ngay tức thì tôi cảm thấy đúng : "Bùi Tín đã không chú ý (unconsciously) mà cung cấp một cách giải trình cuộc chiến tranh và hậu quả của nó qua một tấm gương soi (a through the looking glass's interpretation)".

Quả thật, muốn hay không muốn, Bùi Tín đã viết nhiều điều không chú ý, và đó chính là mặt mạnh, đồng thời cũng là mặt yếu của một tác giả mà nhà xuất bản Naval Institute Press đã thu tóm trong cặp từ "cởi mở và trong sáng (hay ngây thơ ?) : open minded and candid". Kết quả là, đúng như James R. Rechner đánh giá, ngay những nhận định sai lầm của Bùi Tín vẫn mang nhiều bí thông tin cho người đọc, thông tin về nhiều sự kiện lịch sử chỉ là phần nổi, quan trọng hơn là thông tin về một con người trong cuộc, từ đó (!) về mỗi con người - độc giả vì muốn hay không, mỗi người chúng ta đang sống, hay mỗi người đã mất trong vài thập kỷ qua, đều có một chỗ đứng cho mình trong tình trạng của dân tộc, của đất nước, trước và nay.

"Cởi mở và trong sáng", đó là ấn tượng mà cuốn sách, từ trang đầu đến trang cuối, đã gây cho tôi, chắc rằng cũng cho nhiều độc giả khác. Tuy nhiên thay vì nương theo những "phẩm chất đạo đức" ấy để xét đoán một cách cảm tính, tôi muốn đi vào vấn đề trên con đường quen thuộc của lý trí dù sao vẫn còn uy tín lớn với nhiều người. Trước hết bài tựa của James Webb.

Hàng núi sách đã được viết bởi đủ loại chuyên gia về cuộc chiến tranh Việt Nam. Với Webb, thực không may là

phần lớn các tác giả lại lấy ngày 30-4-1975 làm điểm kết thúc, thay vì làm điểm xuất phát cho việc lượng định tính chân thực (validity) của mục đích chiến tranh mà hai phía đeo đuổi.

Có lý quá, cái ông James Webb này ! "Cái Thật là cái Toàn bộ" (*das Wahr ist das Ganze*). Cái toàn bộ lại chỉ bộc lộ trọn vẹn trong sự triển khai đã hoàn tất của nó. Vậy là Webb phải chờ đến khi..., ngay sau ngày "giải phóng", quân cộng sản Bắc Việt liền xuất hiện bên trong lãnh thổ Thái Lan, và tôi tin rằng chẳng có một lực lượng "yêu nước" Thái nào cản nổi bước tiến của họ về Bangkok nếu như tình hình nội bộ ổn định của phe "xã hội chủ nghĩa" cho phép ; đến khi quân cộng sản Việt Nam tiến công đánh chiếm Cambốt của các đồng chí Khơ-me đỏ mà chính họ từng nuôi dưỡng ; đến khi cả chục ngàn người nối đuôi nhau vào các trại cải tạo dựng lên sơ sài trong những vùng ma thiêng nước độc ; đến khi cả triệu người nhảy bừa bừa lên những gì tạm xem là nổi được trên biển ; đến khi cả Sài Gòn kinh hoàng, run sợ trong các đợt cải tạo kinh tế tư bản, chiến dịch chống văn hóa đồi trụy nô dịch, "vận động" đi kinh tế mới nơi thâm sơn cùng cốc... ; đến khi đó Webb mới... Mà chắc gì đã lượng giá được với độ chính xác ông yêu cầu, vì ngay đó Webb còn nói đến cái oái oăm (irony) của lịch sử là mỗi bên tham chiến đều có quyền nhận cho mình một nửa của khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Nghiêm trọng nữa là Webb vẫn thấy khó tìm ra giải đáp dễ dãi cho vấn đề còn tù mù của cuộc chiến (*the confusion of the war*) là cuộc đấu tranh nào, đấu tranh cho Độc lập hay đấu tranh cho Tự do, đại diện cho động cơ cao quý nhất (*the purest motivation*) và mối đe dọa lớn lao nhất (*the greatest threat*) ?

Rất có thể, giống như nhiều học giả phương Tây, Webb lời ăn tiếng nói lưỡng lự, biết điều như thế để chứng tỏ mình rất thận trọng, rất khách quan, rất khoa học... ngay cả khi cái toàn bộ đã có ba thập kỷ đầy ắp thông tin để hoàn tất sự triển khai của nó rồi !

Về chỉ số thông minh cảm tính (*emotional intelligence quotient*) tôi liệu đoán mò là có lẽ chỉ số của Webb hơi bị yếu so với anh nhà báo Đức nọ : anh đã rỏ những giọt nước mắt vui sướng khi chứng kiến đoàn quân Việt Nam vào giải phóng Sài Gòn ngày 30-4. Mười năm sau trở lại Việt Nam, anh lại có dịp khóc một lần nữa, khóc vì đau xót cho sự lầm lẫn của cả một thế hệ.

Sự nhạy cảm đạo đức là ngẫu nhiên và cá nhân, bao giờ cũng thiếu sức thuyết phục của cái phổ biến và khách quan là Lý Trí. Với tư cách một người Mỹ bao giờ cũng "học lấy làm lòng" chủ nghĩa thực dụng, Webb đương nhiên có thừa cái mà mọi người đều tôn sùng, trừ Pascal. Webb thuần lý nên phải đợi... Sao kia, tính chân thực của mục tiêu chiến tranh há chẳng lù lù đầy ròi trong một hiện thực kéo dài từ đầu thế kỷ 20 ?

Cách mạng Tháng Mười Nga nổ ra từ một khát vọng lý tưởng trước một xã hội bị thống trị và nô dịch hóa bởi tư bản. Khát vọng ấy tìm được cho nó một hình hài vật chất nhờ tiêu hóa một lý thuyết chặt chẽ và nhất quán. Nhiều

phần tử lỗi lạc trong giới tinh hoa phương Tây rồi đến phương Đông đã say sưa hưởng về lý thuyết ấy, cách mạng ấy như người Do Thái xưa kia theo chân Moise hướng về miền Đất Hứa bên kia sa mạc Sinai.

Rồi khá nhanh và ngày một rõ nét, chế độ mới "ưu việt gấp triệu lần nền cộng hòa tư sản dân chủ nhất" đã nổi bật trên sân khấu chính trị của Thế Kỷ như một vở kịch bi hài vĩ đại nhất lịch sử, của sự Ngộ nhận vĩ đại nhất lịch sử, mà những Lénine, những Staline... chỉ đóng lên cái Tất yếu của lý thuyết và cơ cấu, dấu ấn hình thức của đặc thù dân tộc và cá nhân ngẫu nhiên. Những tiếng kêu thương thảm thiết nổi lên từ - nào phải từ một xô xỉnh khuất nẻo nào cho cam - mà từ 1-6 diện tích địa cầu - lại không hề làm động lòng cái Vô Minh của Nhân loại văn minh. Phần đông nhân loại ấy cảm thấy, chí ít nề vì, kính trọng thế nào đó trước cuộc cách mạng đầu tiên của những người Spartacus hiện đại, trước thể chế chính trị của đại đa số, tức là của người nghèo.

Thế cho nên mới gọi là ngộ nhận vĩ đại nhất. Đồng thời cũng phải ghi nhận rằng cái "cảm thấy nề vì, kính trọng" hồ đồ và tai hại này chính ra lại xuất phát từ lương tri, từ thiện chí của con người. Và đây chính là bi kịch của thời đại, bi kịch giữa cái Thật và cái Có-về-Thật.

Thế cho nên các đảng cộng sản khắp nơi trên thế giới trong thế kỷ 20 đã thi nhau nở rộ như nấm sau trận mưa "Tống Giang". Tất cả các đảng cộng sản ấy, mở đầu cho kỷ nguyên toàn cầu hóa, đều mang cùng một tính chất, tính Stalinist, có nguồn gốc từ một con người, Staline. Vậy là nước Việt Nam, dù là quốc gia độc lập của con Tiên cháu Rồng, hay là thuộc địa của đế quốc thực dân, trước sau gì tất yếu cũng sẽ có một đảng cộng sản cho chính nó, thành lập bởi một số "nam quốc nam nhân", tốt hay xấu thế nào không thành vấn đề. Đảng ấy tất yếu phải mang tính Stalinist mà mục tiêu trước tất cả là "giành và duy trì chính quyền bằng bạo lực". Từ đó, nếu họ thành công - mà họ có nhiều khả năng thành công hơn bất kỳ một đảng "quốc gia" nào ở Việt Nam trước đây - một thể chế theo mô hình Liên Xô tất yếu sẽ được xây dựng và củng cố, tức là một chính quyền "không bị ràng buộc bởi bất kỳ một thứ luật pháp nào", và luôn luôn ở tư thế sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ thù giai cấp và tay sai đế quốc; cũng như sẵn sàng làm "nghĩa vụ quốc tế vô sản" đối với các dân tộc còn bị áp bức bởi Tư bản và Đế quốc. Cái Thật này lại, như con gấu ăn trắng, bị chum lấp bởi cái Có-về-Thật là hào quang của Độc lập cho tổ quốc, cho dân tộc; của giải phóng cho tỷ lệ áp đảo những người cùng khổ mà đảng cộng sản Việt Nam xuất hiện trong đó và trước mắt mọi người.

Webb thừa biết tất cả những chuyện đó và những chuyện khác. Tôi hiểu như vậy, duy một chuyện này tôi thực không biết đường nào mà lần. Sao ông, và nhiều người Mỹ khác, vẫn còn dè dặt? Hay là ông quan niệm "Quần đảo ngục tù", đó là chuyện cấu trúc bên trong của một chế độ, còn chiến tranh là nhằm mục tiêu bên ngoài như độc lập, như thống nhất chẳng hạn. Hai việc khác nhau chứ!

Khác nhau như hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam. Dư luận Mỹ đến nay không thắc mắc gì về sự tham chiến của Mỹ trong cuộc chiến tranh đầu, trái lại đến nay vẫn còn, chí ít ảm ức hối tiếc về sự tham chiến của Mỹ trong cuộc chiến tranh sau. Nước Mỹ đứng đầu thế giới về tin học, chắc chắn không quên gài vào bộ nhớ của máy tính điện tử sự khác nhau giữa hai cuộc chiến cùng được phát động bởi một bên, ngẫu nhiên lại cùng là "Bắc" cả, nhằm cùng mục tiêu "giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước", đặt trực diện cùng hai loại địch, một bên là loại được giáo dục ngày đêm để kiên trì lập trường sáng ngời chính nghĩa, bên kia là một loại mặc sức tự do tư tưởng để nhanh chóng hoài nghi bất kỳ một cách giải thích nào từ phía một chính phủ vốn dĩ không bận tâm, thậm chí không có khả năng giải thích, không có khả năng, trừ, thí dụ, nguyên bộ trưởng quốc phòng Mac Namara!

Về kết cục của cuộc chiến, Webb đã sáng suốt ở chỗ không đả động một từ nào đến cái Có-về-Thật là lòng yêu nước của người Việt Nam, mà lại nhấn mạnh, tuy không đủ mức tối thiểu, cái Thật là tình trạng chia rẽ ngàn đời của mọi nền dân chủ. Trước đây hai ngàn năm, Athènes dân chủ và văn minh của Périclès đã không trụ nổi một cuộc chiến tranh gian khổ và kéo dài với Spartas quân phiệt và man di. Nói gì một nước Mỹ của đủ loại thông tin, đủ loại hình ảnh giật gân, đủ loại bình luận tả hữu, đủ tính nóng vội của nhà hàng Mc Donald, nhất là của đủ loại những nhà sử học đáng kính nhất nỗ lực không mệt mỏi để biện minh, thậm chí chau chuốt cho những tính toán đưa tới kết cục ấy.

Đáng tiếc là, cho dù chỉ trong khuôn khổ hạn hẹp của một bài tựa, James Webb, với tư cách một nhà quân sự từng trực tiếp có mặt trên chiến trường, đã không bình phẩm gì đến chiến lược của tướng Palmer mà Bùi Tín đánh giá là sẽ có thể hữu hiệu để đưa tới một kết cục chí ít có lợi cho Mỹ hơn nhiều lần cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản (relieved) của nhiều người trong chính giới Mỹ vào ngày 30-4.

Hình như Webb không muốn mất thời giờ xem xét đến hiệu quả của một giả định mà chúng tôi nghĩ rằng tất yếu xảy ra theo một diễn trình mà "các nhà sử học và bình luận thời cuộc có uy tín nhất của chúng ta" có thể phản bác được.

Giả sử Mỹ không "dại dột" tham chiến từ năm 1964 thì chắc chắn Việt Nam Cộng Hòa sẽ sụp đổ ngay trong năm đó trước lực lượng mà đảng cộng sản Việt Nam sẽ mặc sức tung xuống bên dưới vĩ tuyến 17. Thời kỳ đó, phe cộng sản do Liên Xô cầm đầu đang ở thế tiến công. Cộng sản Trung Quốc, mấy năm sau, qua cửa miệng của Chu Ân Lai, hết sức lo sợ trước triển vọng thắng lợi của Liên Xô trong khi Mỹ "đế quốc già cỗi" rút lui hết nơi này đến nơi khác. Đảng Cộng Sản Việt Nam, với lòng tin sắt đá vào thắng lợi tất yếu của "ba dòng thác cách mạng", chắc chắn sẽ không dừng nghỉ ở mũi Cà Mau. Phong trào cộng sản quốc tế sẽ được cổ vũ mạnh mẽ để triển khai thế tiến công cách mạng và trong nội bộ đảng cộng sản Liên Xô phe giáo điều chủ trương dương cao lá cờ quốc tế chắc chắn ở thế thượng

phong đối với phe "xét lại" tìm cách hòa hoãn với Mỹ. Từ đó, chắc chắn sẽ không thể có, hoặc phải hàng thế kỷ nữa mới có một Gorbachev, một Eltsin và cuối cùng bức tường Berlin sụp đổ. Đây không phải là một bài bản mà chúng tôi hoang tưởng ra. Năm 1975, cộng sản quốc tế đã phân liệt cao độ, Liên Xô hụt hơi trong cuộc chạy đua vũ trang, đang hướng tới chỗ ngang hàng với Nigeria về mặt kinh tế, như báo chí quốc tế hồi ấy nêu lên ; Trung Quốc trở cờ vì lo giấc mơ đại bá của mình sẽ bị tiêu tan bởi kế hoạch tiêu bá của Việt Nam. Chỉ có những cái Thật lịch sử đó mới ngăn cộng sản Việt Nam quá say sưa với sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng không đủ ngăn một Lý Quang Diệu chẳng hạn, lúc ấy, rơi vào tâm trạng tuyệt vọng trước nguy cơ cả Đông Nam Á sẽ bị chìm ngập trong làn sóng Đỏ như một định mệnh không tránh khỏi.

Ngày nay khi dòng chảy đã định hình, người ta có thể tha hồ chế diễu thuyết đômônô, nhưng thử hỏi nếu ngay sau thế chiến hai, không có kế hoạch Marshal, nếu không có điểm 4 của chủ nghĩa Truman, nếu Mỹ không trực tiếp ề cổ chịu mất người hao của ở Triều Tiên, nếu Mỹ rút lui khỏi Tây Berlin, nếu... thì thử hỏi thế giới tự do còn được bao nhiêu đất đai cho Mỹ lãnh đạo ?

Webb rất đúng khi phê phán nhận định sai lầm về tinh thần của quân đội Mỹ, về khả năng tác chiến của họ và sức mạnh của không lực Mỹ, sai lầm khó tránh khỏi nơi một cựu cán bộ cộng sản cao cấp "mới" giác ngộ từ sau một số năm sống ở Sài Gòn đến nay. Hoặc khi ông khẳng định người Mỹ đã thắng trong các trận đánh chiến thuật. Tôi tin ông nói chính xác, vì theo thiên ý của tôi một trận đánh chiến thuật là thắng cho bên nào đuổi được bên kia ra khỏi trận địa và bị tổn thất nhân mạng ít hơn. Nhưng ông lại quá tiết kiệm lời nói để chỉ rõ âm hưởng "lưỡi gươm" trong lời Bùi Tín diễn tả về phong cách, chiến thuật và khả năng tác chiến của quân đội cộng sản Việt Nam. Nếu nói đơn giản như ông đã nói, đây chỉ là các bài bản tuyên truyền nhằm nâng cao tinh thần "quyết chiến, quyết thắng" của quân miền Bắc thì ông không thấy hết được đối phương. Tuyên truyền nghĩa là lặp đi lặp lại điều người tuyên truyền muốn kẻ bị tuyên truyền tin là đúng, còn bản thân người tuyên truyền nghĩ thế này, nghĩ thế kia lại là chuyện khác. Nhưng với giới lãnh đạo cộng sản, trước kia và cả hiện nay, họ "thành thật" tin điều họ tuyên truyền, họ khách quan là nạn nhân của chính họ. Chính cái đó tạo nên sức mạnh thành công rồi thất bại của họ, và đây nữa một bi kịch của thời đại.

Webb chia sẻ nhận định đúng một nửa của Bùi Tín : "Cách người Mỹ sử dụng không lực của mình đã củng cố thêm cho...", không phải, hoàn toàn không phải... cho ý chí kháng chiến của nhân dân hay tính chính nghĩa của lập trường cộng sản, mà cho phương pháp cai trị của họ là từng bước tập dượt nhân dân quen với bất kỳ cái gì, thí dụ quen với cảnh chết chóc, tan hoang. Cung cách ném bom của người Mỹ chẳng thuyết phục được ai về tinh thần tận trọng của họ, nhưng giá trị rất nhiều cho điểm mạnh của chế độ độc tài toàn trị là tính kiên định đến mức trì trệ, đồng thời đẩy nhanh nhiều hơn nữa tính nóng vội của mọi

người Mỹ ra ngoài mọi ngưỡng chờ đợi tối thiểu.

Webb chủ động đúng... một nửa khi cho Bùi Tín là một người dân tộc chủ nghĩa trước khi là một người cộng sản. Bùi Tín tham gia quân đội Việt Minh khi mới 17, 18 tuổi hồi 1945, một năm sau được kết nạp vào đảng cộng sản. Anh đã tham gia hoạt động chính trị, đảng phái trong một không khí hào hùng, sôi nổi mà xã hội Việt Nam trước đây chưa hề biết đến. Sau này người ta quen gọi tác nhân ấy là lòng yêu nước, riêng nơi Bùi Tín, tôi muốn đặt tên cho nó là lòng trong sáng muốn phụng sự một lý tưởng. Lòng trong sáng này mà gặp được lý tưởng cộng sản thì "hết xảy" rồi, quá cả Juliette gặp Roméo ! Anh dọc ngang trên nhiều chiến trường và, mặc dầu việc đảng, việc nước bận rộn, với trí thông minh bẩm sinh, anh vẫn tiếp thu được một vốn kiến thức mà hầu như không một cán bộ cộng sản cấp cao nào, ngang hay hơn anh, lại có được. Văn hóa ấy, tâm hồn ấy, kiến thức, kiến văn mà nhiều dịp được ra nước ngoài cung cấp, Bùi Tín sớm muộn gì cũng phải phản tỉnh, thậm chí phản tỉnh quyết liệt đến mức trở thành một chiến sĩ dân chủ lưu vong.

Xã hội dân chủ có thể là một yêu cầu tình cảm đối với những người một lòng yêu nước thương dân, một yêu cầu đạo đức đối với những người coi trọng nhân phẩm của xã hội công dân ; một yêu cầu trí tuệ đối với những người quan tâm đến nhân cách độc lập. Tất cả ba yêu cầu này có lẽ đều "nháo nhào" trong con người Bùi Tín để khó nói được rằng trước khi là người cộng sản, anh là người dân tộc chủ nghĩa, hoặc sau khi là người cộng sản, anh là người dân tộc chủ nghĩa.

Bùi Tín, cũng như Trần Độ và nhiều cựu đảng viên cộng sản khác một thời gắn bó với chủ nghĩa Mác, sau trở thành những chiến sĩ tích cực đấu tranh cho Tự do, Dân chủ, dù dưới sức đẩy của yêu cầu nào thì chung cuộc vẫn là phù hợp với lý tưởng mà Webb tin theo khi ông tự nguyện cầm súng chiến đấu trên chiến trường Việt Nam, và nay tiếp tục bảo vệ trên cương vị nghiên cứu về chiến tranh.

Tinh Tiến

Paris, tháng 12-2002

(*) **From Enemy to Friend**, sách do US Naval Institute Press xuất bản cuối năm 2002. Tác giả : Bùi Tín. Chuyển ngữ sang tiếng Anh : giáo sư Nguyễn Ngọc Bích. Lời giới thiệu : nguyên bộ trưởng hải quân Mỹ James Webb.

Lời nhận xét ngoài bìa : James R. Reckner, trung tâm nghiên cứu Việt Nam ở Lubbock- Texas Tech University(Hoa Kỳ) và Charles-Antoine de Nerciat, tổng giám đốc AFP (Pháp).

Sách dày 200 trang, 26 ảnh, bìa cứng, đặt mua xin gọi 800-233-8764.

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Suy tư và ước nguyện ngày Xuân

Bài Tin

Đầu năm, tôi mừng tuổi đồng bào bằng bài viết : **Một phương án đổi mới trình đồng bào cả nước**. Tôi rất mừng nhận được mỗi ngày nhiều thư điện tử, thư bưu điện, điện thoại trong và ngoài nước, hoan nghênh và hỏi thăm.

Tôi mong bản phương án đổi mới đến tay được **đồng đảo đảng viên cộng sản** bình thường, ở cơ sở. Từng ở trong đảng cộng sản hơn 44 năm và đến nay vẫn còn liên hệ với một số đảng viên ở trong nước, tôi biết rằng vẫn còn không ít đảng viên cộng sản biết tự trọng, thật lòng yêu nước, thương dân, không đồng tình với sự đổi mới "nửa trắng, nửa đen" đầy mâu thuẫn hiện nay. Chính những con người hiếm nên cực kỳ quý này đang lay chuyển một chế độ tưởng như ổn định nhưng thật ra đang **khủng hoảng trầm trọng về lý luận, uy tín, đạo đức** trước con mắt rất tinh đời của toàn xã hội.

Để ngăn chặn mọi liên hệ giữa tôi và trong nước, chính quyền độc đoán đã dở đủ kiểu, từ trắng trợn đến tinh vi, kín đáo khủng bố gia đình tôi ; họ không thiếu những mưu đen và thâm ! Đại thể là cắt điện thoại, kiểm soát, thủ tiêu thư từ ; bịa đặt vu cáo trên báo chí ; quấy nhiễu, cật vấn vợ con tôi ; gây sức ép đối với em tôi, cháu tôi...

Tôi không kể ra hết những điều ty tiện, xấu mặt cho một chế độ vốn đã quá bẩn. Điều làm tôi được an ủi là trong suốt 12 năm qua, tôi cảm thấy mình có ích cho nhân dân và đồng bào thân yêu hơn là mấy chục năm trước kia. Mặc dù tuổi cao, sức yếu nhưng lòng tôi như trẻ hẳn lại vì thú thật, tôi không được khỏe lắm. Tháng 10-2002 tôi bị cơn bệnh nặng. Bệnh viện ở Paris đã điều trị, đặt cho ba stent ở động mạch vành tim. Tôi đang hồi phục và rất nhớ vợ con, nhất là hai cháu ngoại Quỳnh Anh và Hoài Anh của tôi.

Trở về với đất nước, đối với tôi, Trần Độ là một **chiến sĩ dân chủ tiêu biểu**, rất đáng trân trọng. Ông có thể cuối đời tọa hưởng kỳ thành, vinh quang phú quý danh lợi đều ở hàng tột đỉnh. Ông rũ bỏ tất, nhẹ như lông hồng, để dẫn thân cho cuộc chiến đấu cam go vì dân mình, vì quyền sống tự do của đồng bào mình. Ông giác ngộ về dân chủ từ từ mà vững chắc, để đi đến nhận định như đinh đóng cột : chế độ này hung bạo như tên phát xít Hitler và tâm tó u mê như Tần Thủy Hoàng ! Nhóm lãnh đạo, bị chỉ mặt, tức điên lên đã hãm hại ông. Chúng sợ ông, sợ cuốn hồi ký 82 trang của ông, một bản cáo trạng sống động, hiển nhiên, kho báu về Sự Thật. Chính chúng là **kẻ sát nhân** trong cái chết bi thảm của ông.

Có người nói đến "thời kỳ sau Trần Độ", với ý nghĩa là tư tưởng tiên tiến, thái độ kiên cường của Trần Độ đang và sẽ cổ vũ, thúc đẩy cả một lớp người thức tỉnh theo gương ông, dẫn thân cho dân chủ, từ các vị cách mạng lão thành

bạn ông, các sĩ quan quân đội nhân dân đồng đội với ông, các đảng viên cộng sản còn có lý tưởng và lương tâm - thà ra khỏi đảng còn hơn là còn trong một đảng đã biến chất, các văn nghệ sĩ từng được ông bênh vực quyền tự do sáng tạo và cả một lớp nam nữ thanh niên mới hăm hở dâng hiến tuổi thanh xuân cho một lý tưởng đẹp, vì nhân quần xã hội, sống cho ra sống vì mỗi người sống có một lần !

"**Thời kỳ sau Trần Độ**" còn có nghĩa là một chế độ khi đã "ăn thịt" một đứa con từng là thượng đẳng công thần của mình, khi người con ấy tỏ hết trí tuệ và đức độ cao nhất để cứu nước cứu dân, thì chế độ ấy đã phô bày trước xã hội bộ mặt nham nhở khó coi. Nó tự không còn tính chính đáng và chỉ đứng được nhờ nhà tù và súng đạn, thay cho lẽ phải, đạo lý và luật pháp. Khi đã bị xã hội ghê sợ, kinh hãi, coi khinh thì tuổi thọ của chế độ đó sắp hết.

Trước hoàn cảnh đất nước hiện nay, tôi cùng với thế hệ mình cảm thấy có lỗi với con cháu tôi, với thế hệ trẻ nhiều quá, vì đã để đất nước mình quá ư lạc hậu về chính trị so với các nước khác ; **phát triển về kinh tế mà lạc hậu về chính trị** thì xã hội chỉ có đảo điên, các giá trị bị xáo trộn, lương tâm dân tộc mất phương hướng, như con người chỉ có xác, có của mà vô hồn !

Tạ tội với tuổi trẻ, tôi kỳ vọng các em chớ có nhầm mắt lao vào ngõ cụt. Hãy can đảm đứng lên tự cứu lấy mình, lấy thế hệ mình, giành lại quyền làm chủ trước hết cái đầu tỉnh táo của chính mình, chấp cánh cho tư duy sáng tạo. Không có điều gì cấm kỵ hay huy kỵ ; không có thần tượng nào không được đụng đến ; không có học thuyết hay tư tưởng nào thiêng liêng ; nó chỉ là sản phẩm do con người tạo nên, là **công cụ để phục vụ con người**. Tham khảo người đi trước, nhưng chính các em mới đủ điều kiện và trí tuệ để giải quyết mọi - tôi xin nhấn mạnh chữ "mọi" - vấn đề của thời đại mình.

Sau khi nghiên cứu kỹ về chiến tranh để viết một cuốn sách theo yêu cầu một nhà xuất bản lớn bên Mỹ, tôi quyết định từ bỏ tất cả 9 huân chương đủ loại mà tôi đã nhận được trong thời chiến tranh. Vì theo những thống kê đáng tin cậy còn được giữ kín thì đến 76% số người Việt chết trong hơn 30 năm là do chính người Việt mình giết nhau ! Ngay cả trong thời kỳ gọi là chống Mỹ, thì số người Việt giết nhau cũng nhiều hơn cả. Đau xót quá ! Anh em ruột thịt giết nhau hăng say, mù quáng, đại đột đến vậy thì có điều gì mà gọi là vinh quang, là niềm tự hào và kiêu hãnh !

Hòa giải hòa hợp dân tộc thật lòng càng trở nên cần thiết và cấp bách nữa. Một biện pháp nên làm là tổ chức một buổi **lễ Cầu siêu** cả trong lẫn ngoài nước chung cho tất cả mọi người chết trong chiến tranh ; tất cả chùa chiền của Phật giáo, các nhà thờ Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo..., các vùng dân tộc... đều làm lễ cầu nguyện, từ bỏ

mọi hận thù do chiến tranh để lại để chỉ còn tập trung vào tương lai đất nước. Đó mới chính là quan tâm hàng đầu của tôi và của những người Việt Nam còn quan tâm đến đất nước.

Tháng 4-2002, tôi đã cùng một số bạn Việt Nam tham dự một số cuộc họp của Viện Nghiên Cứu Kinh Doanh Hoa Kỳ (American Enterprise Institute) ở thủ đô Washington, thảo luận về mối quan hệ Mỹ-Việt. Theo họ, Việt Nam cần đổi mới quan hệ đối ngoại, vì tuy nói là làm bạn với mọi nước nhưng thật ra Việt Nam kết chặt liên minh với Trung Quốc, cùng chung ý thức hệ Mác-Lênin, chung chế độ xã hội chủ nghĩa, chung chế độ độc đảng. Về kinh tế, Trung Quốc không giúp gì nhiều mà chỉ làm hại : buôn lậu tràn vào như nước lũ ; buôn phụ nữ, trẻ em, thuốc phiện qua biên giới ; ép Việt Nam để chiếm đất và lãnh hải, hải đảo. Họ gợi ý Việt Nam nên **kết bạn chân thực với các nước dân chủ** ở các châu Á, Úc, Âu và Mỹ, đồng thời gắn bó với Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế. Điều này **ăn khớp hoàn toàn** với nhu cầu chiến lược lúc này của các nước dân chủ lớn nhất thế giới, trong đó có Mỹ. Trong khi kết bạn thân với thế giới dân chủ, Việt Nam vẫn giữ quan hệ láng giềng tốt với Trung Quốc mà không bị chèn ép hay nhân nhượng như vừa qua.

Nếu lãnh đạo đảng và nhà nước đặt quyền lợi toàn dân lên trên hết như họ thường leo lẻo thì còn nói gì nữa ! Họ sẽ sáng suốt tìm ra con đường gần giống như con đường chúng tôi kiến nghị. Nhưng thật bất hạnh cho dân ta, họ nhân danh nhân dân để chỉ bảo vệ cho cái quyền lực cai trị dân, nhằm bồng lộc danh vọng, đặc lợi cho cá nhân, gia đình, phe đảng của họ ! Chỉ khi nào trong đảng và trong xã hội có **một bộ phận thức tỉnh**, tỉnh ngộ, trí tuệ bật sáng, lương tâm mạch bảo... và đứng thẳng người can ngăn điều trái, kiến nghị công khai điều phải, bình thản vạch mặt những kẻ đạo đức giả đang ngự trị trên đầu dân, thì lúc ấy hạnh phúc dân tộc đã đến.

Mặt mạnh của chế độ hiện tại là ở phương tiện đàn áp, công an, nhà tù, tòa án kiểu hiếp đáp, kết tội phi lý. Ở một nước thật sự dân chủ thì những người ngồi xử án và kẻ quyết định mức tội của anh Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn, là bộ chính trị đảng cộng sản, đã bị ngồi tù từ lâu rồi vì tội tổ chức phiên tòa giả hiệu nhằm bỏ tù người vô tội không hề phạm pháp, mà mức án đã được ấn định từ trước.

Mặt yếu của chế độ cũng lại là ở bản chất độc đoán của nó, một bản chất bị che giấu kỹ nhưng ngày càng bị lộ tẩy và bị lật tẩy, là ở bức màn the "công lao giành độc lập" cũng đang rách tả tơi !

Một anh cán bộ quân sự cao cấp bạn thân của tôi sống giữa Hà Nội nhận định : nhóm lãnh đạo hiện nay so với lớp lãnh đạo trước kia chỉ là những "**người lùn**" cả về lý luận, tư cách, uy tín và quyền uy. Đã vậy, họ lại tự mình đẩy đọa mình, không gỡ bỏ cái chủ nghĩa Mác Lênin méo mó dở hơi, làm cho cả xã hội điều đứng theo. Họ thừa biết đây là gánh nặng, họ biết tổng chủ nghĩa Marx đã phá sản tanh bành, nhưng họ tham quá vì với gánh nặng ấy họ còn có thể chấm dứt được khá nhiều. Cũng một anh cựu chiến

binh bạn tôi sống tại Hải Phòng cho rằng nếu có nhà văn nào đi ghi chép hết những chuyện vừa thật vừa tiêu lâm thì phải đến vài pho ! Từ **tham quan ô lại** chốn cung đình đến cường hào gian ác nơi thôn dã ; từ **mua quan bán chức** của các ban tổ chức đảng và chính quyền các cấp đến tệ nạn **hối lộ**, ăn chia **hoa hồng** và đút lót qua lớp lớp **phong bì** ở mọi nơi mọi cấp !

Ngành xây dựng là ngành ngốn ngân sách quốc gia lớn nhất ; vậy mà nó lại là nơi nạn tham nhũng hoành hành khủng khiếp nhất. Theo báo trong nước, Bộ Xây Dựng năm qua chi 2,6 tỷ đôla, mà tham nhũng đã nuốt **500 triệu** ! Nếu tính chi về xây dựng trong cả nước thì số tiền tham nhũng lên đến **40% vốn xây dựng** ! Đó là **cướp, ăn cướp có tổ chức**. Toàn bộ quan chức của bộ máy nhà nước thông đồng với nhau để cướp tiền bạc, của cải của xã hội, của toàn dân.

Thái độ áp úp, úp úp mở mở của nhà cầm quyền về các hiệp định Việt-Trung làm cho dư luận hoài nghi và bức bối. Tại sao chỉ công bố **hiệp định phân định biên giới** trên bộ trên báo *Nhân Dân điện tử* mà không công bố trên báo chí hay in thành sách nhỏ để công luận được rõ ? Tại sao không có 64 tấm bản đồ đi kèm ? Tại quốc hội thông qua bản hiệp định ấy ? Ai thay mặt chính phủ trình bày, ai chất vấn ? Tại sao vùng Cửa Nam Quan và vùng Bản Giốc lại không còn của ta ?

Còn về **hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ** lại càng bí hiểm. Tại sao không công bố nội dung hiệp định ? Tại sao hiệp định được ký từ 25-12-2000 - đã hơn hai năm rồi - mà đến nay vẫn chưa đưa ra quốc hội thông qua ? Tại sao lại nhượng bộ cho Trung Quốc hơn 11.000 km vuông như ông thứ trưởng Lê Công Phụng thú nhận ?

Để che giấu tội trạng và hành vi bỉ ổi và khiếm nhục trước mặt ngoại bang của mình, chính quyền đã bắt bớ, đầy ải, kết tội những Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Quế Dương, Trần Khuê... chỉ vì họ dám vạch mặt những hiệp định mờ ám này ! Thật là hèn hạ đến cùng cực ; **người cầm quyền phạm tội lớn, lại đi xử tội những công dân lương thiện** dám tố cáo tội ấy trước công luận !

Cuối cùng, tôi tin yêu vô cùng chúc **các bạn trẻ** thân thiết hãy nuôi dưỡng lòng dạ sáng trong như Ước Trai - Nguyễn Trãi, tiết nghĩa như Chu văn An, dấn thân cho tiến bộ như Nguyễn Trường Tộ, tự tin ở chính mình và thế hệ mình, **trí tuệ và tâm linh đều cao đẹp hơn thế hệ đi trước, tự mình cứu thế hệ mình và các thế hệ tiếp theo**.

Tôi gửi lời chúc đặc biệt thân thương đến **các chiến sĩ dân chủ** gan vàng dạ sắt, đang trực diện đấu tranh với thế lực cầm quyền hung hãn ; chúng ta có chính nghĩa, có cả thời đại mới tiếp sức, có lòng dân sưởi ấm ; tiềm năng yêu nước, yêu dân chủ của nhân dân ta là vô tận ; các bạn đang đi tiên phong trong cuộc cách mạng dân chủ của đất nước ta ; vinh dự biết bao khi các bạn đứng trên đầu sóng ngọn gió ; các bạn chính là những người Việt Nam tinh túy nhất, đang cùng nhân dân làm nên lịch sử mới của dân tộc. **Các bạn chính là Mùa Xuân của Đất nước Việt Nam !**

Bùi Tín (Paris)

Một cách nhìn

Phạm Việt Vinh

Sau sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa cùng với sự tan rã của Liên Xô, nhân loại chính thức bước ra khỏi "chiến tranh lạnh". Liên sau đó, nhiều học giả hàng đầu thế giới đã "tiên tri" cho loài người một tương lai chưa chắc là sáng sủa với một "cuộc chiến tranh giữa các nền văn hóa". Lúc cái nhìn lo xa này vẫn còn mông lung, mờ ảo, thì sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, tổng thống Bush chính thức tuyên bố nhân loại đã đi vào một cuộc đấu mới : cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu !

Thực ra, cuộc chiến này có ngày sinh từ trước đó. Nó đã được bắt đầu cách đó đúng sáu năm, tháng 9-1995, khi khối NATO dùng sức mạnh quân sự bẻ gãy xương sống của chính quyền độc tài Milosevic trong vùng Balkan, buộc ký hòa ước Dayton chấm dứt cuộc tàn sát người Hồi giáo Bosniak và tạo điều kiện cho cuộc chuyển biến dân chủ tại Nam Tư cũ.

Hồi đó, việc dùng lực lượng quân sự quốc tế làm tiêu tan một chính thể phạm tội khủng bố, diệt chủng đối với chính quốc gia mình, được mang một cái tên phức tạp là "quyền can thiệp từ bên ngoài". Khi cố sức bầu vùi lấy khái niệm "chủ quyền quốc gia" để chống đỡ sức công phá của những giá trị phổ cập như nhân quyền, dân chủ, khi lo sợ và căm hận "quyền can thiệp từ bên ngoài", thì ngày nay, một vài chế độ độc tài lại có vẻ như nhận thấy trong "cuộc chiến chống khủng bố" lấp ló một chiếc phao cấp cứu.

Trong không khí căm ghét khủng bố, thế giới dường như bỏ qua cho nước Nga những thảm kịch tàn sát ở Chechnya và vụ giải thoát con tin kiên quyết nhưng đầm máu tại Nhà hát Moscow. Có lẽ, nếu giáo phái Pháp Luân Công từ bỏ nhấn nhục mà dùng sức lực để bảo vệ quyền tự do hành đạo của mình, thì tại Trung Quốc, đảng cộng sản cũng sẽ sẵn sàng chụp cho họ chiếc mũ "khủng bố" và nhấn chìm họ trong biển máu. Tại Việt Nam, đối với những cuộc nổi dậy lẻ tẻ - và thực chất là còn tương đối yếu ớt, của người dân ở Tây Nguyên, ở Thái Bình, Hà Tây hay của giáo dân Hòa Hảo, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn thẳng tay đàn áp mà không cần phải dùng đến danh từ "khủng bố". Nhưng, khi "phát hiện" ra có vũ khí chuyển qua biên giới (?), khi phi cơ của ông Lý Tống lượn trên bầu trời Sài Gòn, thì con gháo ộp "khủng bố" đã xuất hiện ở khẩu ngữ của những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Xem ra, khi nạn khủng bố bùng nổ, Mỹ và các nước phương Tây dồn sức cho một cuộc chiến nguy hiểm và phức tạp, thì cũng là lúc các nhà nước độc tài "nhanh trí" tìm kiếm những chiếc dù cui "chống khủng bố" lấu cá, vừa tay. Nhưng, nếu nhìn kỹ, thực tế sẽ không đơn giản như vậy.

Tuy được chủ mưu bởi một vài cá nhân, tổ chức khủng bố, nhưng khi lao đầu vào hai tòa nhà New York và Lầu

Năm Góc, những chiếc phi cơ hành khách đều chứa chất trong nó tâm linh của không ít những người Hồi giáo cực đoan. Họ bất lực, tủi nhục trong một thế giới Hồi giáo lạc hậu, hèn kém. Họ ghanh ghét, căm thù một thế giới mới đầy ứ thú vui và vật chất tại phương Tây - mà Mỹ là đại diện. Đối với Bin Laden và thuộc hạ, Mỹ và phương Tây là "bọn vô đạo" phải bị hủy diệt. Thảm họa 11 tháng 9 được chính giới Âu- Mỹ nhận diện là "một cuộc tấn công vào thế giới văn minh". Vì vậy, cuộc truy lùng Bin Laden và triệt hạ chính quyền Taliban, một mặt, là một cuộc chiến "chống khủng bố", nhưng sẽ không sai nếu cũng được gọi là một "cuộc chiến giữa các nền văn hóa".

Khác với tổ chức Al Qaida, Iraq chưa hề tấn công Mỹ. Saddam Hussein đã chỉ gây hấn với Iran, Kuwait và đã bị Hoa Kỳ và đồng minh trừng phạt nặng nề vào năm 1991. Nhưng với chính sách rồ dại, Saddam vẫn biến Iraq thành một thùng thuốc nổ thường trực ở Trung Đông. Và cái gì phải đến đã đến : Iraq trở thành mục tiêu đầu tiên khi tổng thống Bush phát động "cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu".

Cuộc chiến của Mỹ ở Iraq, trước hết là một cuộc chiến tiêu diệt và ngăn ngừa khủng bố. Sau nữa, tấn công vào Iraq với mục đích lật đổ Saddam Hussein, tức là Mỹ và đồng minh muốn tấn công và triệt hạ một chế độ xã hội hà khắc, đầy đọa công dân, phát triển vũ khí giết người hàng loạt với quyết tâm dùng bạo lực để giải quyết mọi vấn đề. Cuộc chiến này, vì vậy, cũng mang đậm sắc màu của sự xung đột văn hóa. Hình như, lời tiên tri ảm đạm đã lấp ló nhãn tiền ! Để phủ nhận điều này, nhiều chuyên gia đưa ra lý do cuộc khủng hoảng là dầu lửa, là cơn khát nhiên liệu của tư bản Mỹ. Thực tế, các hiệp ước ký với Kuwait, Saudi Arabi, đã đảm bảo nhu cầu nhiên liệu của Mỹ trong hàng chục năm tới. Cuộc chiến với Iraq mang đầy hiểm họa là các giếng dầu của các nước này sẽ bị đốt phá, gây ảnh hưởng khôn lường tới nguồn dầu cho Mỹ. Gây chiến với Iraq vì dầu mỏ, do đó, là một lý do quá dễ thấy, và quá ngây thơ. Cũng có nhận định tìm lý do cuộc chiến ở "tính điều hâu" của cha con ông Bush. Điều bị quên ở đây là ngay cả ở triều đại "bồ câu" của Clinton, nước Mỹ vẫn chăm chăm tìm cách thanh toán Saddam Hussein. Ba kế hoạch đảo chính đã không thành chủ yếu là do sự thiếu mạnh dạn của tổng thống, và trước hết là do sự mù mờ của bộ máy CIA. Rõ ràng, tuyên chiến với Iraq, Mỹ không chỉ theo đuổi những mục tiêu đơn giản như nhiều người cố tình hoặc vô tình lầm tưởng.

Thực tế là, dưới hình thức một chiến lược chống khủng bố, phương Tây - trước hết là Mỹ, một mặt nhằm mục đích đảm bảo an ninh quốc gia, mặt khác gia tăng nỗ lực thiết lập một trật tự thế giới mới, trong đó tự do, nhân quyền, phần thịnh sẽ là những giá trị tối cao ; mọi sự hủ lậu, phi lý, phản khoa học sẽ bị sàng lọc loại bỏ - tại bất cứ nơi nào. Về nội dung, đó chính là một cuộc đụng độ "giữa các nền văn hóa". Cuộc chiến tại Afghanistan và cuộc khủng hoảng tại Iraq, đã và sẽ là sự thách chiến đối với nạn khủng bố và tai ương quốc tế. Cuộc chiến tại Nam Tư trước đây đã triệt tiêu khủng bố và tai ách trong một quốc gia.

Khi mà khái niệm "khủng bố" phong phú và sẽ chẳng bao giờ có hình dạng chắc chắn thì tấm mạng che "chống khủng bố" của các nhà nước độc tài là rất mỏng manh, và rất dễ trở thành con dao hai lưỡi. Khi nhận ra bản chất đấu tranh giữa các nền văn minh, giữa các giá trị văn hóa của cuộc chiến có tên "chống khủng bố" này, người ta sẽ thấy rõ ngày tận thế của những chính thể lạc hậu đang tiến lại gần.

Tờ *Financial Time*, ngày 21 tháng 9 năm 2002, viết : "Tấn công Iraq, Mỹ có nghĩa là cả thế giới !". Nhận định này, tuy mang theo ít nhiều sự thật, nhưng cũng đưa ra không ít vấn đề. Cho đến giữa tháng 2 năm nay, với hơn 150 ngàn quân và một bộ máy chiến tranh khổng lồ bao quanh Iraq, quyết tâm của Mỹ dùng quân sự để xóa bỏ chính quyền Saddam đã quá hiển nhiên. Tự tin vào sức mạnh và lẽ phải của mình, chính phủ Bush đã chọn lựa một con đường ngắn nhất, đơn giản nhất, và chắc chắn là đầy xương máu.

Điều đặc biệt và khá bất ngờ là tại đây, Mỹ đã vấp phải sự chống đối công khai của chính phủ Pháp và chính phủ Đức. Dựa trên quan điểm "chiến tranh bao giờ cũng là phương tiện cuối cùng" và nhận định "vẫn còn khả năng chọn lựa khác với chiến tranh", chính quyền Chirac và Schroeder cùng với sự ủng hộ (có lẽ là đương nhiên) của Nga và Trung Quốc, đang là một lực cản khó có thể qua được đối với Mỹ trên con đường ngoại giao nhằm hợp pháp hóa cuộc chiến. Khác với Mỹ - khi kết luận rằng nhiệm vụ của Đoàn thanh tra vũ khí Liên Hợp Quốc đã được hoàn tất, bằng chứng tồn tại vũ khí diệt chủng tại Iraq đã rõ ràng, "ván bài (hòa bình) đã kết thúc", bây giờ là lúc lên tiếng của đạn bom - Pháp và Đức, những đồng minh thân cận xưa nay của Mỹ, vẫn cho rằng bằng cớ cho chiến tranh còn quá mong manh, và người ta vẫn có thể thực thi Nghị quyết 1441 của Liên Hợp Quốc. Giải pháp đề nghị của Pháp và Đức là kéo dài thời hạn thanh tra, gia tăng số lượng và chất lượng thanh tra, gây sức ép tối đa đối với Saddam, kể cả việc dùng phi cơ do thám trên toàn vùng trời Iraq, đưa quân Liên Hợp Quốc vào phụ giúp thanh tra và đảm bảo chu trình giải trừ vũ khí diệt chủng của Saddam.

Thực chất, đây là một vị thuốc "can thiệp hòa bình" cay đắng và đầy nguy hiểm đối với Saddam, nhưng lại có vẻ cũng không hợp khẩu vị của Washington. Chính phủ Bush đã tỏ ra hết sức bất bình về "tinh thần chống Mỹ" của một "Âu Châu thủ cựu". Với nền tảng xã hội tự do hầu như tuyệt đối, với óc mạo hiểm đáng kính phục - những cái đã tạo ra sức mạnh vô song của mình, người Mỹ hình như đang quên đi những gốc rễ tự do, dân chủ của Châu Âu, bỏ qua những kinh nghiệm máu lửa của "miền đất cũ" và những hiểm họa khủng khiếp mà Trung Đông và Âu Châu sẽ phải gánh chịu một khi cuộc chiến xảy ra.

Có vẻ như chính phủ Bush - sau khi đã đơn giản vạch rõ chiến tuyến "bạn, thù", bất chấp hiểm nguy, ào ào xốc tới ; còn Pháp và Đức thì vẫn kinh hãi chiến tranh, cố sức tìm kiếm những hy vọng hòa bình còn sót lại - trong khi hành vi can thiệp của họ không thể bị gọi là hèn nhát. Cũng như Mỹ, Pháp và Đức đã cương quyết bước vào chiến

tuyến chống khủng bố toàn cầu. Nhưng khác với Mỹ, họ không sẵn sàng dùng vũ lực, mà vẫn ưu tiên những tiêu chí Hòa Bình, Đối Thoại để tiến về một trật tự toàn cầu mới.

Suy cho cùng, "tấn công Iraq", Mỹ vẫn chưa "là cả thế giới". Cùng một cứu cánh, nhưng Mỹ và nhiều nước phương Tây đang ưu tiên những phương tiện khác nhau. Đối diện với những thế lực lạc hậu và tàn bạo trên thế giới hiện nay, khó có thể nói trước giữa vũ lực đơn giản và ngoại giao lâu dài, cái nào sẽ chiếm thế thượng phong. Phải chăng, đây cũng là một cuộc cọ xát giữa các "nền văn hóa và, cũng như văn hóa, sẽ diễn ra một sự trộn lẫn, giao thoa ?

Nhân loại sẽ cực kỳ may mắn nếu như cuộc khủng hoảng Iraq được giải quyết không phải qua con đường máu lửa. Còn không, khi bất kỳ một cuộc chiến nào xảy ra, là loài người lại thêm một lần thất bại !

Phạm Việt Vinh (Berlin, 2-2003)

Thành công Thế kỷ 21

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001

của

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

"Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn."

"Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện."

"Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của ách độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu.

Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại Châu Âu :
10 EUR, Mỹ : 10 USD, Úc : 15AUD.

Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về
tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau,
77600 Bussy-Saint-Georges -France.

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận thời sự.
Bìa màu, giấy láng, trình bày trang nhã, 56 trang,
khổ A4. Phát hành mỗi năm 12 số, giá 30 USD.

Đặt mua và liên lạc : **Đàn Chim Việt E-Club**
Stryjenskich 6 UH2 str., 02-796 Warsaw, Poland.

Email : danchimviet@post.pl

ĐT : 00 48 22 446 3457 - Fax : 00 48 22 637 3042

Năm cũ, năm mới và khúc quanh của lịch sử Hoa Kỳ

Trần Bình Nam

Năm Nhâm Ngọ 2002 là năm khủng bố và chống khủng bố, và là năm bản lề đưa Hoa Kỳ vào khúc quanh mới.

Bản lề đó bắt đầu bằng cuộc tấn công của những người Hồi Giáo cực đoan vào hai cao ốc của Trung tâm Mậu dịch Thế giới tại New York và tòa nhà của Bộ Quốc Phòng Mỹ tại Hoa Thịnh Đốn ngày 11 tháng 9 năm 2001. Thế giới bỗng như lại chia ra làm hai tranh chấp nhau mãnh liệt. Một bên là thế giới Tây Phương với nền văn minh Cơ Đốc, một bên là thế giới Hồi Giáo của những phần tử quá khích.

Tại Mỹ, tâm lý quần chúng thay đổi một cách căn bản. Kinh tế trở nên khó khăn hơn nhưng dân chúng vẫn ủng hộ chính sách mạnh tay của tổng thống George W. Bush, nghĩa là nếu cần chiến tranh thì chấp nhận chiến tranh.

Do khuynh hướng quan tâm đến an ninh là chính và chấp nhận chiến tranh, dân chúng Hoa Kỳ đã ủng hộ Đảng Cộng Hòa trong cuộc bầu cử tháng 11-2002 vừa qua, kết quả Đảng Cộng Hòa đã chiếm đa số trong cả hai viện quốc hội, giúp tổng thống Bush có thêm quyền hành. Năm quốc hội trong tay ông đưa ra một chương trình kinh tế để "tạo công ăn việc làm và tăng trưởng kinh tế" (job & growth). Chương trình này dài hạn, nhưng lại nhắm mục đích ngắn hạn mà chính yếu là giảm thuế. Ông Bush cần kích thích kinh tế trong năm nay và năm 2004 tới để tránh vết xe đổ của thân phụ ông, lót đường cho cuộc tranh cử tổng thống nhiệm kỳ 2 của ông. Năm 1992, George Bush thắng trận Trung Đông huy hoàng, Liên Bang Xô Viết cũng vừa sụp đổ tưởng cầm chắc chiếc ghế tổng thống (1992-1996) trong tay nên không làm gì để chấn chỉnh tình trạng kinh tế đang suy thoái và đã thất cử dưới tay ông Bill Clinton.

Cũng nhờ nắm quốc hội tổng thống Bush đã có thể để áp lực Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc thông qua quyết nghị số 1441 buộc Iraq phải mở cửa lại cho các viên chức thanh sát vũ khí của Liên Hiệp Quốc.

Trong khi đó Bắc Hàn, dưới sự lãnh đạo của Kim Chính Nhật, trở chứng tiếp tục lại các chương trình chế tạo vũ khí nguyên tử và công khai rút ra khỏi thỏa ước cam kết không phổ biến hiểu biết về vũ khí nguyên tử. Bắc Hàn cho chạy lại các nhà máy điện nguyên tử có khả năng sản xuất chất plutonium, là nhiên liệu chế tạo bom nguyên tử.

Tại Âu châu, một số nước Đông Âu trước kia thuộc khối Liên Xô như Tiệp, Slovakia, Hung, Bảo, Latvia, Estonia và Luthiana được thu nhận vào khối Liên Phòng Bắc Đại Tây Dương (NATO). Liên Bang Nga cất giấu bất mãn trong lòng, biết rằng không làm gì được để ngăn cản tiến trình này. Nhưng sự việc này sẽ làm cho Hoa Kỳ gặp khó khăn khi tranh thủ sự ủng hộ của Liên Bang Nga đối với chính sách của Hoa Kỳ tại Trung Đông.

Về mặt khoa học, mặc dù là một tin vịt khổng lồ, việc công ty Clonaid công bố đã sao bản (cloning) được con người là một biến cố khác của nhân loại. Cho đến nay, do

sự can thiệp của luật pháp Hoa Kỳ, công ty Clonaid không thực hiện được cuộc thử nghiệm khoa học để chứng minh cô bé Eve sinh ngày 26-12-2002 là sao bản của một phụ nữ khác. Tuy nhiên, việc công nhận sao bản người chỉ còn là vấn đề thời gian, và việc này sẽ là một vấn nạn lớn đối với nhân loại bên cạnh những vấn nạn khác là chiến tranh và nghèo đói.

Bước qua năm 2003.

Năm 2003 sẽ không phải là một năm của hòa bình. Trước mắt, nếu Saddam Hussein không rời bỏ chính trường bằng một cách nào đó, thí dụ bị đảo chánh hay tự nguyện lưu vong, Hoa Kỳ sẽ không có cách nào khác hơn là khởi binh giải giới Iraq. Với tương quan sức mạnh của đôi bên cuộc chiến có thể kết thúc nhanh chóng. Nhưng vấn đề ổn định Iraq và những cuộc tấn công khủng bố trả đũa của những người Hồi Giáo tại nội địa Hoa Kỳ hay các cơ sở liên quan đến quyền lợi của Hoa Kỳ trên khắp thế giới sẽ không phải là một vấn đề nhỏ. Nếu những cuộc khủng bố này gây nhiều thương vong, tạo bất ổn tại các thành phố lớn đến độ đe dọa an ninh của quốc gia thì khó đoán được Hoa Kỳ sẽ hành động như thế nào để tự vệ. Tập trung người Hồi Giáo và người gốc Ả Rập như Hoa Kỳ đã làm đối với người gốc Nhật (trong đó có công dân Hoa Kỳ, sau khi Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng và đe dọa đổ bộ lên bờ biển California) sẽ không còn là một điều không thể nghĩ tới – *unthinkable*.

Tại Âu châu, Liên Hiệp Châu Âu dự trù thu nhận thêm 10 nước nữa (gồm các nước Đông Âu cũ trừ Romania và Bảo Gia Lợi và hai tiểu quốc Cyprus và Malta) sẽ làm thay đổi khung cảnh chính trị Âu châu và thêm một nỗi buồn phiền cho Liên Bang Nga. Trong năm 2003 vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ có được gia nhập Liên Hiệp Châu Âu hay không cũng sẽ là một vấn đề tạo căng thẳng tại lục địa này.

Ngày 5-2-2003, ông bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ Colin Powell đã trưng nhiều bằng chứng tình báo trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng chẳng những Iraq còn cất giấu vũ khí giết người hàng loạt mà còn có quan hệ với tổ chức Al Qaeda. Ngày 14-2-2003, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đang đứng trước một vấn đề nan giải sau khi hai ông Hans Blix, trưởng đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc, và ông Mohamed El Baradei, giám đốc Nguyên Tử Lực Cuộc Quốc Tế, báo cáo rằng họ không tìm thấy có vũ khí giết người tập thể tại Iraq, nhưng Iraq cũng không trưng đủ bằng chứng để thuyết phục đoàn thanh tra rằng họ không có những thứ vũ khí đó. Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc sẽ phải quyết định chấp thuận hay không chấp thuận cho phép Hoa Kỳ dùng vũ lực giải giới Iraq. Cho phép, có nghĩa Liên Hiệp Quốc không chống nổi áp lực của Hoa Kỳ. Không cho phép mà Hoa Kỳ vẫn đánh

chúng tỏ Liên Hiệp Quốc không còn có khả năng làm trọng tài các tranh chấp quốc tế. Trong cả hai trường hợp Liên Hiệp Quốc sẽ mất uy tín, và không thể tiếp tục tồn tại dưới hình thức như hiện nay. Một cuộc cải tổ sâu rộng sẽ phải đến sau năm 2003.

Tại Á châu, vụ Bắc Hàn chế tạo vũ khí nguyên tử sẽ là chuyện nhỏ, ngay cả trong trường hợp Hoa Kỳ dội bom Bắc Hàn. Vấn đề Trung Quốc và Đài Loan cũng vậy. Đài Loan sẽ không dại gì tuyên bố độc lập để Trung Quốc có cơ xâm lăng. Và cho dù Đài Loan muốn tuyên bố độc lập Hoa Kỳ cũng sẽ ngăn cản không cho làm. Chuyện chính của Á châu trong năm 2003 và có thể nói trong thập niên này vẫn sẽ là tình hình chính trị và sức mạnh kinh tế của Trung Quốc trong phương trình đối đầu không tránh được giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Cuộc đối đầu này sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ sinh hoạt chính trị Á châu, nếu không muốn nói đến toàn bộ tình hình thế giới.

Vào tháng Ba năm nay, khi quốc hội Trung Quốc họp, Trung Quốc sẽ có thủ tướng mới. Ông Hồ Cẩm Đào đương kim tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc có phần chắc được bổ nhiệm làm chủ tịch nước thay Giang Trạch Dân. Cựu tổng bí thư họ Giang có thể sẽ còn giữ chức chủ tịch Quân ủy để có đủ uy thế giúp ban lãnh đạo mới, đa số là thành phần trẻ, trong Thường vụ Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc nắm vững việc nước. Như vậy nội bộ ban lãnh đạo Trung Quốc sẽ không xâu xé nhau để giành quyền lãnh đạo chính trị, nhất là đối với Giang Trạch Dân, như đa số các quan sát viên tây phương tiên đoán. Nếu trong đại hội tháng 11 vừa qua, Giang Trạch Dân rũ áo ra đi, bỏ mọi chính sự ra ngoài, ông sẽ bị coi là thiếu trách nhiệm. Ngược lại, nếu Giang Trạch Dân tham quyền cố vị, ông ta đã không trao quyền lãnh đạo đảng cho Hồ Cẩm Đào (một người trẻ hơn cả người đàn em thân tín nhất của ông ta và công lao đối với đảng không nhỏ là Tăng Khánh Hồng) và cũng không đưa thành phần trẻ lên nắm Thường vụ Bộ chính trị. Sự việc nếu ông ta còn nắm chức chủ tịch Quân ủy Trung ương có thể chỉ là một cách để giúp cho ban lãnh đạo mới làm việc một cách hữu hiệu hơn. Như Đặng Tiểu Bình đã từng làm đối với Giang Trạch Dân.

Nhưng đại hội 16 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc không làm cho Trung Quốc ổn định dễ dàng. Cái làm cho xã hội Trung Quốc căng thẳng là sự chọi nhau giữa hai đối lực: *một bên* là kinh tế thị trường đòi hỏi một xã hội dân chủ, *bên kia* là Đảng Cộng Sản Trung Quốc muốn nắm mọi quyền hành trong tay. Quyết định cho giới doanh nhân vào đảng trong đại hội 16 sẽ không làm cho sự đối chọi này giảm bớt (như ý của lãnh đạo), trái lại có thể làm cho căng thẳng hơn.

Á châu còn có Ấn Độ với dân số hơn một tỉ người. Cuộc tranh chấp giữa những người Ấn Độ Giáo đa số đang cầm quyền với nhóm Hồi Giáo thiểu số có triển vọng sẽ tạo ra nhiều rối loạn xã hội trong năm 2003. Sự rối loạn này sẽ còn căng thẳng hơn tùy theo cường độ tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan (mà trên căn bản do tranh chấp giữa Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo) trong vùng Kashmir. Nếu Pakistan không ngăn chặn được các nhóm du kích Hồi Giáo tấn công

Ấn Độ trong vùng Kashmir thì Ấn Độ sẽ tấn công Pakistan để trả đũa. Nỗi lo sợ của thế giới là cả hai nước đều có vũ khí nguyên tử. Trong hơn 10 năm qua, chiến tranh giữa Ấn Độ và Pakistan đã ba lần xuyt xảy ra nếu không có sự can thiệp của Hoa Kỳ.

Một câu hỏi tự nhiên. Với khoảng trống quyền lực hiện nay trên toàn cầu, liệu Hoa Kỳ có thể trở thành một đế quốc hay không? Câu trả lời tùy theo định nghĩa thế nào là một đế quốc, và tùy theo chính sách của các nhà lãnh đạo nước Mỹ.

Hiện nay Hoa Kỳ là nước có tổng sản lượng bằng 1/3 tổng sản lượng toàn thế giới, và chi phí quốc phòng của Mỹ lớn bằng chi phí quốc phòng của 20 nước cao nhất gộp lại. Do đó ảnh hưởng của Hoa Kỳ trên thế giới là điều không thể chối cãi. Nhưng Hoa Kỳ có là một đế quốc hay không là một chuyện khác.

Nhìn lại lịch sử Hoa Kỳ, chỉ có một lần - sau khi đánh bại Tây Ban Nha năm 1898 - Hoa Kỳ mới có thái độ đế quốc bằng cách giao cho quân đội cai trị một số vùng đất chiếm đóng từ Puerto Rico đến Phi Luật Tân, ngoài ra Hoa Kỳ rất tự chế. Thời chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ đã mạnh tay can thiệp vào chuyện chính trị nội bộ của một số nước như Iran, Việt Nam, Chí Lợi... trong chính sách ngăn chặn làn sóng cộng sản, nhưng cũng khó nói những sự can thiệp này là một biểu hiện đế quốc. Từ năm 1991, sau khi Liên Bang Xô Viết sụp đổ, Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất, người ta không thấy Hoa Kỳ muốn khống chế thế giới, ngoại trừ chính sách xiển dương sự *toàn cầu hóa* thế giới bằng kinh tế và bằng ý niệm dân chủ và nhân quyền.

Nhưng từ sau cuộc khủng bố ngày 11-9-2001, Hoa Kỳ thấy rằng hòa bình, thịnh vượng và dân chủ trên thế giới không thể giữ gìn bằng nước bọt mà bằng một cuộc đấu tranh trường kỳ và liên tục. Và Hoa Kỳ biết rằng mình chẳng những không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh này mà còn phải giữ vai trò lãnh đạo. Hoa Kỳ có là một đế quốc hay không tùy theo cung cách lãnh đạo này.

Tai nạn của phi thuyền con thoi Columbia ngày 1-2-2003 khi trở về trái đất làm thiệt mạng 7 phi hành gia cho thấy Hoa Kỳ, ngoài mặt lãnh đạo chính trị (chống khủng bố, hai chiến trường Trung Đông và Á châu, sự cáo chung của Liên Hiệp Quốc, mở rộng NATO, đồng minh Âu châu nổi loạn...), còn phải lãnh đạo thế giới về phương diện khoa học và kỹ thuật (trong khi thế giới đang hoang mang trước tai nạn, tổng thống Bush tuyên bố công cuộc thám hiểm không gian tiếp tục và hai hôm sau tăng ngân sách cho NASA - Cơ Quan Không Gian Hoa Kỳ).

Đối với Việt Nam, bức tranh vẫn là màu xám. Không thấy có dấu hiệu gì Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ cởi mở hơn về chính trị trong năm 2003. Trái lại, lợi dụng thế giới đang bận tâm với những vấn đề thời sự nóng bỏng và nhất là Hoa Kỳ đang ve vãn Trung Quốc, một đồng minh của Việt Nam, vấn đề nhân quyền tại Việt Nam sẽ không còn đặt ra một cách gắt gao như trước nên Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ mạnh tay đàn áp các tiếng nói đối lập hơn. Đảng

Cộng Sản Việt Nam cho biết sẽ ban hành luật cấm các cuộc biểu tình dưới mọi hình thức. Một dấu hiệu khác, Tết nguyên đán 2003 năm nay Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ giảm án và trả tự do cho gần 200 tù nhân so với Tết năm 2000 đã trả tự do và giảm án cho hàng ngàn tù nhân.

Vấn đề khó khăn của Đảng Cộng Sản Việt Nam là thi hành thỏa ước thương mại song phương ký năm 2001 với Hoa Kỳ và có hiệu lực từ ngày đầu năm 2002. Đảng Cộng Sản Việt Nam muốn lợi dụng tối đa thỏa ước này để tăng mức xuất cảng tôm cá và áo quần may sẵn sang Hoa Kỳ. Bù lại Việt Nam phải để cho các công ty Hoa Kỳ sang Việt Nam làm ăn theo đúng những luật lệ quốc tế mà kết quả là quyền hành của đảng sẽ bị nổi lỏng.

Liệu Đảng Cộng Sản Việt Nam có chấp nhận thực tế này không, dân chủ hóa xử sở một cách tiệm tiến, hay vẫn tiếp tục bảo vệ quyền lợi của đảng, coi thường quyền lợi của đất nước bằng cách bóp chẹt mọi tiếng nói dân chủ? Câu trả lời sẽ không mấy khích lệ nếu dựa vào những gì Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm từ khi thống nhất đất nước đến nay.

Tương lai đất nước sẽ ra sao? Không thể khoán trắng tương lai của Việt Nam cho thế hệ trẻ trong bộ máy cầm quyền hiện nay. Lớp lãnh đạo trong lứa tuổi 40 hiện nay đang còn bận tâm bảo vệ những đặc quyền và đặc lợi mà họ đang có. Như vậy, những người đấu tranh cho dân chủ trong và ngoài nước, nhất là tiếng nói mạnh mẽ của nhân dân trong nước, cần phải liên tục dồn sức ép lên những người cầm quyền để bánh xe dân chủ mới có thể chuyển bánh.

Cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại đa dạng, khuynh hướng của những chiến sĩ dân chủ trong nước cũng đa dạng, do đó sức ép phải trải rộng ra trên nhiều mặt. Nhưng muốn có tác dụng cao, sức ép đó cần phải tập trung vào một số diện và điểm đấu tranh. Thí dụ như vận động chung quanh các diện đấu tranh cho nhân quyền, cho tự do tôn giáo, cho quyền tự do ngôn luận. Nỗ lực của cộng đồng người Việt hải ngoại và của các chiến sĩ dân chủ trong nước cần tập trung vào một điểm. Thí dụ như đòi hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp vì điều 4 giao trọn quyền lãnh đạo đất nước cho Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đòi Đảng Cộng Sản Việt Nam bỏ điều 4 Hiến Pháp là khởi đầu sự công nhận đa nguyên chính trị và bầu cử tự do.

Nhân dân trong nước và người Việt ngoài nước dù bằng ngôn ngữ khác nhau đều hướng cuộc đấu tranh của mình vào mục tiêu tối hậu là thay thế chế độ bị áp đặt hiện nay tại Việt Nam bằng một chế độ do dân chọn qua bầu cử tự do. Quá trình bình thường là thành lập quốc hội lập hiến, viết lại Hiến Pháp, và xây dựng một chế độ dân chủ mới. Vấn đề là làm sao khởi đầu tiến trình đó.

Áp lực Đảng Cộng Sản Việt Nam hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp là *giải pháp chính trị* (chứ không phải là *đánh về mặt luật Hiến Pháp* như một số ý kiến vẫn lúng túng với câu hỏi: đòi bỏ điều 4 Hiến Pháp là công nhận bản Hiến Pháp và chế độ hiện tại hay sao?) khởi đầu cho tiến trình dân chủ hóa nói trên.

Trần Bình Nam (Cerritos, CA)

Những bức tường lòng

Tường Năng Tiến

Khi còn bị phân chia bởi "bức tường ô nhục", người dân Đông Đức hay kể lên câu chuyện sau đây:

"*Có một con chó chui tường từ Đông sang Tây. Thấy khách lạ nên lũ chó bên Tây Đức xúm xít lại, tíu tít hỏi thăm:*

- Bên ấy có hội bảo vệ súc vật không?

- Có chứ.

- Có nhà thương và bác sĩ thú y không?

- Có luôn.

- Có đồ hộp dành riêng cho chó không?

- Có tuốt.

- Thế thì việc gì đảng ấy phải vất vả chui tường sang đây?

- Tại vì bên ấy chúng cấm không cho chó... sủa!"

Năm 1989, bức tường Bá Linh bị đập đổ. Dân Đông Đức được giải phóng. Từ đây, người được quyền ăn nói tự do, và chó có quyền... được sủa.

Sự thống nhất nước Đức về thể chế, cũng như về nhân tâm, tuy không phải là một tiến trình toàn hảo nhưng có thể được coi như là ổn thỏa - ngoại trừ đối với một số người. Họ là những di dân đến từ Việt Nam, theo như tường thuật của Alisa Roth - qua bài báo "*Bức Tường Ô Nhục Vẫn Ngăn Chia Người Việt*", như sau:

"Người Việt vẫn đang là nhóm Á Châu lớn nhất tại thành phố Bá Linh. Những người được mệnh danh là *Người Việt miền Tây* là những người miền Nam Việt Nam, hầu hết là thuyền nhân mà trong những năm tiếp theo chiến thắng 1975 của cộng sản, họ đã đổ đến những vùng bây giờ là Tây Đức.

"Còn người *Việt miền Đông* là những người đến Đông Đức vào thập niên 1960 và 1970 cùng với các công nhân xuất khẩu từ những quốc gia cộng sản đang phát triển tới làm việc trong các nhà máy..."

"...Cái cộng đồng nhỏ bé này hãy còn duy trì sự chia cắt với hai thế giới, hai phương trời cách biệt. Những ý thức hệ - từng xé nát nước Đức và nước Việt Nam ra làm đôi - hiện vẫn còn luân lưu mạnh mẽ tại nơi đây..."

"Nó "mạnh mẽ" tới độ khiến một người dân bản xứ phải thốt lên rằng: "Bức tường Bá Linh nằm trong đầu óc của người Việt miền Đông với người Việt miền Tây còn cao hơn cả bức tường của người dân Đức đối với người dân Đức". ("Berlin's Divide Lingers For Vietnamese Expatriates Capital's East - West Gap Reflects Cold War Past", *San Jose Mercury News*, 12 Jul. 2002 : A1/ *Việt Mercury*, 12 Jul. 2002 : 1+69. Trans. Nguyễn Bá Trạc").

Nói như thế, nghe (tưởng) đã phũ phàng nhưng (vẫn) chưa "đã miệng" và... "hết ý"! Trong cuốn *Tổ Quốc Ấm Năn* của Nguyễn Gia Kiểng (ấn bản 2001, Paris), nơi trang 70 - tác giả còn trích dẫn nhận xét của một người ngoài ngoại quốc khác về dân Việt - như sau: "*Ils ne s'aiment pas*" (Họ không ưa nhau đâu).

Cha nội Parisien nào đó đã nói một câu (mới) nghe tưởng tào lao nhưng - không chừng - dám... trúng lăm (à) nha. Những phương tiện truyền thông và giao thông của thời hiện đại quả có làm cho trái đất nhỏ lại, và khiến cho loài người gần gũi với nhau hơn. Chỉ riêng với với dân Việt thì... không. Nhất định không. Người ngoại quốc có vẻ "hơi" ngạc nhiên về thái độ "rất kém thân thiện" của dân Việt đối với nhau - trên bước đường lưu lạc. Họ sẽ ngạc nhiên chết (mẹ) luôn nếu biết rằng những "bức tường ô nhục" tương tự hiển hiện khắp chốn, kể cả ở Việt Nam, chứ chả riêng chi ở Berlin.

Dù đất nước đã "thống nhất" hơn một phần tư thế kỷ, dân chúng giữa hai miền Nam-Bắc Việt Nam (rõ ràng) vẫn chưa gần nhau mấy. Họ ăn ở cư xử với nhau cứ y như những kẻ phải sống trong một cuộc hôn nhân... cưỡng bách vậy.

Theo "truyền thống", người Việt hay chia phe và họ thường nhìn nhau qua những "lỗ châu mai" từ những «pháo đài» của phe mình. Họ "thích" gọi nhau là "tụi này" hay "tụi nọ" (tụi Công Giáo, tụi Phật Giáo, tụi Nam Kỳ, tụi Bắc Kỳ, tụi Trung Kỳ...). Gần đây, có thêm một "tụi mới" nữa xuất hiện - tụi... Bắc Cộng ! Tụi này nhân danh "cách mạng" để nắm cướp đoạt hết quyền bính và tài sản quốc gia. Sau đó, chúng lập tức hành xử như "mấy chủ nhân ông da trắng thời thực dân" (Vạn Lộc, "Báo Động Nạn Kỳ Thị Của Bắc Cộng", *Việt Báo*, 12 Sept. 2002).

Và đó mới chỉ là những chuyện nhỏ, ở miền xuôi. Ở miền ngược, miền núi, hay còn gọi là miền cao, miền sơn cước (hoặc cao nguyên) thì còn nhiều chuyện... kỳ cục dữ nữa. Nơi đây, một phần dân tộc Việt vẫn chưa được nhìn nhận là người thường hay người Thượng. Họ bị "tưởng" là... "tụi mọi" và bị chính đồng bào mình (toa rập với cường quyền) cướp đoạt hết đất đai canh tác.

Nghèo đói quá hóa "sảng" chăng ? Khổ cực quá, cùng quẫn quá, bị chèn ép quá nên đâm ra gấu ó, cẩu xé lẫn nhau chăng ? Không hẳn đã thế đâu. Tại nước Đức, ngay giữa một thành phố tự do và phú túc, "*bức tường Bá Linh nằm trong đầu óc của người Việt miền Đông với người Việt miền Tây (vẫn) còn cao hơn bức tường của người dân Đức đối với người dân Đức*" mà. Hơn nữa, như đã thưa, những bức tường lòng (ô nhục) tương tự hiển hiện ở khắp nơi chứ đâu có riêng chi ở Berlin.

Nơi đâu có người Việt quần tụ là tức khắc nảy sinh những chuyện dè bủ, đố kỵ, chia cách, phân hóa... Mỗi cộng đồng vẫn thường cần đến hơn một ban đại diện (dù tất cả những ban đại diện - dường như - không đại diện cho bất cứ ai và cũng không mấy ai - thực sự - cần người đại diện). Tương tự, mỗi hội đoàn đều có tới hai hay ba ông (bà) chủ tịch, dù cả hội đoàn đều không biết rõ là họ hội họp lại với nhau để làm gì. Cũng thế, mọi tổ chức (không chóng thì chầy) nếu không vỡ tan thành thì cũng bể thành vài mảnh !

Người Nga có câu ngạn ngữ là nếu thiếu chó chăn, vài chục con cừu không thể biến thành một đàn cừu được. Vấn nạn của những cộng đồng người Việt hải ngoại là sự dư thừa loại chó này. Đã thế, phần lớn, đều là... chó đại !

"Sự kiện vô vàn phi lý, cực độ vô nghĩa, và bất lợi không lường này, đang diễn tiến kết thành hiện tượng phân hóa hỗn loạn, phân liệt khắc nghiệt, chia rẽ trầm trọng giữa những cá nhân, nhóm cá nhân, cộng đồng người Việt" (Phan Nhật Nam, "Lời Khẩn Thiết Nhằm Chấm Dứt Hiện Tượng Phân Hóa", *Nguyệt San Việt Nam*, Jan. 2003 : 36). Cũng theo tác giả bài báo vừa dẫn thì Cục Tình Báo Hải Ngoại trực thuộc Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam là nguyên nhân gây ra những hiện tượng phân hóa tiêu cực kể trên.

Tôi vô cùng tiếc là đã không hoàn toàn chia sẻ được với nhà văn Phan Nhật Nam, một người mà tôi vô cùng quý mến, về nhận định vừa nêu. Với ít nhiều chủ quan, tôi không nghĩ là cộng sản Việt Nam còn đủ sức để làm như thế. Cũng như cấp trên của họ ở Hà Nội, những nhân viên của Cục Tình Báo Hải Ngoại (nếu có) cũng chỉ đang lằng lằng xăng kiếm chác và cố gắng (chối chết) để lo một chỗ ẩn thân - trước khi quá muộn ! Chính phạm không đến từ bên ngoài. Tôi "nghĩ" là chúng nằm vùng, từ lâu, trong tâm khảm của tất cả chúng ta.

Khi còn bé, tôi nhớ là đã đọc ở đâu đó, qua lời kể của Schopenhauer, một câu chuyện ngụ ngôn - nội dung (đại khái) như sau :

Có một mùa Đông lạnh đến độ muốn tồn tại muôn loài đều phải xích lại thật gần nhau để truyền cho nhau hơi ấm. Chỉ riêng có loài nhím vì lông quá nhiều, quá nhọn và không cách nào thu lại được nên đành... chờ chết !

Dân Việt đang trải qua một mùa Đông khắc nghiệt. Nếu chúng ta không vượt qua được những bức tường lòng của chính mình, không xếp lại được những lông nhọn tua tủa tự tâm mình, và mỗi người - hay nhóm người - đều nhất định "tử thủ" trong pháo đài của riêng mình thì chúng ta (e) khó mà qua khỏi được cơn quốc nạn này. Vấn đề không phải là mùa Đông sẽ kéo dài vô tận mà vì đất nước (cũng như lòng người) sẽ bầm dập, te tua, và tan nát tanh bành - sau đó.

Tường Năng Tiến
(San Jose, Hoa Kỳ)

"Thế chế của Việt Nam phải là thế chế dân chủ đa nguyên, tôn trọng mọi khác biệt và dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Nhà nước phải thực sự tôn quyền, cho phép các địa phương tự tổ chức sinh hoạt của mình theo những điều kiện đặc biệt. Nhà nước tự coi như có sứ mệnh phục vụ xã hội dân sự và tạo điều kiện để xã hội dân sự phát triển và đem lại phúc lợi cho đất nước. Nhà nước đặt nền tảng trên thỏa hiệp thay vì xung khắc, không áp dụng một cách máy móc nguyên tắc thiếu số phục tùng đa số. Nhà nước coi công bằng xã hội là một ưu tư thường trực. Nhà nước dân chủ đất nước phải là một nhà nước nhẹ, tuyệt đối tôn trọng và thực thi luật pháp, tập trung vào sứ mệnh hòa giải những tranh chấp, trọng tài các quan hệ trong xã hội dân sự và chế tài những vi phạm".

(Thành Công Thế Kỷ 21, cf. Tóm lược, tr.134).

Tìm hiểu cộng đồng người Chăm tại Việt Nam

Bài 4 : **Thời vàng son**

Nguyễn Văn Huy

Sau thời kỳ dựng nước và mở nước khó khăn, từ thế kỷ thứ 4 vương quốc Lâm Ấp đã trở thành một thế lực chính trị đáng kể trong vùng, dưới thời Bradavarman I (Phạm Hồ Đạt), người sáng lập triều đại Gangaraja phía Bắc. Là một kết hợp của nhiều tiểu vương quốc khác nhau, lãnh thổ phía Bắc giáp ranh với quận Cửu Chân, lãnh thổ phía Nam trải dài đến mũi Kê Gà (Varella, Phan Thiết). Hào quang của Lâm Ấp chiếu sáng vùng trời Đông Nam Á, các quốc gia láng giềng đều tìm đến để làm thân.

Cho đến nay không ai biết hai miền Nam Bắc đã thống nhất như thế nào, nhưng từ thế kỷ 5 trở về sau thông thương giữa hai miền trở nên liên tục và ồ ạt, lượng người và hàng hóa di chuyển từ miền Nam lên miền Bắc thay đổi dần dần cán cân quyền lực. Người Chăm phía Bắc, vì phải thường xuyên đối phó với quân thù, trở nên thiện chiến ; khi mộ quân hay trên đường chạy nạn, vì bị quân Trung Hoa truy đuổi, họ khuất phục luôn những tiểu vương quốc khác đã có mặt dọc bờ biển miền Trung từ lâu đời, quen sống trong hòa bình và an lạc. Với thời gian, vương quyền miền Bắc suy yếu dần, vì dồn hết tài nguyên nhân vật lực cho chiến tranh, vai trò lãnh đạo nhường lại cho các vương triều phía Nam giàu có và hùng mạnh hơn.

Triều vương thứ năm (758-854) : vương triều Panduranga hay Hoàn Vương Quốc

Năm 757, một tiểu vương phía Nam nổi lên hạ bệ Bhadravarman II - nhà vua trẻ vừa lên ngôi - rồi tự xưng vương, hiệu Prithi Indravarman, chấm dứt dòng Gangaraja phía Bắc.

Theo bia ký đọc được, Prithi Indravarman là người đã thống nhất lãnh thổ Champa một cách chính danh nhất, vì được triều thần công nhận là "người thống lãnh toàn bộ đất nước như Indra, thần của các vị thần". Tuy đất nước đã được thống nhất, lãnh thổ này vẫn chưa có tên. Khi sang Trung Hoa triều cống, không biết sứ thần của Prithi Indravarman đã giải thích như thế nào mà sử liệu cổ Trung Hoa đặt tên lãnh thổ mới của người Chăm trong thời kỳ này là Hoàn Vương Quốc, "vương quyền trở về quê cũ". Để xác minh điều này, việc làm đầu tiên của Prithi Indravarman là dời kinh đô Sinhapura (thành phố sư tử hay Trà Kiệu, Quảng Nam) về Virapura (thành phố Hùng Tráng, nay là thôn Palai Bachong, xã Hòa Trinh, huyện An Phước - cách Sài Gòn 310 cây số về phía Bắc trên quốc lộ 1, tỉnh Ninh Thuận).

Dưới thời Prithi Indravarman, văn minh và văn hóa Ấn Độ từ phía Nam đưa lên lấn át toàn bộ sinh hoạt của người Chăm phía Bắc ; chữ Phạn được phổ biến rộng rãi trong giới vương quyền và các nơi thờ phượng ; đạo Bà La Môn

được đông đảo người theo ; đạo Phật Tiểu Thừa (Thevada) phát triển mạnh trong chốn dân gian ; đền đài, dinh thự và chùa tháp được xây dựng lên khắp nơi, nhiều nhất là tại Khu Lật (Huế), Amavarati (Mỹ Sơn), Sinhapura (Trà Kiệu)... để tạ ơn thần linh. Tuy vậy nguyên tắc tự trị của các tiểu vương quốc phía Bắc vẫn được tôn trọng, vì không thấy di ảnh hay hình tượng nữ thần Bhagavati - vị thần bảo hộ Panduranga được Prithi Indravarman chọn làm "Bà Mẹ xứ sở" để dân chúng thờ phượng - trong các di tích khảo cổ trên lãnh thổ Chiêm Thành phía Bắc.

Về "Bà Mẹ xứ sở", ngôi tháp bằng gỗ trước kia thờ nữ vương Jagadharmā (646-653) được Prithi Indravarman cho xây dựng lại bằng vật liệu cứng tại Aya Tră (Nha Trang), trên một ngọn đồi cao cạnh cửa sông Cái (Xóm Bống), để thờ tượng nữ thần Bhagavati (bằng vàng). Tháp này về sau được biết dưới tên Po Nagar, hay Tháp Bà.

Truyền thuyết Chăm cho rằng Hoàn Vương Quốc trước kia do nữ vương Po Nagar cai trị trong suốt 200 năm, từ 758 đến 958. Thời gian trị vì lâu dài này là thời gian mà vương triều Panduranga thịnh hành. Nữ vương Po Nagar - còn gọi là Yan Pu Nagara, Po Ino Nagar hay Bà Đen (người Việt Nam gọi là Thánh Mẫu Thiên Y Ana) - là vị nữ thần được tạo nên bởi áng mây trời và bọt biển, người tạo dựng ra quả đất, sản sinh gỗ quý, cây cối và lúa gạo. Bà có 97 phu quân, trong đó chỉ một mình Po Yan Amo là người có uy quyền và được tôn trọng hơn cả. Bà có 38 người con gái, tất cả đều hóa thân thành nữ thần, trong đó có ba người được người Chăm chọn làm thần bảo vệ đất đai và còn thờ phượng cho tới ngày nay : Po Nagar Dara, nữ thần Kauthara (Khánh Hòa) ; Po Rarai Anaih, nữ thần Panduranga (Ninh Thuận) và Po Bia Tikuk, nữ thần Manthit (Phan Thiết).

Prithi Indravarman là một quân vương tài giỏi, đất nước thái bình và rất phồn vinh. Sự giàu có của Hoàn Vương Quốc hấp dẫn các vương quốc lân bang, đặc biệt là Srivijaya (Palembang), Malayu (Malaysia), Javadvipa (Java), Nagara Phatom (Thái Lan), Sriksetra (Miến Điện) và Angkor (Chân Lạp) ; họ đến để trao đổi hoặc chờ dịp cướp phá.

Năm 774, quân Nam Đảo từ ngoài khơi đổ bộ vào Kauthara và Panduranga, chiếm Virapura. Vua Prithi Indravarman đã chống trả lại mãnh liệt nhưng bị chết trong đám loạn quân (sau này được dân chúng tôn thờ dưới pháp danh Rudraloka). Một bia ký đọc được ở tháp Po Nagar ghi "những người đen dũi và gầy yếu từ miền xa đến, ăn những thức ăn khùng khiếp hơn xác chết, lại có tính hung ác. Bọn người này đi mành đến lấy cắp tượng linga của thần Sri Sambhu, đốt phá đền thờ [Po Nagar]". Sau cuộc tấn công này quân Nam Đảo cướp đi rất nhiều báu vật, trong đó có tượng nữ thần Bhagavati bằng vàng.

Ngay khi Prithi Indravarman vừa tử trận, một người cháu gọi ông bằng cậu tên Satyavarman được hoàng tộc tôn lên thay thế. Nhưng vừa lên ngôi, Satyavarman đã cùng hoàng tộc chạy lên miền Bắc (Bình Định) lánh nạn. Tại đây, nhà vua được cộng đồng người Chăm và người Thượng địa phương (Bahnar, Hré) giúp thành lập một đạo

quân hùng mạnh tiến xuống Kauthara tấn công quân Nam Đảo. Trước uy lực của Satyavarman, quân Nam Đảo lên thuyền bỏ chạy ra khơi, tân vương dẫn hoàng gia về lại Virapura. Tại đây, nhà vua xây thêm một cung điện mới trong thành Krong Laa và không ngờ đã sáng chế ra một phong tục mới mà các đời vua sau bắt chước theo, đó là tục trồng cây Kraik, biểu tượng của hoàng gia, trước cung điện. Đến Po Nagar, bị quân Nam Đảo phá hủy, được Satyavarman cho dựng lại bằng gạch, 10 năm sau (774-784) thì hoàn thành và tồn tại cho tới ngày nay. Năm 786, Satyavarman mất (được dân chúng thờ phượng dưới pháp danh Isvaraloka), em trai út của ông được hoàng tộc đưa lên ngôi, hiệu Indravarman I (786-801).

Hay tin Satyavarman từ trần, năm 787, quân Java từ ngoài khơi lại tràn vào Virapura cướp phá, sát hại rất nhiều binh sĩ và dân chúng, phá tháp Hòa Lai thờ thần Bhadrachhipatisvara tại Virapura. Quân Nam Đảo chia ra làm hai nhóm, một nhóm bắt theo nhiều phụ nữ cùng rbáu vật chở về nước, một nhóm khác chiếm giữ Panduranga. Phải hơn mười năm vất vả Indravarman I mới đuổi được quân Nam Đảo ra khơi để thiết lại xứ ở (năm 799). Tại Virapura, nhà vua xây lại tháp Hòa Lai bằng ba tháp mới, gọi là Kalan Ba Tháp, thờ các thần Indrabhadresvara, Sankara và Narayana. Cũng vất vả lắm Indravarman I mới dẹp yên được một số giặc giã nổi lên từ khắp nơi, như tại Candra (phía bắc), Indra (đông-bắc), Agni (phía đông), Yama (đông-nam), quan trọng nhất là loạn Yakshas (phía nam). Yakshas là những bộ lạc Thượng cư ngụ trên lãnh thổ đế quốc Angkor chứ không phải là quân Khmer.

Đầu thế kỷ thứ 9, Indravarman I mất, em rể là hoàng thân Deva Rajadhiraja lên thay, hiệu Harivarman I, mở đầu một trang sử mới.

Trong hai năm đầu tân vương dồn mọi nỗ lực xây dựng lại đất nước và phục hồi thế lực quân sự. Để nhận thêm sự ủng hộ của quần chúng, nhà vua sai tể tướng Senapati Pangro trùng tu lại tháp Po Nagar và xây thêm hai tháp mới cạnh tháp chính, một ở hướng nam và một ở hướng tây-bắc để dân chúng đến chiêm bái tượng nữ thần Bhagavati, được tạc lại bằng đá hoa cương.

Sau những cố gắng vượt bực, Hoàn Vương Quốc hưng thịnh trở lại, Harivarman I quyết định trả thù những quốc gia đã tấn công và cướp bóc đất nước của ông trước đó. Tháng 1-803, quân Chăm tấn công châu Hoan (Tỷ Cảnh, nay là Thanh Hóa) và châu Ái (Hải Âm, nay là Nghệ Tĩnh), mang về rất nhiều phẩm vật. Với lượng lúa gạo mang về miền Bắc, thủy quân Hoàn Vương Quốc xuất dương trừng phạt vương quốc Kelantan ở Java và Patani ở Malaysia. Khi trở về, nhà vua cho người lên Tây Nguyên mộ thêm binh sĩ và được sự hưởng ứng nồng nhiệt của người thiểu số. Với đạo

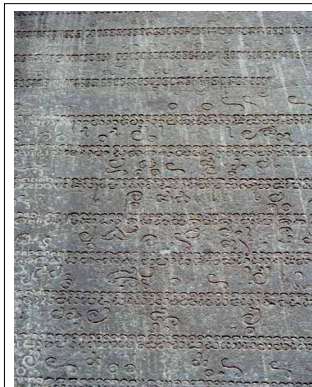
quân này, hai lần (năm 803 và 817), Harivarman I tiến vào cao nguyên Đồng Nai thượng, đánh bại quân Khmer và kiểm soát một vùng đất rộng lớn.

Để có thêm nguồn lương thực, năm 808, Harivarman I xua quân đánh chiếm châu Hoan và châu Ái lần nữa, nhưng bị thái thú Trương Châu đánh bại : 59 người trong hoàng tộc bị bắt sống, nhiều thớt voi, tàu chiến và quân trang quân dụng bị tịch thu, hơn 30.000 người bỏ xác tại trận. Về con số ba vạn người bị chết này, tưởng cũng nên tương đối hóa nó vì thời đó người Hoa chưa phát minh ra số "không" (zéro) do đó cái gì nhiều quá, đếm không xuể đều được ghi là "vạn" ; con số ba vạn ở đây có thể do nhiều đơn vị khác nhau cùng báo cáo và cũng có thể được thổi phồng để được triều đình trung ương khen thưởng, vì qua năm sau, năm 809, Harivarman I tái chiếm châu Hoan và châu Ái một cách dễ dàng và mang về rất nhiều phẩm vật.



Tháp Po Nagar, Nha Trang

Không rõ Harivarman I mất năm nào nhưng con trai là tiểu vương (pulyan) đất Panduranga lên kế vị năm 817, hiệu Vikrantavarman III. Vì tân vương còn nhỏ tuổi, triều thần phong tể tướng Senapati Par, tiểu vương đất Manidhi (?), làm phụ chính. Viên tể tướng này đã tổ chức nhiều cuộc tấn công vào lãnh thổ Kambujas (Kampuchea ngày nay), do vua Jayavarman II cai trị, phá nhiều thành trì khmer trên cao nguyên Đồng Nai thượng. Để tạ ơn Bà Mẹ Xứ Sở, trong khuôn viên Po Nagar, Senapati Par cho xây thêm hai tháp mới về phía tây và tây-nam, thời gian sau xây thêm ba tháp khác : một tại khu trung tâm thờ Sri Shambu, một phía tây-bắc thờ Shandhaka và một phía nam thờ Ganeshha. Mặc dù vậy, trung tâm chính trị và tôn giáo vẫn được duy trì tại Virapura, thủ phủ Panduranga.



Một bia ký tại Po Nagar

Dưới thời Vikrantavarman III, Hoàn Vương Quốc rất là giàu có, quân lực rất là hùng mạnh. Một bia ký, tìm được tại tháp Po Nagar, mô tả Vikrantavarman III như sau : "[Người] đeo những dây vàng có đính ngọc trai và ngọc bích, giống như mặt trăng tròn đầy đặn, che một chiếc lọng trắng bao phủ cả bốn phương trời bởi vì lọng còn sâu hơn cả đại dương, thân thể [Người] trang sức phủ kín bởi vương miện, đai, vòng, hoa tai, những tràng hồng ngọc... bằng vàng, từ đó phát ra ánh sáng giống như những cây leo [sáng lấp lánh]". Thư tịch cổ Trung Hoa (*Cựu Đường thư*) mô tả thêm : "[Vua] mặc áo cổ búi bạch điệp... trên đeo thêm trâm châu, dây chuyền vàng làm thành chuỗi...". Đẳng cấp quý tộc và phụ nữ cung đình cũng đeo trang sức quý : "Phụ nhân mặc vải cổ búi triệu hà... mình trang sức dây chuyền vàng, chuỗi ngọc trai". "[...] Quân đội được trang bị nhiều loại vũ khí khác nhau...".

Với thời gian, Hoàn Vương Quốc trở thành nạn nhân của sự giàu có của mình, các thế lực lân bang liên tục tràn vào cướp phá. Trong suốt hơn 20 năm, từ 854 đến 875, quân

của đế quốc Angkor đã nhiều lần tiến đánh Hoàn Vương Quốc, chiếm nhiều vùng đất rộng lớn dọc tả ngạn sông Đồng Nai, đôi khi còn băng cao nguyên Langbian đột nhập vào lãnh thổ Panduranga cướp phá.

Vikrantavarman III mất năm 854 (được thờ dưới pháp danh Vikrantasvara), không người kế tự, nội bộ triều đình xảy ra tranh chấp.

Triều vương thứ sáu (859-991) : vương triều Indrapura hay Chiêm Thành

Sống mãi trong xa hoa, vương triều Panduranga trở nên yếu đuối. Sau hơn 20 năm chinh chiến với Angkor quyền hành trong nước lọt dần vào tay các đồng vương tôn miền Bắc, chính họ đã chống trả lại các đợt xâm lăng của đế quốc Angkor.

Năm 859, một vương tôn mang nhiều chiến công, tên Laksmindra Bhumisvara Gramasvamin, được triều thần đưa lên ngôi, hiệu Indravarman II.

Mặc dù là truyền nhân đích tôn của các đời vua trước (ông nội là Rudravarman II, cha là Bhadravarman II), Indravarman II lên ngôi do "dày công tu luyện, do sức mạnh của trí tuệ trong sáng", vì Indra là thần trên các vị thần. Sau khi qua đời ông được dân chúng thờ dưới tên Paramabuddhaloka.

Dưới thời Indravarman II, trung tâm quyền lực chính trị và tôn giáo được dời lên phía Bắc tại Indrapura - thành phố Sấm Sét (nay là Đồng Dương, cách Đà Nẵng hơn 50km về phía nam) trên bờ sông Ly Ly (một nhánh sông Thu Bồn, cách thánh địa Trà Kiệu 15 cây số). Vị trí của Indrapura rất thuận lợi trong việc phòng thủ chống lại những cuộc tiến công của quân Khmer và quân Nam Đảo.

Phật giáo Đại Thừa cũng phát triển mạnh trong giai đoạn này, nhiều nhà sư Trung Hoa được phép đến Indrapura truyền đạo, xây chùa chiền và thu nạp giáo đồ, nhưng không mấy thịnh hành. Indravarman II là người đã dung hòa được hai tôn giáo lớn nhất thời đó (Bà La Môn và Phật giáo) trong dân gian và xã hội : nhiều Phật viện (Vihara), Phật đường, tu viện, đền thờ được xây dựng khắp nơi lãnh thổ, một bảo tháp dài 1.330m tên Laksmindra Lokesvara được xây dựng cạnh đền thờ Bà La Môn (một tượng Buddha thời này, cao 1,14m, được tìm thấy tại Đồng Dương năm 1978).

Đẳng cấp tu sĩ (Brahman) rất được trọng vọng, đạo Bà La Môn rất thịnh hành. Indravarman II rất tự hào vì các đại thần dưới quyền đều là những người Brahman và Ksatriya, và chính nhà vua cũng là một Brahman.

Quốc hiệu Campapura (đất nước của người Chăm, theo tiếng Phạn cổ) được Indravarman II chính thức sử dụng khi tôn vinh đất nước mình. Sử sách Trung Hoa phiên âm là Chang Cheng (phiên âm từ chữ Campapura hay Campa mà ra), tiếng Việt là Chiêm Thành, tiếng Tây phương là Champa. Trong thực tế, Campa là tên của một cây có hoa màu trắng, nhụy vàng, hương rất thơm. Tiếng Việt gọi là

hoa đại hay bông sứ. Loài hoa này được trồng quanh cung điện của các vua Chăm và đền thờ của người Chăm ; sau này được trồng tại nhiều nơi thờ tự của các tôn giáo khác ở miền Trung và các gia trang có sân vườn rộng. Mỗi dịp lễ lạc người Chăm thường hái bông sứ dâng lên bàn thờ, mùi hương tỏa ngát không gian của đền thờ. Campa cũng là tên một địa danh miền bắc Ấn Độ, trên con sông Hasdo, tỉnh Madhya Pradesh, gần thành phố Bhagalpur (Bilaspur). Thời đó, vì mến mộ văn minh và văn hóa Ấn Độ, các vị lãnh đạo Champa thường đặt tên triều vương, lãnh thổ và thành phố của mình theo tên các địa danh đã có tại Ấn Độ.



Tượng Yan Pu Nagara bằng đá hoa cương

Chiêm Thành dưới thời Indravarman II rất là hùng mạnh, hai miền Nam-Bắc đã được thống nhất trong hòa bình. Trong những năm 861, 862 và 865, quân Chiêm Thành tổ chức nhiều cuộc tấn công vào phủ An Nam, mang về rất nhiều lương thực và của cải. Năm 889 vua Angkor là Yasovarman hai lần tiến quân vào Chiêm Thành nhưng đều bị đánh bại và chết trong

rừng sâu (năm 890), một phần đất trên Đồng Nai thượng và lãnh thổ đông-bắc Angkor (cao nguyên Rattanakiri và Mondolkiri) đặt dưới quyền kiểm soát của Chiêm Thành.

Năm 890 Indravarman II mất, cháu là hoàng thân Jaya Sinhavarmadeva Campapura Paramesvara kế vị, hiệu Jaya Sinhavarman I. Tân vương được nhiều danh tướng Ajna Jayendrapati, Ajna Narendranavitra, Sivacarya, Po Klun Pilih Rajadvara... tận tình giúp đỡ. Nhà vua tiếp tục cho xây thêm nhiều đền đài tráng lệ, tu viện Phật giáo quanh thánh địa Đồng Dương. Tượng nữ thần Bhagavati được cho đúc lại bằng vàng thờ trong chính điện tháp Yan Po Nagara.

Uy quyền của vương triều Indrapura nở rộng lên đến Tây Nguyên. Cao nguyên Darlac-Kontum do một tiểu vương người Thượng, tên Mahindravarman, cai trị. Nhiều đền đài Chăm được xây cất trong thung lũng sông Bla gần Kontum (đền Kon Kor được xây cất năm 914 thờ thần Mahindra Lokesvara).

Jaya Sinhavarman I mất năm 898, con là Jaya Saktivarman lên thay (899-901). Những vị vua tiếp theo - Bhadravarman II (901-918) và con là Indravarman III (918-959) - tiếp tục sự nghiệp của cha ông trong lãnh vực tôn giáo : đạo Bà La Môn trở thành quốc giáo.

Qua trung gian những gia đình hoàng tộc gốc Nam Đảo - Rahdar Ahmed Abu Kamil, Naqid Amr Ali - trốn chạy chính sách cai trị khắc nghiệt của những tiểu vương Java, được tể tướng Po Klun Pilih Rajadvara nhận vào tị nạn, đạo Hồi chính thức được phổ biến trong chốn hoàng gia. Với thời gian, đạo Hồi được đông đảo quần chúng bình dân tin theo. Nhân cơ hội, những gia đình quý tộc tị nạn này truyền bá luôn văn minh và văn hóa Nam Đảo, đặc biệt là lối kiến trúc và cách điêu khắc, cho nghệ nhân Chăm. Vào thời này, người Chăm đã nắm vững kỹ thuật đi biển, biết buôn

bán và giao hảo tốt với các quốc gia lân bang : Trung Hoa và Java.

Vừa lo ngại vừa ganh tị sức mạnh và sự giàu có của Chiêm Thành, năm 945 vua Khmer là Rajendrarvarman II cùng binh sĩ băng rừng từ Angkor vào Kauthara, cướp tượng nữ thần Bhagavati bằng vàng - vị thần bảo vệ xứ sở và là biểu tượng uy quyền của Chiêm Thành - trong tháp Yan Po Nagara mang về nước ; từ sau ngày đó, vương triều Indravarman III suy yếu hẳn.

Dưới thời Indravarman III, biến cố quan trọng ảnh hưởng đến sự tồn vong của vương quốc Chiêm Thành là sự hình thành một vương quốc độc lập phía Bắc : nước Đại Cồ Việt, nhưng chỉ thực sự để lại hậu quả qua các triều vua sau. Năm 959, Indravarman III từ trần, con là Jaya Indravarman I lên thay năm 960.

Việc làm đầu tiên của tân vương là cho tạc lại tượng nữ thần Bhagavati bằng đá hoa cương để dân chúng đến thờ, năm 965 mới xong. Năm 972, Jaya Indravarman I từ trần, con là Phê Mi Thuế, Paramesvaravarman I (972-982), lên thay.

Sinh hoạt chính trị của Chiêm Thành trong giai đoạn này rất là hỗn độn, năm 978, một người tên Kinan Tache mang phẩm vật sang Trung Hoa triều cống để được phong làm vua Chiêm Thành nhưng không được nhà Tống nhìn nhận. Trong lúc đó, lợi dụng tình trạng loạn lạc tại Đại Cồ Việt (loạn thập nhị sứ quân, từ 944 đến 972), quân Chiêm Thành nhiều lần tiến lên đánh phá những quận huyện ở phía nam, gây nhiều thiệt hại nhân mạng và tài sản.

Năm 979, hay tin Đinh Tiên Hoàng bị ám sát, Ngô Nhật Khánh, một sứ quân Đại Cồ Việt, thuyết phục vua Paramesvaravarman I, dẫn hơn một ngàn chiến thuyền từ Chiêm Thành vào chiếm Hoa Lư, nhưng không thành. Ngô Nhật Khánh bị giết, quân Chăm phải rút về.

Tình hình chính trị của Đại Cồ Việt trong giai đoạn này cũng không lấy gì làm sáng sủa : triều đình không có vua, Hạng Lang tức Đinh Vệ Vương còn quá nhỏ (6 tuổi), mẹ là thái hậu Dương Vân Nga không thể một mình đảm đương việc nước vì phía Bắc quân Tống lăm le tiến xuống, phía Nam quân Chiêm sẵn sàng tiến lên. Năm 980, Dương Vân Nga nhường cho Lê Hoàn làm vua Đại Cồ Việt, hiệu Lê Đại Hành hoàng đế. Tân vương sai sứ sang Trung Hoa báo tin, dâng vài tù binh Chiêm vừa bắt được làm quà biếu. Vua Tống nhận tặng phẩm nhưng lại muốn duy trì ảnh hưởng tốt với Chiêm Thành, sai thống đốc Quảng Châu cho những tù binh Chiêm ăn uống rồi thả về nước.

Bực mình trước tin này, Lê Đại Hành sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang Chiêm Thành yêu cầu vua Chiêm sang bái kiến. Paramesvaravarman I, sau khi nhận lại tù binh từ nhà Tống và tin chắc sẽ được Bắc triều bênh vực nếu bị Lê Đại Hành tấn công, đã không những không sang bái kiến mà còn bắt giam sứ giả. Lê Đại Hành rất giận nhưng chưa có phản ứng.

Sau khi đánh đuổi quân Tống ra khỏi lãnh thổ phía Bắc cuối năm 980, Lê Đại Hành củng cố lại lực lượng chuẩn bị tấn công Chiêm Thành. Đầu năm 982, nhà vua dẫn đại quân tiến vào Indrapura. Đây là cuộc Nam chinh đầu tiên

của người Việt. Paramesvaravarman I tử trận ngay tại cửa thành, chấm dứt triều đại Indrapura.

Lê Đại Hành tiến vào kinh đô Indrapura (Đồng Dương), giết tướng giữ thành Tỳ My Thuế, bắt sống hàng trăm vũ nữ trong hậu cung, tịch thu rất nhiều báu vật mang về nước. Bên ngoài binh lính Việt đốt phá thành trì, san phẳng lăng tẩm các vị vua Chiêm, bắt theo hàng ngàn tù binh, trong đó một nhà sư Ấn Độ tên Thiên Trước Tăng (bhiksu). Lãnh thổ Bắc Chiêm Thành (Bình Trị Thiên) bị chiếm đóng từ 982 đến 983.

Sau chiến thắng này, văn hóa và nghệ thuật (nhất là âm nhạc) Chiêm Thành chính thức được du nhập vào đời sống cung đình và dân gian Việt. Đền đài, dinh thự tại Hoa Lư được trang trí bằng những chiến lợi phẩm do các thợ Chiêm Thành chạm trổ và sản xuất ra.

Indravarman IV (Xá Lợi Đà Ngô Nhựt Hoàn), được tôn lên làm vua khi Paramesvaravarman I vừa tử trận, chạy vào Panduranga lánh nạn và chịu triều cống nhà Lê mới được yên. Năm 985 Nhật Hoàn sai pháp sư Kinkoma sang Trung Hoa xin nhà Tống cứu viện nhưng được khuyên là nên duy trì quan hệ tốt với Đại Cồ Việt.

Nội bộ nhà Lê cũng xảy ra tranh chấp về quyền lãnh đạo trên lãnh thổ Bắc Chiêm Thành, người thì đề nghị cai trị trực tiếp, người thì khuyên tản quyền. Cuối cùng một giải pháp trung gian được áp dụng : nơi nào còn đông đảo người Chăm cư ngụ thì giao cho người địa phương quản lý, nơi nào đông dân cư gốc Kinh sinh sống thì triều đình Đại Cồ Việt đặt quan cai trị trực tiếp. Sự kiện này chứng tỏ sự cộng cư giữa các nhóm cư dân địa phương sau khi Lâm Ấp giành được độc lập vẫn còn khăng khít, nhưng từ khi người Kinh bắt đầu cai trị trực tiếp lãnh thổ Bắc Chiêm Thành chống đối bắt đầu xảy ra.

Năm 983, một quản giáp (trưởng làng) người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Bắc Chiêm Thành tên Lưu Kỳ Tông nổi lên chém đầu một người con nuôi của Lê Đại Hành, lúc đó là một quan cai trị trực tiếp, rồi xây thêm thành lũy quanh Phật Thành (Fo Che) phòng thủ lãnh thổ Bắc Chiêm Thành, mộ hơn 10.000 người và nhiều voi ngựa đánh Đại Cồ Việt. Lê Đại Hành tiến quân xuống đánh nhưng cuộc chiến đã không xảy ra, vì sau khi vượt núi Đông Cổ và sông Bà Hòa (Thanh Hóa), đại quân của nhà Tiền Lê chịu không nổi sương lam chướng khí phải rút về.

Năm 986, hay tin vua Indravarman IV (Ngô Nhựt Hoàn) của người Chăm từ trần, Lưu Kỳ Tông liền tự xưng vương và xin nhà Tống thừa nhận. Sự tiếm quyền này xúc phạm đến tín ngưỡng của người Chăm vì Lưu Kỳ Tông không xuất thân từ vương tộc hay đẳng cấp tôn giáo nào, và là một đe dọa cho cộng đồng người Hoa địa phương. Một người Chăm gốc Hoa tên Poulo Ngo dẫn theo khoảng 150 người đổ bộ lên đảo Hải Nam và vùng duyên hải nam Quảng Châu tị nạn. Năm 988, thêm 300 người khác do Ho Siuan dẫn đầu đổ bộ lên bờ biển Quảng Châu. Người Chăm gốc Nam Đảo còn lại theo Bằng Vương La (Cu-thì-lợi Hà-thanh-bà Ma-la), một người Champa sinh sống tại Phật Thành, kháng chiến chống Lưu Kỳ Tông.

Nguyễn Văn Huy

Người... hay Ngợm ?

Nghiêm Văn Thạch

Đầu năm mới, giới truyền thông quốc nội sôi nổi bình bầu những khuôn mặt tiêu biểu trong năm : nghệ sĩ, tài tử, thể thao gia, v.v. Nhưng tuyệt đối không đả động tới giới cầm quyền ở Việt Nam. Có thể vì e sợ ngại ngùng : khen người này có khi bị người kia trừ yểm, mất nổi cơm như chơi (và không chừng còn bị đưa đi cải tạo nữa là khác).

Một lý do khác, là trong lãnh vực "thành tích xã hội chủ nghĩa" (đo lường theo chiều chai cứng của da mặt) thì quá nhiều ứng viên, mỗi người mỗi vẻ, khó mà chọn lựa. Người viết đã chứng kiến sự khó khăn để tìm ra khuôn mặt nổi bật năm 2002, có sự đồng thuận ngay trong nhóm nhỏ bạn bè ở buổi họp mặt đầu Xuân Quý Mùi.

Mở đầu, một bạn nhanh nhẩu đề nghị là có tiến sĩ (dòm) và luật sư (trái cựa) Ngô Ngọc Thủy vừa lập công trạng (vang dội, oanh liệt) trong vụ án Lê Chí Quang. Bạn khác lập tức gạt đi : dễ tính quá ! Ngô Ngọc Thủy chỉ là thứ mặt dày muối tép, chưa thể so sánh với hàng ngàn tay kiệt xuất (nhân nhân) trong hàng ngũ Đảng và chế độ. Bạn nữa bồi thêm : về chiều dầy đó, quán quân vẫn là Hồ Chí Minh; hơn nữa thế kỷ rồi, có ai theo kịp đâu ?

Nhưng Hồ Chí Minh nay là cái xác chẳng ai muốn gọi muốn nhớ, hoàn toàn không ảnh hưởng (như "tư tưởng" làm cơ sở nền tảng chế độ) đến cuộc đấu đá (ngấm ngấm và công khai) trên võ đài chính trị đương thời. Cho nên mọi người thỏa thuận : hãy chịu khó tìm, tất phải kiếm được kẻ ưu việt (như người chột trong đám thông minh) mà tuyên dương.

- Thế Bộ trưởng Công An thì sao ? Mà hấn tên là gì nhỉ ?

Tất cả cười ô : vô danh cả với người đề nghị, sao lại là "bộ mặt trong năm" được ? Tuy ông này cố gắng ghê lắm, tử dụ đặt ra định nghĩa mới về "gián điệp" khệp tội ông Nguyễn Khắc Toàn (người viết đã trình bày ở số báo trước). Định nghĩa lại được tô điểm thêm (như rấn thêm chân) sau đó trong trường hợp mấy người trẻ, cháu của Linh mục Nguyễn Văn Lý. Cáo trạng ghi họ là gián điệp "nước ngoài". Nước nào đây ? Chỉ có thể là "nước Quê Hương", tức là chương trình radio hay TV tiếng Việt ở Hoa Kỳ, có cô phóng viên đã chi mấy trăm Mỹ kim (bằng giá đến mười xuất "com tui" cơ đấy), đài thọ vé xe tàu di chuyển, điện thoại của họ cho cô ta trong cuộc vận động bênh vực Cha Lý. Cả gan giấy trắng mực đen (lưu dấu tích lịch sử - tiểu lâm - ngoài bia miệng) ghép tội như thế, kể cũng gọi là mặt trơ (e rằng trán ngắn, không đủ bóng), dầy có tầm cỡ. Nhưng kỷ lục thì còn hệt hẳng ngoài xa. Tóm lại, Bộ trưởng Công An chẳng qua là tay sai thô vụng, chưa đủ bề thế.

Kể cầm đầu CA này - tên là Lê Hồng Anh - vừa bị truất trách nhiệm "bảo vệ chính trị", do một ủy viên (đồng hạng illustre inconnu - tạm dịch là famous nobody) mới đôn vào

cơ cấu lãnh đạo thay thế. Quả nhiên tín nhiệm và quyền hạn của ông ta xuống cấp, bị thu hẹp sau thời gian hung hãn lập công.

Mặc dù hai ý kiến đầu tiên (không đáng tiền đâu) lần lượt bị xô toẹt một cách dứt khoát và mau chóng, "dư luận" không hề nao núng. Cuộc trao đổi tăng phần nhiệt náo, có phần lung tung hỗn loạn (dân chủ mà, ai cũng là chủ cả). Đôi lúc căng, trì kéo tay đôi tay ba, khi "gà nhà" bị chê bỏ hay phê phán là thua kém. Tuy nhiên, dần dần cũng thấy ánh sáng sự thực cuối đường hầm : theo lẽ đương nhiên của chế độ (Sta-li-nít pha trộn Mao-ít bọc vỏ đổi mới), Người Trong Năm (2002, 2003, 2004, ...) nhất trí là Tổng bí thư đảng (nếu chưa bị hạ bệ nữa chừng). Bất kỳ là E (nhắc nhở: a là văn hóa cũ), B hay C, ngồi ghế ấy tức là vô địch, khó mà tranh cãi.

Vô tư mà nói, Nông Đức Mạnh có thể gọi là Người (xã nghĩa) của năm 2002 được lắm. Đó là năm tròn thứ nhất ông nắm quyền lãnh đạo tối cao, mở đầu thời đại của thế hệ kế tục lứa Cách Mạng Tháng Tám đã chết, hoặc bắt buộc lui vào hậu trường (đành đóng vai thái thượng hoàng, đặt dây mà giật). Về nhiều phương diện, ông chính là tiêu biểu cho thế hệ thứ hai ấy.

Ông ngồi vào chiếc ngai thượng đỉnh nhờ một vài đặc trưng. Yếu tố thứ nhất, kẻ khác không thể có được. Ông chính thức kẻ là người Tày, sắc tộc sống ở đèo lãnh thổ Việt-Trung, cả bên này và bên kia ranh giới. Mẹ ông lúc trẻ (khoảng 18 tuổi) được đảng bộ Quảng Châu đặc phái giúp việc (đúng nghĩa "tuốt tuốt mọi sự" ?) cho Hồ Chí Minh khi ông Hồ nhận lệnh Staline trở về nước hoạt động (1939), đặt cơ sở xâm nhập ở địa phận bộ lạc Tày, phía Quảng Châu. Lời đồn liên hệ huyết thống do đó mà có. Dù sao, mẹ ông sau được cất nhắc (bởi bàn tay ai ?) lên tới cấp tỉnh ủy, hô phong hoán vũ một thời trên miền thượng du Bắc Việt. Gốc người thiếu số cách mạng (hòa hợp Hồ-Mao) giúp Nông Đức Mạnh, cán bộ chuyên ngành lâm sản, được cử làm chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, nấc thuận lợi để tiến về trung ương.

Đặc trưng thứ hai khiến đường công danh của ông rộng mở vào lúc "anh hùng tận" : ông là tít người ngả theo chiều gió thổi, không phải là mối đe dọa cho bất cứ tham vọng nào. Địa vị chủ tịch ủy ban tỉnh rồi chủ tịch quốc hội thực thích hợp với ông, vì chỉ cần biết gặt - hoặc lác - theo chỉ thị. Khi trong đảng không phe phái nào đủ sức nắm quyền lực tối thượng, họ đành thừa nhận nguyên trạng (statut quo) bất phân, và đặt ông - họ xét đoán (ngay chóc) là vô hại - vào chỗ ngồi độc tôn họ (tạm thời) ngưng tranh đoạt.

Qua ông, người ta còn có thể nhận ra nét tiêu biểu cơ bản của "thế hệ thứ nhì" cuộc Cách mạng mùa Thu : những cá mè trong một lứa cơ chế sản xuất tập thể không có tư duy, cá tính, bản lãnh và khả năng vượt trội (cái đầu nào - hờ hênh - nhô lên quá tầm cỡ chung sẽ bị đám đông ganh ghét, xúm vào đéo gọt thẳng tay). Sự thành công của họ thường tùy thuộc ở sự tranh thủ (hầu hạ, xu nịnh) cấp trên để từ từ leo thang theo đà hưng tiến của quan thầy. Đến một giai đoạn nào đó, lâm thời họ phải biết bỏ rơi người đỡ đầu (đã vất kiệt), chọn lựa gia nhập phe nhóm (ấn

Thời sự quốc tế và Việt Nam

Những bối rối của Pháp trong vụ Iraq

Thái độ của Pháp hiện nay trong vụ Iraq rất là khó xử. Mặc dù vẫn tiếp tục nói "chiến tranh bao giờ cũng là giải pháp tồi tệ nhất" và "còn một khả năng chọn lựa khác ngoài chiến tranh", phủ tổng thống và chính phủ Pháp đang để lộ nhiều dấu hiệu bối rối.

Bối rối đầu tiên là sự suy thoái kinh tế tại Pháp ngày càng trầm trọng. Ngân sách tái khóa 2003 dựa trên chỉ số phát triển 2.5% này duyệt xuống 1.5%, có thể sẽ thấp hơn nữa. Tỷ lệ thất nghiệp hiện nay là 10% (3,7 triệu người thất nghiệp), con số này sẽ cao hơn (13% vào cuối năm nay, với hơn bốn triệu người) nếu căng thẳng giữa Washington và Paris trong vụ Iraq còn kéo dài.

Bối rối thứ hai là sinh hoạt kinh tế của Đức, khách hàng chính của Pháp, hiện nay cũng đang suy thoái, do đó ảnh hưởng nặng nề đến sinh hoạt kinh tế của Pháp. Cũng nên biết khách hàng chính của Đức là Hoa Kỳ, do đó trước dư luận quốc tế thủ tướng Gerhard Schroeder mặc dù vẫn giữ lập trường chống chiến tranh tại Iraq nhưng chỉ giữ vai trò phụ. Trong vụ công khai chống đối này, chỉ Pháp đứng mũi chịu sào trước búa rìu của dư luận Hoa Kỳ và Anh.

Bối rối thứ ba là tổng thống Pháp được dân chúng, giới truyền thông và báo chí Pháp, các quốc gia châu Phi, khối

Hội giáo và Khối phi liên kết bơm lên thành anh hùng, hay biểu tượng, chống Mỹ ; điều mà Jacques Chirac và chính phủ Pháp không muốn. Sự ủng hộ quá nhiệt tình của dân chúng làm chính phủ Pháp khó thay đổi lập trường, nếu thời cơ đổi khác, và chỉ làm hao tổn ngân sách, vì đa số các quốc gia châu Phi và phi liên kết đều nghèo khó và sẵn sàng nói theo những gì Pháp muốn để được viện trợ. Cái mà chính phủ Pháp lo sợ là nếu cứ giữ mãi thái độ đối đầu công khai và trực tiếp này mãi sẽ rất khó nhìn mặt Hoa Kỳ sau này, trong thế đồng minh và G7.

Bối rối cuối cùng, do chính biểu tượng vừa nói, là búa rìu dư luận của Mỹ và Anh đang chĩa vào Pháp. Nếu Hoa Kỳ và Anh triệt hạ được Saddam Hussein và trực tiếp cai quản Iraq thì cùng lắm Pháp chỉ bị coi là một con chiên ghê, thích phá đám vì mất ăn. Ngược lại nếu Hoa Kỳ và Anh gặp khó khăn hay bị thiệt hại nhân mạng nặng nề, Pháp sẽ bị coi là kẻ phản bội. Cái giá phải trả rất khó lường và đằng nào cũng bất lợi cho Pháp.

Vấn đề là người Pháp không thấy cái bẫy mà Hoa Kỳ và Anh đang giương ra để họ lọt vào :

- Pháp đang bị đẩy dần tới chỗ phải dùng quyền phủ quyết (veto) để bác bỏ nghị quyết đánh Iraq bằng quân sự. Nếu quyền này được áp dụng, khủng hoảng giữa Pháp và Hoa Kỳ chắc chắn sẽ xảy ra, mà thiệt hại sẽ nghiêng về phía Pháp.


- Pháp cứ đòi gia hạn thời gian kiểm soát vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Iraq với hy vọng khí hậu khô nóng trong vùng Vịnh từ tháng 3 trở đi sẽ vô hiệu hóa mọi can thiệp bằng quân sự. Hy vọng này chỉ đúng vào lúc ban đầu, bây giờ thì đã quá muộn, quân đội Hoa Kỳ và Anh đã bố trí xong lực lượng và cuộc chiến nếu có xảy ra sẽ rất nhanh chóng vì Iraq không còn là một bí mật đối với một ai.

- Pháp sẽ mất hết quyền lợi tại Iraq và không chừng mất luôn chỗ đứng trong vùng Vịnh, nếu cứ tiếp tục giữ thái độ đối đầu với Hoa Kỳ.

Gạo đổi dầu thô, cơ hội tẩy trắng tiền bẩn

Cuộc chiến tại Iraq tuy chưa bùng ra nhưng ảnh hưởng mạnh đến sinh hoạt kinh tế của Việt Nam. Hiện nay Iraq là quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam : 250.000 tấn. Đây là chương trình gạo đổi lấy dầu lửa (thô) do Liên Hiệp Quốc chủ động và giám sát. Nhưng từ đầu năm nay, Iraq thôi không nhập khẩu gạo nữa vì lượng gạo dự trữ cho nhu cầu chiến tranh (nếu có xảy ra) đã đủ.

Năm 2002, Việt Nam xuất khẩu 3,2 triệu tấn gạo, trong đó một phần lớn sang Trung Đông. Tình hình tại Trung Đông hiện nay rất là bất ổn nên mọi xuất khẩu về hướng này bị đình chỉ, ảnh hưởng đến giá gạo tại Việt Nam : giảm 15% so với năm ngoái (1.500 VND/kg thay vì 1.700 VND/kg). Trước viễn ảnh không tươi sáng này, chỉ tiêu xuất khẩu gạo năm 2003 dự trù sẽ y như năm 2002, hoặc sẽ ít hơn. Hai khách hàng chính mà Việt Nam nhắm tới để xuất khẩu gạo là Philippines và Indonesia : dự trù 500.000 tấn sang Philippines và 900.000 tấn sang Indonesia. Tuy vậy Cuba vẫn là quốc gia được Hà Nội ưu tiên bán gạo :

 chia) có hy vọng tiến xa nữa về phía thượng đỉnh.

Đại diện "xứng đáng" của thế hệ cầm quyền mở đầu Đệ Tam Thiên Kỷ, suốt một năm 2002, ông Nông Đức Mạnh không bày tỏ sáng kiến hay ý chí dẫn đạo trong lãnh vực nào, kể cả trong những sự việc trọng đại đang làm lung lay chế độ, như trừng trị tham nhũng, bài trừ tệ nạn xã hội, xây dựng nền luật pháp công bình và công chính, v.v. Sự đàn áp các chiến sĩ dân chủ : giam giữ ông Phạm Hồng Sơn, ông Nguyễn Vũ Bình ; xử án vội vàng ông Lê Chí Quang, ông Nguyễn Khắc Toàn ; rồi cuối năm 2002 lên cao điểm với việc bắt giữ hai phát ngôn viên của Nhóm Dân Chủ quốc nội là ông Phạm Quế Dương và ông Trần Khuê (thêm ông Hồ Thu, tiền đưa ông bà Phạm Quế Dương ra ga xe lửa Sài Gòn) ; cũng là sự phủ tay cho thuộc hạ lần theo vết xe đổ của chính sách cũ trong vụ Nhân Văn - Giai phẩm, vụ Xét lại Chống đảng, v.v.

Suy đi nghĩ lại, ông Nông Đức Mạnh và đồng bọn, dưới bộ vỏ kiên định cách mạng thực sự chỉ là hình nộm, là bình phong của tư bản "đỏ" đang đục khoét công quỹ, bóc lột đồng bào, tích tụ tài sản phi pháp ở nước ngoài. Họ chung một khí cốt với đám tay sai ngoan ngoãn của thực dân Pháp để được ăn trên ngồi trốc dân Việt khốn khổ đầu thế kỷ 20 (gần đúng một thế kỷ trước) mà Cụ Tú Xương, nhân dịp Tết năm nào năm nao, đã nẩy thiện tâm chúc :

"Sao được cho ra cái giống Người !".

Nghiêm Văn Thạch
(Paris, tháng 2-2003)

150.000 tấn/năm. Số còn lại xuất khẩu sang Iran, Nga và các quốc gia châu Phi da đen, chỉ một số rất ít sang Tây Âu và châu Mỹ.

Chương trình gạo đổi lấy dầu (thô) này là một cơ hội và là một nguồn lợi lớn cho các quan chức nhà nước. Chỉ cần nhìn chỉ tiêu phần phối đủ thấy sự giành giật quyền lợi trong nội bộ chính quyền và đảng cộng sản Việt Nam như thế nào. Ai cũng biết tại đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa chính của Việt Nam, gạo sản xuất dư thừa để có thể xuất khẩu, trong khi đồng bằng sông Hồng chỉ sản xuất vừa đủ ăn hoặc thiếu chút đỉnh cho nhu cầu gạo trên toàn miền Bắc. Trong số 250.000 tấn gạo xuất khẩu sang Iraq, chính quyền trung ương giao chỉ tiêu cho Tổng công ty Lương thực miền Bắc xuất khẩu 125.000 tấn (50%) ; số còn lại chia cho những nơi khác : Tổng công ty Lương thực miền Nam 10.000 tấn (4%), thành phố Hồ Chí Minh 5.000 tấn, Long An 8.500 tấn, Tiền Giang 9.500 tấn, Vĩnh Long 8.500 tấn. Vựa lúa của miền Nam là Đồng Tháp 14.000 tấn, Cần Thơ 14.500 tấn, An Giang 15.500 tấn, Kiên Giang 12.200 tấn. Các tỉnh khác mỗi tỉnh từ 3.000 đến 6.800 tấn.

Cũng nên biết lượng dầu thô này không trực tiếp chở thẳng về Việt Nam để lọc mà được bán lại ngay tại chỗ, hay trên đường vận chuyển, cho các công ty mua bán hay lọc dầu quốc tế trong Vịnh. Tiền bán dầu này, một phần được chuyển thẳng vào trương mục của người bán trong những ngân hàng đặt ở nước ngoài, các cơ quan xuất khẩu gạo nhận phần còn lại qua trung gian các ngân hàng trong nước.

Gạo đổi lấy dầu thô là một cách tẩy trắng tiền bẩn do tham nhũng mang lại một cách rất hợp pháp. Gần như toàn bộ những chức sắc lớn trong chính quyền Hà Nội đều có những trương mục loại này ở khắp nơi trên thế giới.

Bắt đầu xử vụ Năm Cam

Phiên tòa xử băng đảng Năm Cam đã khai mạc hôm thứ ba 25-2-2003. Tổng số can phạm lên tới 155 người, trong đó có 19 người có thể bị tuyên án tử hình vì tội giết người. Hơn một trăm luật sư được nhờ bào chữa cho các bị can. Một trong những luật sư bào chữa cho Năm Cam là Nguyễn Đăng Trường, chủ tịch Đoàn luật sư Sài Gòn.

Công chúng theo dõi một cách hào hứng vụ án này như một trận đá bóng để xem quyết tâm chống tệ đoan xã hội của nhà nước cộng sản tới đâu.

Số can phạm đông đảo, 155 người này, tuy nói lên tầm vóc của vụ án đã gây sôi nổi hơn một năm qua nhưng cũng không che giấu được hai sự kiện :

- Một là, theo cáo trạng thì Năm Cam và băng đảng đã bị bắt sau khi ám sát một trùm băng đảng khác là Dung Hà, sau khi bị băng đảng Dung Hà này chèn ép. Như vậy băng đảng Dung Hà còn lớn hơn băng đảng Năm Cam, nhưng không thấy người nào trong băng đảng Dung Hà bị bắt cả. Phải hiểu rằng băng đảng này vẫn hoàn toàn yên ổn và vụ án Năm Cam chỉ là một vụ trả thù cho Dung Hà.

- Hai là, số quan chức nhà nước dính líu vào vụ này có lúc được nói lên tới vài trăm người, sau cùng đã chỉ có một

số nhỏ : 19 người, trong đó có 13 sĩ quan công an, 3 viên chức Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao và 3 viên chức thuộc ngành thông tin báo chí. Ông Bùi Quốc Huy, trung tướng, thứ trưởng Bộ công an được liệt kê trong danh sách này, nhưng theo thông báo trước đây thì ông chỉ bị giáng chức xuống hàm thiếu tướng và chỉ ra tòa với tư cách nhân chứng.

Nhắc lại : Năm Cam là một tay anh chị thuộc băng đảng Đại Ca Thay tại Sài Gòn trước đây và đã bị tù dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975, Năm Cam trở thành chúa đảng các động mại dâm, buôn lậu, ma túy, tổng tiền và giết người. Năm Cam được tuyển dụng làm tình báo cho quân đội cộng sản và được sự bao che của nhiều quan chức lớn. Năm Cam và đồng lõa đã bị bắt sau khi ám sát Dung Hà, một chúa đảng lưu manh khác.

Hòa thượng Huyền Quang không được về Sài Gòn trị bệnh

Tin từ Văn Phòng Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Paris cho hay ngày 18-2-2003 chính quyền tỉnh Quảng Ngãi đã ra lệnh cấm hòa thượng Huyền Quang rời Quảng Ngãi để về Sài Gòn trị bệnh.

Đây là một quyết định cực kỳ dã man vì hòa thượng Huyền Quang đã được các bác sĩ Quảng Ngãi đề nghị đưa vào Sài Gòn chữa trị vì bệnh viện Quảng Ngãi không đủ phương tiện để trị bệnh cho ông. Họ lo ngại rằng ông có thể bị bệnh ung thư.

Nhắc lại : hòa thượng Thích Huyền Quang năm nay 86 tuổi, quyền tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã bị lưu đày không xét xử ra tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1982 và bị cô lập trong một ngôi chùa nhỏ. Tình trạng sức khỏe của ông rất là bi đát vì phải sống cô đơn trong lúc yếu bệnh. Hàng ngày chỉ có một người được phép đem cơm cho ông.

Không cầm lòng được trước hoàn cảnh thương tâm này, tháng 6-2001 hòa thượng Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo, đã quyết định ra Quảng Ngãi đón hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn. Nhưng hòa thượng Quảng Độ đã bị ngăn chặn không cho ra khỏi Thanh Minh Tiền Viện lên đường ra Quảng Ngãi. Không những thế ông còn bị tuyên bố quản chế hai năm. Nói là quản chế nhưng sự thật là hòa thượng Quảng Độ bị tù tại lầu trên chùa Thanh Minh. Công an đóng chốt ngay trong chùa, không cho ông xuống lầu dưới và hàng ngày chỉ có một tu sĩ trẻ được đem cơm lên lầu cho ông.

Dự luật treo cờ Việt Nam Cộng Hòa tại bang Virginia bị cho chìm xuống

Đầu năm 2003, một biến cố đã gây phấn khởi cho nhiều người Việt tỵ nạn bang Virginia, miền Đông Hoa Kỳ, là hạ viện tiểu bang biểu quyết dùng cờ Việt Nam Cộng Hòa cũ làm cờ Việt Nam cho bang. Dự luật này còn phải được thượng viện tiểu bang thông qua mới có giá trị. Nhưng cuối cùng nó đã bị cho chìm xuống vì thượng viện đã lờ đi không

thông qua trước hạn chót là ngày 18-2-2003.

Dự luật này do dân biểu tiểu bang Robert Hull đưa ra theo yêu cầu của một số đông đảo người Việt tại bang Virginia nhưng đã gặp sự chống đối mạnh mẽ của bộ ngoại giao Mỹ. Ngoại trưởng Collin Powell đã chính thức can thiệp để dự luật không được thông qua. Chính phủ Mỹ lo ngại dự luật này sẽ làm sức mẻ quan hệ Washington - Hà Nội.

Gía xăng dầu tại Việt Nam tăng cao

Ngày 18-2-2003, chính quyền cộng sản Việt Nam cho phép các điểm bán xăng dầu trên toàn quốc tăng giá bán lẻ thêm 300 đồng một lít. Chuyện bình thường, không có gì đáng nói, vì giá dầu thô đã tăng từ 24 USD/thùng lên 35-36 USD/thùng. Nhưng tại Việt Nam, các công ty xăng dầu đều do nhà nước nắm giữ nên phần lớn đều bị lỗ nặng do sự tăng giá dầu thô này. Muốn không bị lỗ, nhà nước phải cho tăng thêm ít nhất 650 đồng một lít mới đúng.

Sự tăng giá này trùng hợp với tin đồn về cuộc chiến vùng Vịnh lần thứ hai sắp nổ ra, dân chúng tại khắp nơi đổ xô vào các trạm xăng giành nhau mua xăng dầu dự trữ, nhiều trạm phải đóng cửa vì hết xăng dầu để bán. Giá bán lẻ xăng dầu trên thị trường chợ đen được dịp tăng lên từ 8.000 đến 10.000 đồng/lít, hơn 150% giá chính thức. Cũng may tình trạng đầu cơ này đã chỉ kéo dài trong vài ngày nhưng cũng đủ để làm tê liệt toàn bộ sinh hoạt kinh tế.

Bắt đầu từ bây giờ giá xăng dầu tại Việt Nam sẽ được thả nổi lên xuống theo sự biến động của giá dầu thô quốc tế, do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành của sản phẩm các ngành vận tải, sản xuất xi măng, giấy, thép..., từ đó sẽ lan rộng sang các sản phẩm tiêu dùng. Mức sống và lợi tức đầu người tại Việt Nam, mặc dù đã không cao, có thể sẽ bị giảm trong năm 2003.

Buôn lậu kỳ đà sang Trung Quốc

Ngày 18-2-2003 nhà cầm quyền Hà Nội cho biết đã bắt được một kiện hàng gồm khoảng hai tấn kỳ đà dự định xuất khẩu trái phép sang Trung Quốc. Các con thú này đã được đưa về một trung tâm cấp cứu nhưng quá phân nửa đã chết sau đó. Các viên chức nhà nước tha hồ nhậu !

Không biết số lượng kỳ đà này là bao nhiêu, chính quyền chỉ cho biết là "mấy trăm con". Mỗi con kỳ đà nặng khoảng bốn hoặc năm ký.

Tệ nạn bắt thú rừng (rắn, cáo, khỉ, gấu, v.v.) đem bán cho người Trung Quốc để ăn nhậu đang đe dọa bầy thú rừng vốn đã kiệt quệ tại nước ta.

Sau cà phê đến lượt hồ tiêu bị rớt giá

Việt Nam ngày nay là một trong năm quốc gia sản xuất hồ tiêu lớn nhất thế giới. Phú Quốc và các tỉnh miền Đông Nam Phần là nơi có diện tích trồng lớn nhất nước. Năm 2002, Việt Nam sản xuất hơn 80.000 tấn hồ tiêu, tương đương với 25% tổng sản lượng tiêu trên thế giới, và xuất

khẩu khoảng 75.000 tấn, đứng thứ hai sau Ấn Độ.

Giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam hiện nay là 1.621 USD/tấn, giảm khoảng 500 USD so với cùng thời kỳ năm ngoái. Cũng nên biết nhu cầu tiêu dùng về tiêu của thế giới năm 2003 từ 200.000 đến 240.000 tấn/năm trong khi sản lượng toàn cầu sẽ đạt tới 350.000 tấn, dư thừa hơn 100.000 tấn.

Giới trồng hồ tiêu Việt Nam hiện nay đang khốn đốn vì giá tiêu giảm. Năm 2002, giá tiêu nội địa giảm từ 30.000 đồng xuống còn 10.000 đồng/kg, mất 2/3 trị giá ; năm 2003 sẽ còn tệ hơn vì sự cạnh tranh về tiêu trên thương trường quốc tế rất là gay gắt : sản lượng tiêu của Việt Nam, Trung Quốc và Kampuchia tăng trung bình từ 20 đến 30%/năm, nhưng... không có thị trường tiêu thụ.

"Cửa rơi" trong Liên hoan phim Berlinale tại Berlin

Berlinale là một Liên hoan phim khá tầm cỡ. Năm nay, sau khi xét duyệt 2.761 bộ phim, ban tổ chức đã chọn để trình chiếu từ 6 đến 16-2-2003 299 bộ phim, trong đó chỉ có 22 phim được chấp nhận cho tranh giải "Chú gấu vàng". Ngoài ra, một số phim đang tranh giải "Oscar" tại Hollywood như "Chicago", "Hero" cũng được giới thiệu.

Từ trước tới nay, phim từ Việt Nam không được tham gia tranh giải chính, mà chỉ được chiếu ra mắt tại Forum. Cách đây hai năm, các bộ phim "Bến không chồng", "Mùa ổi" đã chiếm được nhiều tình cảm của người xem. Năm trước, phim "Thung lũng hoang vắng" hầu như không được giới bình luận quan tâm.

Tham gia Forum Berlinale năm nay là phim truyện "Cửa rơi" do đạo diễn Vương Đức thực hiện. Phim đưa ra hình ảnh một nhà toán học trẻ, tài năng, nhưng lơ ngơ, bất lực giữa một Hà Nội xinh đẹp, ô ã, nhưng đầy mưu mẹo, ích kỷ và lộ lộ cuộc sống xa hoa của giới chức quyền và của các nhà "tư bản" mới. Phim có một số phát ngôn khá mạnh bạo nhưng vẫn được chính quyền Việt Nam cho qua, vì theo ý đạo diễn : "Trình độ của giới kiểm duyệt nay đã khá cao. Họ chỉ chú ý đến ý tưởng của phim, chứ không soi mói từng lời đối thoại".

Tuy là một đạo diễn khá "già tay", đã từng dựng phim "Những người thợ xẻ" dựa theo cốt truyện của Nguyễn Huy Thiệp, nhưng trong "Cửa rơi" Vương Đức vẫn bộc lộ một số bất cập trong thủ pháp và nghệ thuật làm phim. Theo lời một nhà làm phim người Đức thì tác giả "Cửa rơi" vẫn chưa bám chắc và làm sáng tỏ được ý tưởng của phim. Tuy vậy, điều đáng khích lệ hơn cả là bộ phim đã xoay quanh một vấn đề nhức nhối là thái độ đối với thời cuộc của giới trí thức Việt Nam.

"Cửa rơi", trước khi sang Đức mới chỉ được ra mắt báo giới và có thể sắp sửa được công diễn rộng rãi trong nước. Trong các buổi chiếu tại Berlin, lượng khán giả (hầu hết là người Đức) khá đông, trung bình từ 500 đến 700 người mỗi buổi. Đó là một niềm vui bất ngờ đối với đạo diễn vì ở Việt Nam, như anh cho biết : "Có nhiều người tôi tặng vé và còn hứa xem song thì sẽ đả bìa, mà họ cũng chẳng thêm tới rạp".

Thư độc giả

Việt Nam Cộng Hòa

Điều có thể khẳng định ngay, xuyên suốt trong chiến tranh, và càng rõ hơn ở thời điểm ngày hôm nay, là : trong cuộc chiến Quốc Cộng vừa qua, Miền Nam đã có chính nghĩa hơn, vì chỉ chiến đấu tự vệ, chống trả lại ý đồ của Miền Bắc muốn áp đặt một thể chế mà mọi người đã rõ: toàn trị và man rợ. Nhất là trận chiến này đã diễn ra trong bối cảnh, không phải là để giành độc lập thống nhất như Hà Nội thường rêu rao, mà là trong kế hoạch toàn cầu của một khối cộng sản quốc tế hung hãn (trong đó có Bắc Việt) muốn dùng vũ lực áp đặt khắp nơi chủ nghĩa cộng sản. Nhận định này không phải là chủ quan của người Miền Nam, mà ngay cả những người cộng sản như Dương Thu Hương ngày nay cũng đã xác nhận, là Miền Nam có mô hình "văn minh" hơn (nguyên văn) và Miền Bắc mới là "man rợ". Còn chuyện hai Miền Nam Bắc đều bị hai khối Cộng Sản và Tư Bản (Mỹ) xía vào, chi phối cuộc chiến, không thể làm mất đi cái bản chất *chính nghĩa của Miền Nam*.

Sau khi đã xác nhận và chấp nhận thực tế đó, nghĩa là chính nghĩa thuộc về Miền Nam, thì những chuyện còn lại chỉ là cái phụ. Chẳng hạn như :

Ông Kiểng nói Việt Nam Cộng Hòa chưa bao giờ là một quốc gia, và được thành lập trên một chiến hạm Pháp... Thế nào là một "quốc gia" ? Một miền đất với mấy chục triệu dân, đa số không chấp nhận cộng sản, có một tập thể quân đội chiến đấu, đổ nhiều xương máu vì một chính nghĩa trong hai chục năm, giữ cho cộng sản khỏi xâm nhập, chưa đủ là một quốc gia sao ? [...] Miền Bắc vinh dự hơn chẳng, khi lãnh tụ Hồ Chí Minh xuất thân là cán bộ cộng sản quốc tế được Liên Xô sai làm thông ngôn cho Borodine ? Phải nhận rằng các chính thể Bắc Việt, Nam Việt (cũng như Bắc Hàn, Nam Hàn) được hình thành ở thời cực điểm Chiến Tranh Lạnh, và không thể tránh khỏi sự chi phối nặng nề của hai khối Cộng Sản và Tự Do (trong đó có Pháp, Mỹ). Điều quan trọng là những gì các chế độ đó làm sau này. Danh xưng "Việt Nam Cộng Hòa" là tên gọi của cái thể chế có chính nghĩa ở Miền Nam, thể chế của quần chúng ở Miền Nam không chấp nhận cộng sản. Đừng ngộ nhận đó là chế độ của cá nhân ông Diệm hay ông Thiệu. [...] Ông Kiểng chê các lãnh tụ Miền Nam yếu kém. Điều này có thể đúng, nhưng cũng không thể lấy đi cái chính nghĩa của chế độ đó. [...]

2. Về nguyên nhân thất bại của Miền Nam, dĩ nhiên không loại bỏ sự yếu kém của cấp lãnh đạo, nhưng yếu tố phản bội của Mỹ, phải khẳng định là có. Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, quân Miền Nam đã tự lực, xin nói rõ tự lực và không phải nhờ Mỹ, để đánh tan rã các sư đoàn Bắc Việt có thiết giáp yểm trợ, tràn qua sông Bến Hải, đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng cộng sản xâm nhập ở Bình Long, An Lộc, và giữ vững được Miền Nam. Lực lượng

Mục lục

1. *Chống chiến tranh hay chống Mỹ ?* *Thông Luận*
2. *Lý do của sự vô lý* *Nguyễn Gia Kiểng*
3. *Thơ : Phải thả ngay* *Sông Lô*
4. *Phạm Quế Dương, một anh hùng và một cấp lãnh đạo xuất chúng*
5. *Trần Khuê, một trí thức khiêm tốn và nhiệt tình*
6. *Trần Dũng Tiến, một quyết tử quân của dân chủ*
7. *Gián điệp ?*
10. *Chồng tôi đang ở đâu, bị bắt về tội gì ?* *Dương Kim Hợp*
11. *Tiền đưa Đặng Phúc Lai* *Nguyễn Gia Kiểng*
12. *Nhìn lại và tìm kiếm cùng "Tổ Quốc An Nàn"* *Tinh Tiên*
13. *Cái Thật và cái Có-về-Thật* *Tinh Tiên*
16. *Suy tư và ước nguyện ngày Xuân* *Bùi Tín*
18. *Một cách nhìn* *Phạm Việt Vinh*
20. *Năm cũ, năm mới và khúc quanh của lịch sử Hoa Kỳ* *Trần Bình Nam*
22. *Những bức tường lòng* *Tường Năng Tiên*
24. *Thời vàng son* *Nguyễn Văn Huy*
28. *Người... hay Ngợm ?* *Nghiêm Văn Thạch*
29. *Thời sự quốc tế và Việt Nam*
32. *Việt Nam Cộng Hòa* *Nguyễn Gia Kiểng*

cộng sản năm 1972 lớn hơn rất nhiều lần khi tấn công Miền Nam ba năm sau đó. Nhưng năm 1975, quân đội Miền Nam đã tan rã, mà không có một trận đánh lớn. Sự kiện này do nhiều nhân tố quan trọng mà trong đó không thể bỏ qua : là tâm lý bị đồng minh bỏ rơi, là vật chất bị kiệt quệ phương tiện. Chỉ nêu vài thí dụ : người viết bài này từng ở trong binh chủng Không quân, biết rất rõ một nửa số máy bay phải nằm ụ vì không có xăng. Binh chủng bạn Pháo binh thiếu đạn được bắn yểm trợ... [...]

Quan điểm của ông Kiểng đã không đứng vững trong câu viết "*lý do căn bản về cái chết của Việt Nam Cộng Hòa là vì nó chưa bao giờ là một quốc gia*". Thực tế là trái lại, Miền Nam đã đứng vững trong hai thập niên như một "thực thể" (entité), có một "tính danh" (identité) như một quốc gia. Người viết bài xin dựa vào một câu ông Kiểng viết, để định nghĩa quốc gia này : đó là quốc gia "*của những người chân chính, lương thiện, quyết tâm muốn duy trì chế độ Việt Nam Cộng Hòa để ngăn chặn cộng sản và xây dựng một Việt Nam dân chủ*". Nó không thành công là chuyện khác. Nhưng thực tế nó là một quốc gia đã hiện hữu trong một giai đoạn lịch sử. [...]

Nguyễn Gia Kiểng (Prilly, Thụy Sĩ)